



VĂN

VIẾT TRONG KHÓI LỬA

VĂN

số 100 & 101

TẬP SAN

**VĂN CHƯƠNG TƯ TƯỞNG
NGHỆ THUẬT**

Văn số 100 & 101

bìa: *Nguyễn Trung*

nguồn: *Internet*

trình bày: *Muôn Phương*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

Văn
số 100 & 101
VIẾT TRONG KHÓI LỬA

Năm thứ 5, số 100 & 101
ra ngày 01-3-1968



TẬP SAN VĂN CHƯƠNG TU
TƯỜNG NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ NĂM SỐ 100 & 101
RA NGÀY 1 THÁNG 3 NĂM 1968

đọc trong số này:

TUYỂN TẬP THƠ VĂN:

1. Cánh thư đầu năm 11
tòa soạn VĂN

2. Xác hoa sứ (truyện) 16
Phan Du

3. Xin với tháng ngày (thơ) 60
Duy Năng

4. Trong khói lửa ở Sài Gòn 68
nghĩ và viết về Huế
Dương Nghiễm Mậu

- | | |
|--|-----|
| 5. Về thăm bạn còn
ở Thủ Đức (thơ)
Cao Thoại Châu | 112 |
| 6. Vương mắc (truyện)
Tạ Tỵ | 118 |
| 7. Trước khi thêm tuổi (thơ)
Vũ Đình | 150 |
| 8. Cánh tay của đất (truyện)
Phan Lạc Tiếp | 154 |
| 9. Lời chúc đầu năm
Mậu Thân (thơ)
Thái Tú Hạp | 182 |
| 10. Một mùa xuân đầy máu
(bút ký)
Nguyễn Mạnh Côn | 188 |
| 11. Nỗi đau thương của
người thiếu phụ (thơ)
Nguyễn Lệ Tuấn | 222 |

- | | |
|---|-----|
| 12. Nhật ký hành quân
Trần Hoài Thư | 226 |
| 13. Vuốt mặt (truyện)
Hồ Minh Dũng | 246 |
| 14. Hộp thư bạn đọc | 276 |

TRANH BÌA: NGUYỄN TRUNG,
"MỘT MÙA XUÂN ĐẦY MÁU"

Tòa soạn và Trị sự 38, Phạm Ngũ Lão,
Sài Gòn. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/
BTT/NĐ. ngày 4/12/1963

* Chi phiếu, bưu phiếu đề tên ông Nguyễn
Đình Vượng (chủ nhiệm)

* Thư từ, bản thảo, ấn phẩm đề tên ông
Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp ông Gia Tuấn (phụ
tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN. Quản
lý: Nguyễn Thị Tuấn

THƯ TÒA SOẠN

TRONG DỊP GIÁNG SINH 1967, Tân niên 1968 và Tân Xuân Mậu Thân, tòa soạn cùng một số lớn cộng tác viên của VĂN đã nhận được rất nhiều thư và thiệp chúc mừng của bạn đọc bốn phương. Vô cùng xúc động trước những cảm tình nồng hậu của các bạn xa gần, chúng tôi rất tiếc vì công việc bề bộn nên đã không thể trả lời riêng từng bạn; nay đành mượn cánh thư đầu xuân chuyển tới quý bạn lời

cám ơn chung rất chân thành của toàn thể anh em trong cơ sở VĂN. Ước mong là mối giao tình giữa bạn đọc và chúng tôi sẽ càng ngày càng thêm thắm thiết và bền vững. Riêng phần chúng tôi xin được lập lại lời hứa thủy chung xưa cũ: chúng tôi sẽ cố gắng mãi, cố gắng không ngừng để khỏi phụ lòng mến yêu và tin cậy của toàn thể bạn đọc.

Những tiếng bom đạn nổ thay pháo mừng xuân đã làm xáo trộn khá nhiều sinh hoạt. Riêng cơ sở VĂN đành lỡ một kỳ phát hành, và, tuyển tập tân niên, do đó, sẽ gồm chung hai số 100 + 101. Với chủ đề ***Viết Trong Khói Lửa***, ở những trang sau chúng tôi sẽ trình bày những sáng tác mới nhất của một số tác giả quen thuộc, những sáng tác đã được hoàn thành trong cơn lửa đạn. Ngoài ra, bạn đọc sẽ còn gặp nhiều sáng tác của

nhiều cây bút trẻ – những nguồn sáng tác hăng say và luôn luôn hướng về cái mới... Hy vọng là trong những tuyển tập sau, những cây bút trẻ sẽ còn góp mặt đông đảo hơn, mạnh mẽ hơn, mới lạ hơn. Để VĂN mãi mãi được là mảnh đất tốt ươm những hạt giống tốt.

Cùng lúc với số VĂN này, mong bạn đọc tìm coi ba tác phẩm lẽ ra đã được phát hành từ mừng Tám Tết: Nguyệt san VĂN số 3; Người về đầu non, truyện Võ Hồng, sách Phổ thông 25/68; và Ngựa tía, truyện dài Y Uyên, Giao Điểm ấn hành.

Trong trường hợp an ninh được văn hồi, mọi sinh hoạt được trở lại bình thường thì VĂN số 102 sẽ được phát hành ngày 15/3/1968. Chủ đề có thể là một tuyển tập **Viết Trong Khói Lửa** khác. Cũng có thể là chúng tôi sẽ giới thiệu

cùng bạn đọc nhà văn xứ Guatemala vừa được trao tặng giải Nobel về Văn chương 1967: Miguel Angel ASTURIAS.

Chúng tôi cũng hy vọng sẽ được giới thiệu cùng lúc đó thiên truyện VỖ MỘNG của André GIDE, bản dịch trau chuốt của Bửu Ý, ấn hành trong tủ sách Phổ Thông (26/68); và Nguyệt san VĂN số 4 gồm chung hai tháng 3 và 4.

Trong những ngày này, tâm hồn chúng tôi hộp lo lắng hướng về những bạn văn, bạn đọc hiện ở những nơi mà chiến sự còn đang tiếp diễn. Chúng tôi thành khẩn cầu nguyện cho quý bạn cùng toàn thể những người thân yêu của bạn được bình an qua cơn khói lửa...

XÁC HOA SỨ

Phan Du

CHÙM HOA ĐƠN ĐỘC, TRÊN
NGỌN CÂY SỨ, ngả ngón đón
chào nắng sớm bên cạnh mái miếu con –
nằm ngay bên chân cầu – có thể là chùm
hoa cuối mùa duy nhất còn sót lại.

Tôi vốn yêu hoa sứ và có rất nhiều
kỷ niệm ấu thơ từng được trao gửi trên
những cành nhánh của loại cây có cái
phong vận trang trọng, cổ kính này, nên

mắt tôi vừa thoát bắt gặp đã vô vập lấy nó như những bàn tay vụ lợi chiếm đoạt của quý hiếm hoi. Như thường lệ, cùng với cây sứ, với chùm hoa cuối mùa ấy, những ảnh tượng xa xưa vụt nhiên trỗi dậy. Hình ảnh chị tôi và tôi thuở còn tấm bé, trong cuộc săn đuổi, bố ráp – giữa cái tịch mịch trầm lặng của kinh thành ngừng thở vào những trưa hè nắng chói – qua đám lá sứ, những con “thầy tu” bé bỏng có đôi cánh màu gạch non, màu nâu sẫm, xếp dài, trông giống như chiếc áo cà sa, và bộ dạng hiền từ như những bậc tu hành. Hình ảnh những vòng hoa sứ do chị tôi kết để trang hoàng chiếc xe hoa của một đám cưới – tái diễn không biết bao nhiêu lần – trong bóng râm mát của hàng sứ trước mặt nhà. Chú rể là tôi nàng dâu là Thùy Liễu, người bạn gái, mà mối tình lân lý và thân hữu giữa các đồng sinh thành của đôi bên cho phép

chúng tôi được gần gũi nhau hàng ngày, thân nhau như anh em ruột thịt. Nhớ tới đám cưới, tôi còn nhớ cả mùi thơm quyến rũ của thứ nước hoa “hoa sứ”, và lọ nước hoa trên bàn trang điểm của mẹ tôi, với những hộp phấn, thỏi son mà chị tôi đã lén vào đánh cắp để lo cái công việc “tô lục chuốt hồng” cho người đẹp của tôi vào buổi vu quy. Chưa hết. Cùng với rất nhiều kỷ niệm hoa gấm, còn xen vào những thứ ảnh tượng xa xăm, mộng mị. Nổi bật hơn hết là hình ảnh những nàng công chúa cao sang, diễm lệ và thanh quý, bóng bẩy như ngà trau, ngọc chuốt, ngày ngày ẩn náu trong cung điện rạng rỡ ánh vàng son, nép mình, nín thở, ghé mắt qua những kẽ hở của rèm châu để rình xem những cánh hoa sứ – cha tôi thường gọi là hoa Hoàng mộc bút – biến thành chim linh bay bổng lên trời. Những bóng chim linh biến hóa từ

những cánh hoa thơm tho, mình trắng lòng vàng này, những nàng công chúa mặt hoa da phấn, câu chuyện Nguyễn Hoàng Đức ăn chim linh trong cơn đói giữa rừng cha tôi thường kể, đã gây ra trong tôi một mối tình quyến luyến đặc biệt đối với loại hoa này. Và chưa hết. Còn nhiều nữa. Cây sứ, hoa sứ, đối với tôi, là cả một kho tàng chất chứa vô vàn kỷ niệm êm đềm, vang bóng cổ kính, thơ mộng...

Nhưng, buổi sáng hôm nay, qua sự ngấm nhìn chùm hoa sứ cuối mùa, tôi bỗng dừng tiếp nhận, một cách đột ngột, bất ngờ cả một niềm thất vọng. Những ảnh tượng thơ mộng vụt hiện ra rồi lại vụt tan rã, phai nhòa. Tan rã một cách vội vàng, tàn nhẫn như mây khói trước sức gió lửa, như bóng tối trước ánh đèn pha. Những cánh chim linh, những vòng

hoa sứ, đám cưới, cỗ xe hoa, những chú “thầy tu” khoác áo cà sa màu gạch non, màu nâu sẫm, chị tôi, Thùy Liễu và chú rể bé bỏng còn ham vọc đất là tôi... Tất cả những biểu tượng của một thế giới thanh bình sáng lạn ấy vụt nhiên tan biến đi đâu mất hết. Và qua cái sức xóa tan tàn nhẫn này, tôi cảm thấy tợ hồ như chùm hoa sứ cuối mùa đang gục xuống, ủ rũ, tiêu tụy với cái dáng nảo nề, thất vọng vì sự bất lực của nó trong những cố gắng gây lại, trong tôi, một thứ ảo giác thanh bình, bằng tất cả những ảnh tượng mỹ miều, gấm vóc được chiêu hồi từ một thuở trời đất thanh bình đã qua.

Quả là những cố gắng tuyệt vọng, mặc dù tôi đang sống trong một khung cảnh an toàn, một khu vực mà cảnh trí thơ mộng và dấu vết của thuở trời đất chưa nổi cơn gió bụi đang còn nguyên

ven, lẽ ra phải giúp nó thành công. Tôi đang sống giữa một cố đô có vẻ còn xa lạ quá đối với sức tàn phá và tính chất khốc liệt của chiến tranh. Tôi đang đứng ở chân cầu, ở cái ngã tư đông đảo, rộn rịp hơn hết của phố phường, nhất là vào một buổi sớm chứa nhật. Tôi đang bị vây phủ bởi cái cảnh ngựa xe rộn ràng, bởi những làn sóng người tấp nập, ồ ạt trải qua vui như ngày hội. Chung quanh tôi chỉ toàn là những biểu tượng của cảnh thanh bình, phú túc. Chung quanh tôi đang quay cuồng, xoay tit cả một guồng sinh hoạt phù phiếm, xa hoa, với những cuộc biểu diễn, hầu như vô tận, của những mái tóc tứ quái, những quần bó ống, những mắt phượng, má đào, môi son, những bóng xe Honda, Suzuki, xe hòem bóng nhoáng.

Hầu như chẳng có một chút gió bụi nào của cảnh binh đao, khói lửa đã len vào trong bầu không khí yên lành, ấm cúng nơi này. Phố phường rục rĩ, vui tươi hẳn lên với màu sắc của những loại lịch mới đủ kiểu, của các món quà và đồ trang trí Noël, các kiểu bưu thiếp chào mừng Noël, cung chúc Tân xuân báo hiệu một cái Tết, một mùa xuân hoa gấm sắp về đến nơi, và những tiện nghi sang trọng, tối tân, những tủ lạnh, máy radio, máy ti-vi, xe gắn máy, xe tự động v.v... trưng bày tại nhiều cửa hàng càng làm tăng thêm vẻ phú túc, phồn vinh của cuộc sống. Đến cả cảnh trí cũng chưa hề hoen ố chút nào vì gió bụi. Sông Hương, dòng sông thơm dưới kia, vẫn giữ nguyên vẹn cái vẻ lờ đờ, cái dáng điệu khoan thai, rón rén của những cung nữ

thành thuộc triều nghi qua lại bên cạnh mình Rỗng. Những chiếc đồ chen chúc sắp thành dãy dài, chúi mũi vào bờ, mở rộng lòng khoang ẩm cúng, mời gọi, hứa hẹn cùng đám khách du cảnh “non bông nước nhuộm” trên dòng tú thủy, giữa đám thương nữ vô hình, khi màn đêm nhung lụa đã buông rũ xuống, qua cái đáng khời trêu của những chiếc gối thêu, chăn bông, chiếu hoa sặc sỡ, càng dễ xóa tan những ấn tượng kinh hoàng của thời chiến loạn. Và cả một dãy thành quách nặng nề – còn quá xa tầm bom, tầm đạn, chỉ mang những vết loang lổ vì sức tàn phá của gió sương, mưa nắng – vẫn lẳng chim ngây ngất trong một cơn mơ trĩu nặng u hoài...

Quả thực là tôi đang đi, đang sống, đang hít thở không khí yên lành trong một thế giới thanh bình. Nhưng vô ích,

sự đồng tình, đồng lõa của cảnh trí, sự vật chung quanh tôi với chùm hoa sứ cuối mùa không thể còn đánh lừa được tôi. Cả một cố đô, cả cái thành phố phồn vinh, thơ mộng, vô tâm, vô tình này đã đến lúc không thể còn che đậy kín nhem được những dấu hiệu của một sức gặm nhấm, hủy hoại bên trong.

* * *

Và số người chạy loạn, từ các xã, các quận xa xôi đổ dồn về thị xã chen chúc trú ngụ tại nhiều phường ngày càng đông đảo, mang theo với họ hình ảnh thảm khốc của bao nhiêu cảnh điêu tàn, đồ nát, ngày càng đe dọa gần hơn cái thể yên ổn của đám thị dân.

Nhưng riêng với tôi, sớm nay, không phải chỉ có những sự trạng vừa nói đã lôi kéo tôi trở về với thực tại thâm thúy, trước sức lôi cuốn vào dĩ vãng của những ảnh tượng thanh bình đơm nở trên chùm hoa sứ cuối mùa. Một hình ảnh khác. Hình ảnh của em bé Mai Lâm.

Tôi gặp em bé Mai Lâm cách đây một tuần lễ, cũng đúng vào ngày chúa nhật, giữa lúc đang dạo chơi ở hoa viên nằm ngay ven bờ sông Hương, phía hữu ngạn. Tôi chú ý ngay đến nó không phải vì trong cái hoa viên dài rộng, hoang vắng này chỉ có mình nó với tôi. Dưới ánh nắng còn phảng phất sương mai của một ngày đẹp trời, cây cối, hoa lá, mấy bề nước, những hòn giả sơn của hoa viên có lắm màu sắc, dáng nét quyến rũ. Nhưng rồi cái nhìn của tôi phải bỏ rơi cảnh vật, chú ý đến nó ngay từ phút

đầu tiên để về rồi mắt tôi, trí óc tôi, tâm hồn tôi như đổ dồn cả vào nó, dừng hẳn lại trên tấm hình hài bé bỏng ấy. Nhưng nói cho thực đúng, cái làm cho tôi chú ý không phải là nó, chú bé mười ba, mười bốn tuổi đầu, ăn mặc khá chỉnh tề, tươm tất, với gương mặt khả ái, thông minh, nhưng chính là thân hình của nó. Thực vậy, chính cái thân xác bé bỏng vừa được chỉnh hình, di chuyển một cách chậm chạp, khó khăn, giữa cặp nặng gỗ, sớm hôm ấy, trong hoa viên tràn ngập ánh nắng trong trẻo ban mai, đã đập mạnh vào mắt tôi và có những gì làm cho tôi bàng hoàng, sửng sốt.

Mai Lâm ăn mặc rất tươm tất, như tôi đã nói. Đôi giày vải của nó còn mới, còn trắng tinh, – một đôi giày mới ra lò, chiếc quần xanh nước biển sạch sẽ, thẳng nếp, chiếc áo sơ-mi trắng dài tay, trắng

quá, nổi bật bên màu quần xanh nước
 bể và sáng hẳn lên dưới ánh nắng đang
 ban phát những tia lửa kim cương cho
 hoa lá, cho những màng nhện đất còn
 đọng sương mai trong hoa viên. Nhưng
 tất những thức phục sức này cũng như
 những cử động của tấm thân xác bé nhỏ
 thực không đủ để xóa tan được ấn tượng
 nào nề khó chịu về cái tính chất giả tạo,
 máy móc, vô cơ của một hình nộm mà kỹ
 thuật chỉnh hình đã gây ra trong tôi, với
 những nếp kim khí sáng loáng bám chặt
 hai bên ống chân và đóng thành khung
 vuông ở hai đầu gối của Mai Lâm. Tôi
 đâm ra phân vân và nghi ngờ trước cái
 đối tượng đang cố gắng biểu hiện dưới
 mắt tôi như một cơ thể sống. Tấm hình
 hài ấy, những nếp kim khí sáng loáng ấy,
 những cử động vụng về, gượng gạo tự
 dừng gọi lại, vẽ ra trong trí tưởng của
 tôi hình ảnh cái chết được hồi sinh bởi

một nhà bác học trong phim Frankenstein tôi xem dạo nào, với những đinh ốc xoắn sâu vào hai cổ chân. Sự liên tưởng này gây cho tôi một cảm giác rờn rợn lan nhanh, tỏa rộng qua khắp cơ thể để dồn tụ lại trong tim tôi thành một khối buồn thương, đau xót nặng nề. Tự dưng tôi nhớ lại, tôi thấy lại biểu diễn qua trước mắt tôi, trong một cuộc diễn hành trầm lặng – những cánh tay giả, những ống chân giả, những nạng gỗ, những thân hình khuyết phạp méo mó được chỉnh hình của những con người thương phế nạn nhân trực tiếp hoặc gián tiếp của cuộc binh hỏa tàn khốc đang tiếp diễn không ngừng những gì mà tôi từng nhìn ngắm với nỗi niềm xót thương như nhìn ngắm những thành tích đánh dấu cả một sự cố gắng đáng cảm động của khoa học để chuộc lại những lỗi lầm, những tội ác do nó mà có nhưng không phải vì nó gây

ra, những cố gắng tuy có vẻ thần tình, kỳ diệu, nhưng vẫn không giấu nổi sự bất lực trong ý hướng và cao vọng thay thế hóa công để bồi hoàn một cách sòng phẳng những mất mát đã gây ra cho con người về mặt hình hài. Những gì được thay thế không thể là những gì đã mất đi. Hình ảnh điển hình của anh Năm Thung đột nhiên tung vọt ra khỏi đám diễn hành trầm lặng để cùng với em bé Mai Lâm chứng minh sự thực bi đát ấy. Anh Năm Thung, người cùng xóm đã già từ cách đây sáu tháng. Thực chưa bao giờ có một cái chết làm cho tôi được nhẹ lòng như cái chết của anh Năm, mặc dầu sự ra đi của anh bỏ lại trong tôi một khoảng trống khó lấp về mặt tâm tình. Chưa bao giờ tôi nhận thấy ở thần chết một công trạng đáng ca ngợi khi kẻ tử thù của sự sống vác đinh ba đến mời gọi anh Năm lên đường, tuy tôi biết rõ con người

khốn khổ ấy, bất chấp số phận hẩm hiu, vẫn muốn bám riết vào cuộc sống như một con đĩa đói bám vào thịt da. Chính mối thiện cảm của tôi đối với anh đã khiến tôi bất nhẫn đến độ sẵn sàng tiếp tay, nếu có thể, để rút ngắn càng sớm càng hay, những phút giằng co, kèn cựa của anh trên giường bệnh, nhằm chống trả đến cùng sức lôi kéo của Tử thần, vào một chiều thu mà bên ngoài, lá vàng đã không cưỡng nổi sức lùa của gió.

Phải nhìn nhận rằng không một con người thương phế nào được may mắn như anh. Sức tàn phá khốc hại của binh hỏa đã biến đổi anh, từ một tráng nhân có sức gieo nhẹ Thái Sơn, một chiến sĩ nổi tiếng đánh giặc rất chì, thành một phế nhân hoàn toàn. Thuật chinh hình đã chiếu cố đến con người phế nhân này một cách chu đáo đến độ cứ nhìn

ngắm anh Năm hằng ngày, người ta phải có cảm tưởng lúc nào cũng sẵn có hằng trăm cánh tay vô hình của chuyên viên, bác sĩ châu chực sẵn bên tấm thân xác òi ọp, gầy gập, bất động này để nâng nó ngồi lên, đỡ nó đứng dậy, dìu dắt nó di chuyển, hướng dẫn nó cử động. Qua cái cảm tưởng ấy, phần hình hài của anh Năm ngày càng biểu hiện dưới mắt tôi như một thứ sản phẩm của khoa học hơn là một khu xác sinh động thực sự của con người. Những khả năng hoạt động được phục hồi một cách tài tình vẫn chưa đủ để bồi hoàn cho cái cơ thể bị hành hoại vì bom đạn này, sức sống và cái tư thế đã bị tước đoạt. Mỗi lúc ngồi nghe anh kể lại những trận chiến, nhắc lại những thành tích chiến đấu, những võ công oanh liệt, ôn lại những kỷ niệm vui buồn trong quá khứ và cả những kế hoạch làm ăn sinh sống trong hiện tại,

tôi cứ nghĩ đó là những tiếng nói vọng lại từ một con người nào khác, không ăn nhập liên hệ gì đến con người đang ngồi trước mặt tôi, dựa lưng vào tường, ủ rũ lặng nhìn cánh tay giả đặt trên cái chân gỗ cứng đờ.

Cái ấn tượng nào nề khó chịu ấy giờ đây lại ám ảnh tôi, xâm chiếm tâm trí tôi, trước tấm hình hài bé bỏng của Mai Lâm. Tôi đang đứng trước một thân xác chết biết cử động hơn là đứng trước một con người, một em bé còn hít thở khí trời. Nhìn hai ống chân nó giữa những nếp kim khí sáng loáng, nhìn thân hình ọp ọp của nó giữa cặp nặng gỗ bóng nhoáng: lòng tôi se lại, tim tôi thắt lại. Không, tôi biết, những chiếc giày vải, chiếc quần xanh thẳng nếp, chiếc áo sơ-mi trắng phau và những cử động của em bé không thể đánh lừa được tôi. Không

còn có sự sống, sức sống, không còn có chất sinh động nào hết bên trong những thứ đó. Tôi cố trấn tĩnh những xúc cảm mãnh liệt trong lòng vì tôi biết sự kinh ngạc và nỗi xót xa, biểu lộ qua sắc mặt tôi lúc này nhất định sẽ quấy động nỗi buồn tủi của đứa bé về cái thân phận hẩm hiu của nó. Nhưng rồi, lòng tôi bỗng dưng nhẹ nhàng hẳn ra, khi mắt tôi vừa nhìn lên khuôn mặt và đậu hẳn lại trên gương mặt sáng sủa, thông minh còn thơ dại ấy. Tất cả nguồn sinh động của người nó hầu như đã dồn hết lên phần dung mạo khả ái, rạng rỡ với cặp mắt đen láy, tinh anh, linh động, phóng tỏa sức sáng dưới cặp chân mày khá rậm và đôi môi chúm chím một nụ cười hồn nhiên, bất tụyệt.

Thấy tôi vậy tay và cười với nó, Mai Lâm chống nạng tiến lại gần, chào tôi rồi vui vẻ nói:

– Trời đẹp quá! Trời đẹp thế này mà hoa viên vẫn vắng người. Chỉ có hai bác cháu mình thôi. Càng tốt!

Tôi chỉ lắng nghe câu nói, mà không lưu ý nhiều đến ý nghĩa đặc biệt của hai tiếng càng tốt! Mặc dầu Mai Lâm đã thốt ra hai tiếng ấy bằng một giọng điệu khác hơn.

Nói xong, nó lại cười. Đôi môi của nó vui như ngày Tết. Tôi biết là nó không cười riêng với tôi. Nó cười với tất cả cảnh vật trong hoa viên. Cười với sắc hoa, màu lá, với đàn chim đang cãi vã nhau ôm tỏi trên mấy vòm nhãn xanh um, với mấy chú bướm vương giả vừa hong khô cánh ướm dưới ánh nắng mai, bắt đầu biểu diễn những đường gió trắng lả lướt trước đám “bóng hồng cầm lặng” còn ngậm ngọc sương trên cành...

Cứ nhìn những tia mắt, ánh mắt, nụ cười, vẻ hân hoan say đắm trên gương mặt Mai Lâm, tôi yên trí rằng đối với đứa bé lúc này, tấm hình hài ỏi ọp, những bàn chân, ống chân tê liệt què quặt, then thuồng ẩn náu bên trong những chiếc giày vải, lớp quần, áo, những nẹp kim khí sáng loáng kia, thực là vô nghĩa, không đáng bận tâm chút nào. Những gì đáng kể và có ý nghĩa thực sự không phải là tấm thân xác đã suy nhược và mất hẳn sức sinh động ấy, nhưng là vầng dương đang tỏa chiếu hào quang, ánh nắng, thanh khí ban mai, hoa vừa thức giấc trên cành, chim bướm xôn xao trong vũ điệu và ca khúc chào mừng nắng sớm, vòm trời bao la, những dãy núi lam xa xăm và dòng sông xanh uốn khúc nhưng lựa dưới kia... Và đáng kể hơn nữa, là sự may mắn còn được hòa mình trong cái sáng lạn, huy hoàng ấy của trời đất, còn

được đi lại, nhìn ngắm, hít thở không khí và ngã mình vào lòng hoa gấm của thiên nhiên... Mai Lâm, với tất cả cái dáng hân hoan, say đắm của nó lúc này, làm cho tôi tự dừng nhớ tới một câu thơ của Saint John Perse: La vie, heureuse ou triste, est belle, accepte-la. Đời sống, trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng đẹp cũng đáng yêu, và chính Mai Lâm, chú bé què quặt này đã thể hiện ngay dưới mắt tôi, cái sức yêu đời và khả năng chấp nhận cuộc sống của con người, ngay trong cái cảnh ngộ vô cùng bất hạnh. Đi với nó, ngắm nhìn phong độ của nó, tôi nghe như vang lên từ mỗi sự vật quanh tôi, từ những gì lớn lao cho đến những gì bé bỏng, khiêm nhường, từ vầng dương chói lòa vĩ đại đến những sỏi sạn ở các lối đi khuất vắng, những lời mời mọc của cuộc sống, của sự sống. Đời đẹp lắm, đời đáng yêu vô cùng, hãy chấp nhận lấy nó,

dầu vui, hay buồn, dầu sướng hay khổ, đời vẫn đáng yêu, hãy chấp nhận lấy nó: “Accepte-la! Accepte-la!” lời kêu gọi, đề nghị ấy của thi nhân như biến thành một điệp khúc trôi dạt không ngừng bên tai tôi, trong bầu không khí trầm lặng của hoa viên buổi sớm.

Với mỗi thiện cảm vừa được nhen nhúm trong lòng, tôi chỉ chiếc ghế đá:

– Chúng ta cùng ngồi xuống đây.

Nhưng Mai Lâm lắc đầu:

– Đi dạo vui hơn bác ạ. Đi thích hơn.

Và tỏ vẻ thân mật như đã quen biết nhau từ lâu, Mai Lâm đưa tay chỉ con đường lát sỏi nhỏ chạy vòng xuống phía bờ sông:

– Bác cháu mình đi về phía này, gần

sông hơn. Cháu thích con đàn này lắm. Cứ đi mãi cho đến dàn hoa giấy bên kia, nghỉ chân thì vừa.

Rồi không đợi tôi trả lời, Mai Lâm đã chống cặp nạng gỗ, nhoi mình tới trước với dáng điệu tuy khó khăn nhưng lại có vẻ nhanh nhẹn, thành thực. Tôi chậm rãi bước theo, lòng tuy ái ngại, mà gương mặt thì vẫn phải cố giữ vẻ thản nhiên, tươi tỉnh. Và tự dưng tôi nhận thấy sự chú ý đến trạng thái tàn phế của đứa bé lúc này là một chuyện lẩn thẩn đáng trách. Tại sao tôi không quên nó đi như chính Mai Lâm đã quên, để vui với cái vui của đứa bé đang say sưa với nguồn lạc thú sinh hoạt tìm được trong lòng thiên nhiên. Như đọc được ý nghĩ thầm kín của tôi, Mai Lâm quay lại nhìn tôi:

– Cháu đi khoẻ lắm bác ạ. Bác đừng ngại. Cặp nạng gỗ này được việc lắm.

Tôi thân mật hỏi tên nó. Cho tôi biết tên, Mai Lâm nói tiếp:

– Bọn bạn học còn gọi cháu là Lâm què, Lâm nặng gổ. Cháu không giận đâu. Giận làm chi vô ích, hả bác. Có đứa thấy thế nghĩ là cháu sợ, và ỷ có sức mạnh muốn ăn hiếp cháu. Nhưng sức mấy...

Tôi cảm động đến bật cười:

– Nếu chúng làm tàng thì Lâm đối phó cách nào?

Mai Lâm dừng lại, thò tay vào túi quần lấy ra một chiếc ná cao su với mấy viên sỏi được chọn lựa kỹ đưa cho tôi xem:

– Khí giới tự vệ của cháu đó. Đứa nào vô cớ gây sự với cháu, làm nhục cháu thì phải biết. Cháu cho què giò, mắt cá mà ăn phải những đạn đá thì khoái lắm.

Kêu trời không thấu. Đã có mấy đứa được nếm những chưởng này rồi, mà đã nếm rồi thì lạy cả tơi cả nón. Cái đó là tại chúng thôi, chứ cháu có thích làm đau đớn người khác đâu. Nhưng mình cần biết tự vệ, phải không bác? Bọn nó tàng lăm. Cứ nghĩ là cháu què quặt, yếu đuối đó, không những chúng ăn húng, ăn hiếp, mà còn muốn bóc lột mình đủ thứ. Có quà bánh hay món vật dụng nào xem chừng vừa ý là chúng a vào tước đoạt. Không biết tự vệ thì khó mà yên thân được với bọn chúng.

Cặp mắt Mai Lâm long sáng lên và sắc mặt nó đánh đá hằn lại khi nó thốt ra những lời vừa nói. Tôi cầm chiếc ná cao su ngấm nghĩa. Những tiếng chim riu rít trong lùm đồng đình cạnh chỗ chúng tôi đang đứng gọi ra cho tôi câu hỏi:

– Lâm có thường bắn chim không?
Và chắc là bắn giỏi!

Sắc diện của Mai Lâm tự dưng biến đổi. Vẻ hiền dịu, phúc hậu chiếm cứ lại gương mặt một cách vội vàng. Phản ứng của nó lúc này có gì vừa đẹp, vừa đáng thương hại và khả kính như phản ứng của một nữ tu sĩ còn son trẻ khi bất thần được nghe nói về những tội lỗi của thú vui xác thịt phạm hèn. Nó lắc đầu lia lịa:

– Bắn chim. Dạ không, dạ không, thưa bác. Không bao giờ cháu muốn bắn chim, mặc dầu cũng như anh Cả, cháu bắn đâu trúng đó. Cháu chẳng nói dối đâu. Đây này, bác xem nhé, cháu lấy cái hoa trên cành kia làm đích.

Cành hoa ở cách chỗ nó đứng khá xa để tôi cứ phải lo ngại cho sự chứng minh tài nghệ của nhà thiện xạ tí hon.

Mai Lâm chống kỹ nạng, lấy thế đứng, đưa ná cao su ngang tầm mắt nhắm rồi kéo dài dây ná. Một tiếng bật mạnh của sức đàn hồi nổi lên và tiếp theo là tiếng reo đặc thắng của Mai Lâm:

– Nhào!

Đóa hoa tan tác nhào ra khỏi cành với những cánh vàng tung toé, rơi xuống lả tả trong tiếng cười thích thú của nhà thiện xạ:

– Bác cần thử tài bắn của cháu nữa thôi.

Tôi vỗ nhẹ vào vai nó:

– Đủ lắm rồi. Lâm bắn đích quá. Nhưng tại sao lại không bắn chim?

Mai Lâm nhúu mày, rồi vừa quần dây vào nạng, nhét vào túi quần, vừa đáp:

– Thú thực với bác, cháu đã có bắn một lần. Một lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng, và kể từ ngày đó, cháu không còn có can đảm để gây sự đau đớn cho những con vật bé bỏng, đáng yêu ấy nữa. Cứ nhớ lại cái cảnh nó đang nhảy nhót, vui chơi trên cành, rồi tự dưng đánh bịt một cái, mình làm cho nó rụng xuống, rên, xiết, quằn quại, giãy giụa, tắt thở, cháu cảm thấy run sợ như đã phạm một tội ác tày trời. Cháu khó quên được những giọt máu...

Cặp nạng gỗ bắt đầu cử động, Mai Lâm nói tiếp:

– Không bao giờ cháu bắn chim nữa. Ác lắm, nhất là chúng hiền lành, có bao giờ chúng chọc tức mình đâu...

Gương mặt Mai Lâm bỗng nhiên sa sầm lại trong dáng nghĩ ngợi, buồn thương:

– Cháu không thích bắn chim, cũng như chẳng bao giờ cháu muốn dùng thử khi giới này để tự vệ. Làm cho chân cẳng mấy thằng bạn hung hãn phải lãnh sẹo, cháu có vui sướng gì đâu. Nhưng khổ nỗi là chúng cứ bắt buộc cháu phải tự vệ hoài. Đó là chuyện rất khổ tâm, phải không bác? Những lúc vào nhà thờ cũng như đêm đêm, trước khi đi ngủ, cháu thường cầu nguyện...

– Cho chuyện khổ tâm ấy đừng xảy ra?

Mai Lâm gật đầu:

– Dạ, đúng như thế. Cháu cầu nguyện cho chúng trở thành những người bạn chứ đừng là kẻ thù. Nhiều khi cháu còn cầu cho chúng, nếu muốn chơi xấu với cháu thì cũng đừng chơi đến cái độ bắt buộc cháu phải đối phó bằng ná cao su.

Cháu còn tập nhẩn nhục nữa là khác, nhưng bọn chúng... À, dàn hoa đây rồi, ngồi đây nhìn ra sông... còn gì thích hơn. Bác ngồi nghỉ chân với cháu...

Chúng tôi cùng ngồi xuống nền dàn hoa. Mai Lâm tựa lưng vào cột trụ cở gốc hoa giấy bám leo chằng chịt, tay mân mê chiếc nạng gỗ, mắt đăm đăm nhìn xuống dòng sông, theo dõi những chiếc xuồng máy, những chiếc đò gấn máy lần lượt những chiếc đò, chiếc nốt [Nốt, tiếng Huế, chỉ thứ đò lớn.] chèo tay, qua lại ngược xuôi, cày thành những luống dài sủi đầy bọt sóng, phá vỡ sự phẳng lặng của mặt nước đang phơi trải mình nhiều dưới ánh nắng mai sáng lạn. Cảnh trí thơ mộng vẫn không làm cho Mai Lâm xao lãng câu chuyện vừa nói. Nó quay lại nhìn tôi:

– Cháu không thích dùng ná chút nào. Một thứ của nợ. Cháu muốn vứt

bỏ đi để cho nhẹ mình. Nhưng không có nó thì bọn chúng lại làm tàng, chịu sao cho nổi. Cho chúng lãnh sẹo, chuyện đó cháu cũng ghê tởm như chuyện bắn chim, nhưng, lạ Chúa, biết làm sao bây giờ?

Những lời tâm sự của Mai Lâm, nhất là câu nói sau cùng của nó có gì làm cho lòng tôi se lại, có gì tiết ra từ trong đó, như một vị đắng cay xé lưỡi ngấm dần vào hồn tôi và làm cho tôi xót xa, ghen ngào đến ngọt thở. Một đứa bé tật nguyền, hiền lành như loài cừu, loài thỏ, lòng từ tâm sớm được phát triển đến độ không nổi, không dám sát hại một cánh chim nhỏ nhoi, đến độ run sợ trước những giọt máu của loài tạo sinh vô nghĩa, đứa bé ấy lại buộc lòng, vì cái thế tự vệ, phải sử dụng một thứ khí giới mà nó thù ghét để đối phó chúng bạn,

sử dụng với mặc cảm tội lỗi, với sự dày vò ray rứt nội tâm. Còn có cái tình trạng nghịch lý nào bi đát hơn thế nữa. Cả một khối thương tâm trĩu nặng xuống lòng tôi và tôi cảm thấy hầu như đứa bé đang ngồi bên tôi, không phải chỉ kể lể tâm tình, than thở về cái tình trạng lưỡng nan khó gỡ, mà còn đòi hỏi, réo gọi ở tôi một lời giải đáp. Tôi cầm bàn tay bé nhỏ mềm mại của nó, tôi nhìn chăm chú vào nó và lòng tôi muốn nói với nó những gì mà môi tôi còn e ấp, phân vân. Tôi muốn bảo nó rằng: «Mai Lâm ơi! tạt nguyên, sự bất hạnh của thân phận đã bắt em phải thể nghiệm sớm quá sự tàn nhẫn của cuộc sống. Cuộc sống tàn nhẫn như vậy đó. Nó còn tàn nhẫn gấp trăm, gấp nghìn, gấp vạn lần như thế, khi em càng lội sâu hơn nữa vào thế cuộc, càng tiến xa hơn nữa trên đường đời. Một ngày kia lớn lên, em sẽ hiểu thêm rằng: cuộc sống

còn tàn nhẫn như vậy, mãi, còn dằn mãi cái thể trận ‘lưỡng nan’ ấy – một cách thâm độc, khốc liệt hơn nhiều – đối với những con người hiền lương, những con người không muốn ném vất tâm hồn và quả tim, không nỡ tước bỏ lương tâm và cái vốn nhân tính, những con người biết coi là một nạn đói khát đáng lo âu nếu tình yêu thương của nhân loại không còn nữa để sưởi ấm mặt tinh cầu, và chỉ muốn làm người, thay vì muốn chiếm cái ưu thế của loài lang sói để trở nên lang sói. Một ngày kia lớn lên, rồi em sẽ thấy, chính những hạng người đó cũng phải lê nặng gót buồn như em với một thứ khí giới tự vệ trong tay – một chiếc ná cao su mà họ cũng ghê tởm như em vậy với một thảm kịch nội tâm như cái thảm kịch đang ray rứt lòng em bây giờ. Đó là định mệnh, là số phận phải chịu đựng của cái phần nhân loại gọi là hiền lương,

trong tình trạng phải đương đầu thường xuyên với cái phần nhân loại hung bạo.

Và đó cũng chính là cái thái độ sống thích đáng nhất của hạng người lương thiện, thái độ sống đã giúp cho loài người vượt xa loài phàm thú, cho em và cho ta giờ đây khác hẳn, xa lạ hẳn với con vật quái gở đầy lông lá, đứng lom khom bên đồng lửa, trong lòng hang động âm u, đập vỡ sọ đồng loại để hút óc một cách ngon lành, thích thú. Vì con người hiền lương không hành động như loài sói dữ, không muốn quật nhau với đồng loại trong cuộc cạnh tranh bằng nanh nhọn, vuốt dài, nhưng nếu con người hiền lương, ngay từ thuở xa xăm hun hút trong quá khứ mịt mờ của nhân loại, không biết phản ứng quyết liệt để kháng cự đuổi xua sói dữ, thì nhân loại vẫn còn mãi mãi đắm chìm trong cái hố sa đọa

của những bầy đoàn phàm thú. Không, Mai Lâm ơi, em phải giữ vững khí giới tự vệ ấy, giờ đây là chiếc ná cao su, mai sau có thể là một thứ vũ khí còn đáng ngại hơn nhiều cho tay ta cầm nắm, nhưng chúng ta phải nắm chắc trong tay, phải sử dụng, dầu phải đau lòng, khổ trí, phải chịu đựng không ngừng sự vò xé, dằn vặt của những ray rút nội tâm. Vì đó chính là đạo sống, là cái luật sống, cái thể sống mà hạng người hiền lương phải có can đảm chấp nhận để tiếp tục cái sứ mạng làm tăng thêm hương thơm cho loại hoa chiếm địa vị cao nhất trên ngọn cây trái đất».

Lòng tôi muốn nói lên tất cả những điều đó với Mai Lâm. Nhưng môi tôi lại không diễn dịch được thành lời. Có thể vì nó còn thơ bé quá, còn non dại, yếu đuối quá để tôi không có đủ can đảm đặt

nó đứng trước một sự thực đáng kinh hoàng như vậy, mà cũng có thể vì tôi nhận thấy là một chuyện quá thừa. Cái thể phải tự vệ của một đứa bé tật nguyền và cái thiện tâm sớm được phát triển ở nó, đã mặc nhiên đặt Mai Lâm đúng vào cái quỹ đạo mà luật sống quy định cho con người hiền lương. Tôi tin là Mai Lâm sẽ không bao giờ vứt bỏ được chiếc ná cao su, nó sẽ trưởng thành và lớn mạnh hơn với thứ khí giới tự vệ cầm tay, tôi cũng tin là nó sẽ không bao giờ dập tắt được những eo sèo, ray rứt của tiếng nói thiên lương, và nhờ đó, nó càng vững tiến trên con đường hướng thượng, với tấn thảm kịch nội tâm khó thể hạ màn giữa một cuộc sống vô cùng tàn nhẫn. Và thay vì nói ra những gì tôi muốn nói, tôi bóp nhẹ bàn tay của Mai Lâm, thân mật:

– Ta sẽ cầu nguyện cùng em, cho em.
Lâm nên tin rằng từ nay trở đi, không phải chỉ có một mình em cầu xin đấng tối cao về chuyện đó.

Cặp mắt đứa bé bừng sáng, nó nhìn tôi với cái nhìn chan chứa cảm tình:

– Cháu cảm ơn bác! Cháu cảm ơn bác nhiều lắm!

Rồi với một giọng run run vì xúc động, nó thỏ thẻ:

– Chưa có lần nào đi chơi hoa viên may mắn và thích thú như lần này...

– Vì sao?

– Vì được gặp bác đó! Vì được nói chuyện nhiều. Cháu chưa được gặp một người lớn nào chịu nghe và tỏ ra muốn gần gũi thông cảm cháu như bác cả. Giá

lần nào đến hoa viên này cũng được gặp bác thì vui biết mấy.

– Lâm thường đến hoa viên?

– Chúa nhật nào cháu cũng có ở đây, trừ những hôm mưa gió...

– Nhà cháu ở gần...

Nó lắc đầu, mỉm cười:

– Thưa xa. Cháu ở tận trên Từ Đàm kia. Nhưng cứ đến chúa nhật hay các ngày nghỉ, cháu thường tìm về đây. Cháu thích dạo chơi ở những nơi như thế này hơn là đi chơi nơi khác. Bác nghĩ, tạt nguyên, đi đứng khó khăn như cháu mà tìm đến những nơi đông đảo, thì chỉ thêm khổ thân thôi. Ở đây vắng người, chẳng ai chen lấn, cũng chẳng có những cái nhìn tàn ác...

Tôi sực nhớ đến hai tiếng «càng tốt» mà Mai Lâm đã dẫn mạnh khi thốt ra những câu nói đầu tiên lúc vừa gặp tôi, và tôi càng xót xa cảm động khi nghĩ đến cái cảnh một đứa bé tật nguyên, vì muốn tránh những cái nhìn tàn ác – vô tình hoặc hữu ý – của những con người may mắn hơn nó, muốn tránh cái thế chen lấn mà tình trạng tê liệt, què quặt của đôi chân đã dành cho nó tất cả một sự bất lực, phải cúi thủi một mình trong hoa viên, âm thầm làm bạn với cỏ cây, hoa lá, bướm chim... Có gì như những chiều lệ rưng rưng trong lòng, tôi ngồi sát lại bên nó, choàng tay qua vai nó:

– Từ nay, cứ chúa nhật, chúng ta lại sẽ gặp nhau ở hoa viên này...

Mai Lâm ngược mắt nhìn tôi với gương mặt rạng rỡ, nó cười và tỏ dáng

hân hoan như vừa đón nhận được một tin mừng.

* * *

Nhưng sớm chúa nhật này, tôi không gặp lại Mai Lâm. Hết ngồi trên ghế đá, tôi lại đi lang thang trong hoa viên, trông ngóng đợi chờ suốt mấy tiếng đồng hồ mà vẫn chẳng thấy. Có thể nó bị trở ngại vì một chuyện gì rồi đây. Tôi mong không phải đó là chuyện dữ. Không phải nó bị ốm, bị bệnh. Và khi đã yên trí là Mai Lâm không đến hoa viên thực sự, tôi lủi thủi quay về, lòng buồn rười rượi...

Trên đường về, tôi lại đi ngang qua phía chân cầu, và dừng bước ở chân cầu. Chùm hoa sứ cuối mùa, ngả ngón

khoe màu bên cạnh mái miếu con đã vẫy gọi tôi. Những cánh hoa sứ trắng nõn, những lòng hoa sứ chứa đọng ánh vàng của màu nắng kinh kỳ như cùng múa nhảy lên trong gió, niềm nở chào đón tôi, với bao nhiêu kỷ niệm thơ mộng được hồi sinh từ một thuở thanh bình xa xăm. Nhưng tất cả những ảnh tượng gấm vóc ấy, lần này, chỉ còn là những hình ảnh mờ nhạt bên cạnh hình ảnh của Mai Lâm với cuộc diễn hành trầm lặng của hàng nghìn, hàng vạn những cánh tay giả, những ống chân giả, những nạng gỗ, những tấm hình hài khuyết phạp, sai sẩy được chỉnh hình, của hàng vạn trẻ con, người lớn gầy gập, tàn phế, nạn nhân của cuộc binh hỏa khốc liệt còn xa lạ quá với đời sống, cuộc sống xa hoa, phù phiếm của đám thị dân vô tư, sắc thái yên lành, thơ mộng của cảnh trí cố đô.

Chùm hoa sứ lần này, thay vì lời cuốn tôi trở về với dĩ vãng hoa gấm thanh bình, đã nhắc nhở tôi cả một thực tại bi thảm mà cảnh phồn vinh hoa lệ tạm bợ của nơi đô hội còn cố tình, gượng gượng che khuất bằng những lớp màu nhung lụa. Và chính với sự bất lực của nó trong cố gắng tạo cho tôi một thứ ảo giác thanh bình, chùm hoa sứ cuối mùa đơn độc này, loại hoa đáng yêu, chất chứa bao nhiêu kỷ niệm ấu thơ gấm vóc này, càng trở nên có ý nghĩa đối với tôi về mặt tâm tình. Tôi với tay bẻ lấy chùm hoa. Và cầm nó trong tay, tôi có cảm tưởng như đang ủ ấp và mang theo trên đường về, hình ảnh của Mai Lâm, của Năm Thung, của hàng nghìn, hàng vạn hình ảnh con người thương phế, hàng nghìn, hàng vạn con người bất hạnh đắm chìm trong cảnh đau thương.

Những chiếc hoa sứ cuối mùa ấy, hôm nay chỉ còn là những xác hoa khô, trên bàn viết của tôi. Nhưng những ảnh tượng gói ghém trong nó lại càng trở nên sắc sảo, linh động và càng xâm chiếm trọn vẹn cả tâm tư tôi, nhất là vào lúc canh khuya, dưới ánh đèn tịch mịch, lắng nghe tiếng súng giao tranh vang rền tới tấp, trong khoảng không gian đen tối lạnh lùng.

PHAN DU

XIN VỚI THÁNG NGÀY

Duy Năng

RỒI MỘT NGÀY NÀO ĐÓ khi
năng ngã xuống hoàng hôn
hay mưa chiều chân đôi ướt sũng và lối
phố vào buồn.

Khi lâu cao đẹp ánh sáng với người
con gái chải lại thẹn thùng trên mái tóc
rối tối hôm qua.

Anh sẽ nằm yên một giấc ngủ không
bao giờ.

Đôi mắt chẳng kịp nhìn, cho đến cả
em là người hò hẹn của tuổi ấu thơ.

Mà tuổi thơ có khi nào còn gặp lại.

Trong lòng bốn bức tường trắng
hay một nơi nào đó trên mảnh đất vườn
nghèo.

Bỗng dừng làm một chuyến viễn
hành không biết trước để kịp sửa soạn
tâm tư.

Dặn với nhau chỉ còn là quá khứ và
em sẽ khóc như người đời sẽ khóc giờ
đưa nhau.

Nhưng anh có bao giờ còn biết chỉ
trừ khi mùa xuân lên cỏ úa, nắng hạ tốt
vườn hoang.

Chỉ trừ khi chuyện xưa trong đôi
mắt đã thôi làm dĩ vãng và người đời đọc
được giữa yêu thương.

Hình dáng tưởng đi vào nghìn thu.

Anh với con tàu vô hình – con tàu nào chẳng làm nên chuyện chia ly của một thế giới không còn em.

Không còn là hoa bên đại lộ, một sớm có đôi tình nhân phô bày tuổi mộng ban đầu.

Không còn là đôi cỏ xanh với nước lặng dòng sâu.

Có chiếc ghế trời ban, bên vai anh, tóc trải dài tấm thân băng tuyết, em ngược mắt nghiêng đầu,

Nhìn tháng ngày trôi mau.

Không còn là bầu trời tháng tám, lửa mục đồng ngăn buổi chiều đi vào đêm sâu.

Không còn là, dù cả những lời oán hận, mái tranh nghèo ngõ tối đã một lần hai lối yêu nhau.

Không còn là, tất cả tiếng cười thơ
trẻ hay giọng buồn thương đau.

Anh sẽ nằm yên một giấc ngủ chẳng
bao giờ còn biết đến mặt trời nở sáng
hôm sau.

Giấc ngủ vô hình không kịp già từ.

Để hành lý của cuộc đời còn nặng
trên tâm hồn mộng làm thi sĩ vốn chẳng
có gì lộng lẫy huy hoàng.

Con tàu không tiếng nhạc làm tên
lính ngoại bang buộc anh ra ngoài biên
giới có tiếng hát câu ca.

Có lời ru của sông núi quê hương. Có
người trao người môi nở nụ yêu thương.

Những chiếc hôn đầu tiên.

Trên bia đá sẽ còn ghi những gì.

Bản hùng ca hay tiếng nói ngợi khen
dù cho đến cả do xương tủy em làm
thành.

Còn ghi những gì nếu cỏ vàng khô-
ng sớm muộn đổi màu xanh.

Nếu lòng đất dung tha loài ma quái,
lũ côn trùng xông đến như tên lính viễn
chinh,

Mà anh vẫn một giấc ngủ hiền lành.
Tiếng đòi hỏi thịt da đã gào thét.

Anh rợn nghe nức nở giữa hồn mình.
Em cũng chỉ là người con gái như trăm
nghìn người con gái khóc chuyện nào
lòng.

Để xem chừng năm tháng nhìn vào
gương mà thầm hỏi rằng mình có già
trước tuổi hay không?

Vô tình như anh vào bất diệt

Chiều Chúa nhật em vào thành phố
điểm trang.

Chân bia đá – nếu còn thật những
tâm hồn cũng đã phủ xác lá vàng. mùa
thu về

Người qua đường quên mình bước
vào nghĩa trang.

Công viên dù xây tượng,

Bụi đường vẫn làm tên đồng lõa nắng
sớm mưa trưa.

Còn đâu vẻ dịu hiền?

Hay hận thù nhau lửa kinh thành
bốc cháy. Tiếng bánh sắt nghiền nát đi
vào, đại lộ vết đạn sâu.

Buổi sáng huy hoàng, cả hoàng cung
điểm lệ gục xuống gần nhau.

Rồi cuộc đời vào thế kỷ mới. Anh
chấp tay cầu nguyện

Cho còn góp được tiếng cười lời nói
dù chỉ là cánh én giữa trùng dương.

Cho còn làm thơ mãi mãi điệu hát
quê hương.

Trên những nụ cười khoác áo tân
hôn.

Anh chấp tay nguyện cầu

Dù một phút vẫn cho tròn một phút.

Hồn đi ngoài giấc ngủ cô đơn.

DUY NĂNG

TRONG KHÓI LỬA Ở SÀI GÒN NGHĨ VÀ VIẾT VỀ HUẾ

Dương Nghiễm Mậu

NĂM GIỜ SÁNG NGÀY BA MƯƠI
TẾT TÔI thức dậy trong thành phố Huế,
trời lạnh buốt, sương muối đọng trên
những lá cây rơi xuống mặt, xuống cổ
buốt như những mũi kim nhọn chích
vào da thịt. Những người bạn mới thân
và những người bạn cũ đã đến, chúng

tôi hẹn nhau đi ăn sáng trước khi tôi trở về Sài Gòn sau một tuần lễ ở lại cố đô, người bạn hơn tôi hai tuổi vừa ở trong quân ngũ bốn năm ra nói với tôi: đã thay đổi ý định chưa. Tôi cười nói chưa, tôi đã nói tôi cũng muốn ở lại, câu chuyện còn dài lắm, nhưng tôi nghĩ có những điều mình không phải nói với nhau mà đã hiểu rồi, tôi trở về vì ở trong đó còn cha già và những người thân yêu, tôi vẫn không ngừng cố gắng để làm những gì tôi có thể làm được, dù đó là một việc nhỏ nhưng tôi không nghĩ việc có mặt của người con cả trong một gia đình trong đêm giao thừa là một việc nhỏ. Anh bạn nhìn tôi. Khu thành nội vẫn còn yên ngủ, những đêm liên tiếp không nhắm mắt với tiếng đại bác nổ từ xa, những tiếng súng nhỏ đơn lẻ, tiếng máy bay tải thương đậu xuống trong khu bệnh viện dã chiến khiến cho người tôi khô

đi tỉnh táo theo với những ly rượu mạnh và những điều thuốc đốt không ngừng cháy trên môi. Tôi leo lên sau chiếc xe gắn máy của người bạn, hành lý không có gì ngoài mấy gói kẹo mè xừng, mấy quả nem chua, trong đó còn có quà của một người bạn gửi cho cha mẹ hiện sống ở Sài Gòn. Con đường Hòa Bình, Hiền Nhơn, Đông Ba còn mù trong sương sớm, chưa có một cánh cửa nào mở, thành phố chừng như vẫn chập chờn trong giấc ngủ cổ tích của mình, giấu hơi ấm và nhịp thở sau những tường gạch sâu mốc ẩm rêu phong, dưới những mái ngói nâu cũ và những tàn cây thấp xanh đen. Cửa thành Đông Ba còn lẫn vào trong nền trời tối, mấy ngọn điện sáng lên đơn lẻ. Con đường Gia Long những cửa phố đóng kín, một vài người đi xuôi ra phía chợ trong đó có người vác theo một cây mai lớn, vài quán ăn đã mở cửa,

trên cầu Gia Hội đã đông người đi lại, trong bến xe, nơi hiên chợ, dưới những quán nhỏ thấp thoáng bóng người qua lại rộn rịp, bến sông những chiếc thuyền chúc đầu vào bờ im lìm với những ngọn đèn nhỏ leo lét không rõ những khuôn mặt qua lại. Bọn chúng tôi, sáu người ghé vào một quán ăn nơi phía ngoài chợ, quán đông người, không còn một ghế trống, những ly cà phê, người bạn nói phải tiễn anh bằng một châu bún bò Huế mới được. Nhưng hàng bún mọi ngày chưa có, chúng tôi quay xe chạy qua cầu sang nhà ga, trạm xe lên phi trường đặt ở đó, tôi coi đồng hồ: sáu giờ ba mươi, tôi lo trễ, gió thổi ngược lạnh buốt trên da mặt, cây cầu chùng như dài hơn mỗi ngày, dòng sông đen sâu phía dưới, lấp lánh những ngọn đèn ẩn hiện nơi những lùm cây xa trên hai mạn bờ. Khu bến phà sáng chói, ánh sáng làm bật

rõ khu đại học màu vôi trắng mỏng. Đài phát thanh, Khu đại học, trường Đồng Khánh, trường Quốc Học... Nhà ga hiện ra trong bóng tối nhòa nhạt, những ngọn đèn xanh, những chiếc ce ca nằm ngổn ngang ngoài khoảng sân trống rộng. Trong nhà những hành khách ngồi lặng lẽ trên những băng ghế, chuyển xe chưa bắt đầu, những người tài xế còn đang hí hoáy coi lại máy, bánh xe, chúng tôi vào trong quán gọi mỗi người một ly cà phê sữa, những hơi thuốc đầu tiên trong ngày, những lời dặn dò sau chót, những cái bắt tay thăm thiết... Ngồi trên băng ghế lạnh trống, trong xe chỉ có bốn người, một người đàn bà ngồi thu mình im lặng, hai người đàn ông ngồi đối diện nói không ngừng những câu chuyện riêng không rõ ràng. Chuyển xe lăn bánh, tôi vẫy tay từ biệt những người bạn, từ biệt Huế sau những ngày gặp lại

cách nhau hơn mười ba năm. Chuyển xe chạy nhanh trên những con đường vắng, dưới những lùm cây mù sương. An Cựu, Gia Lễ, Phú Bài, con đường đá nhỏ chạy giữa những lùm tre xanh lá ngọn, giữa những ruộng lúa xanh trĩu ngọn vì sương mai còn đọng óng ánh. Buổi sáng chạng vạng, những cơn gió lạnh thổi đầy vào lòng xe, dưới chân những ngọn núi phía xa sương còn đục lờ như những đợt mây thấp. Cánh đồng lúa, những cơn gió lạnh khiến tôi nghĩ tới quê hương miền Bắc. Ở ngoài đó, rất xa, những năm thơ ấu, mưa phùn gió bắc căm căm... Từ biệt Huế sau mười ba năm gặp trở lại, từ biệt bạn hữu, từ biệt căn nhà có vườn cây xanh, có bể nước, có giếng gạch sâu, có tiếng nói một người: bây giờ anh đã thay đổi những ý kiến về Huế chưa...

Khi tôi ngồi viết những dòng này là ngày mồng bốn Tết, buổi tối trong căn nhà im lặng của những con đường, khu phố chung quanh. Cơn choáng váng của biến cố còn làm tôi vật vờ. Những lo âu, uất ức như còn ứ nghẹn trong lồng ngực. Đêm giao thừa cùng với tiếng pháo nổ thì cũng là tiếng súng của những người cộng sản nổ vào bảy thị trấn miền Trung, trong đó có Huế, chưa trọn một ngày tôi dờn khỏi, lo âu về những người thân ở lại đó còn thắc thỏm trong lòng, thì khuya đêm mồng một tết, những tiếng nổ từ xa cùng với trái sáng đầy trên bầu trời Sài Gòn khiến tôi lo âu. Bọn họ cũng trở về đây nữa sao, biến cố đã xảy ra như thế nào sau bức màn của hậu trường chính trị, của những mưu toan, những tham vọng chót ngất... Chỉ có ba mươi sáu giờ

hữu chiến cũng không thể có được sao? Sao nói tới những một tuần? Không thể quên đi súng đạn, giết chóc, tàn sát, chất nổ trong một ít giờ sao? Không thể ngồi yên lặng, bên một ly rượu suông, một chén trà nhạt nghĩ tới những ngày đã qua sao? Không muốn nhớ tới những người đã chết, những người thân yêu xa cách mong chờ sao? Không muốn gọi lại một vài kỷ niệm vui buồn, đắng cay trong đời sao? Người ta đã quên hết, quên hết, như một người con gái đã mất hết, quên cả tiếng người như trong một bài hát của Sơn sao? Tôi không muốn nghĩ như vậy, tôi không muốn tin như vậy. Cuộc chiến này chúng ta đều không mong muốn có phải vậy không các người anh em của tôi, những người đã sinh ra lớn lên trong đất nước này, trong cuộc chiến không nguôi này? Mở cửa ra đứng ngoài con đường ngơ ngác ngó lên những trái hỏa châu chói

sáng, lòng nghi hoặc, biết hỏi ai, ai biết, bao nhiêu người đã thức dậy trong đêm đó ở thủ đô nhìn nhau tự hỏi với những giả thiết mơ hồ, trong đêm đó những ai còn say mê bên bàn bạc, còn ngủ trong hơi rượu, còn thiếp đi hạnh phúc trong chiếu chăn nồng ấm của vợ trẻ con thơ... Có điều nhiều người đã nghe thấy tiếng súng nổ tưởng như tiếng pháo của những người nào ngái ngủ thức dậy trong đêm nhìn thấy còn phong pháo trong nhà... Nhưng sự thực thì súng đã nổ, nhưng sự thực thì có những người anh em đã ôm lấy súng vượt những quãng đường xa lạ, lạng lẽ tiến tới những mục tiêu giữa lúc mọi người tưởng như ngày xuân còn dài với những hy vọng... Không bao giờ những người cộng sản muốn chúng ta hy vọng, những người cầm súng từ khu trở về muốn chúng ta sống với thực tại: một cuộc chiến không trận tuyến, một cuộc

chiến như định mệnh khắc nghiệt ôm khít lấy thân thể và số phận chúng ta... Đó là điều chúng ta không mong muốn, nhưng đó là điều chúng ta phải biết nếu muốn còn được sống, dù sống khổ đau...

* * *

Tiếng đài phát thanh mất hút trong đêm, tiếng nói ấy nhiều khi là giá trị của thực tại, của một hiện diện, tiếng nói ấy mất đi như bằng cớ của một sự hoang vắng, của sự vô danh. Tôi nghĩ thầm: lại những biến cố nào đây? Buổi sáng ngơ ngác trên những con ngõ còn ngập xác pháo hồng, những thùng rác để ngổn ngang tràn đầy, tiếng nói từ đài phát thanh, lệnh thiết quân luật 24 trên 24 được ban bố, cộng sản quấy phá tại đô thành và nhiều tỉnh, kêu gọi dân

chúng bình tĩnh ở lại trong nhà, một vài mẫu tin không rõ ràng: cộng sản tấn công dinh Độc lập qua ngã cổng đường Nguyễn Du, bắn hai phát 57 ly, một xe cam nhông chất nổ, mười tên bị chết tại bộ tư lệnh hải quân, hai tên bị bắt sống, mười bốn tên chết tại đài phát thanh, đài phát thanh hư hại không sử dụng được, tiếng nói nhiều lúc tắt nghẽn, tiếng kêu gọi dân chúng dời khỏi vùng Bà Queo trước mười tám giờ, một số người nóng ruột, hiếu kỳ túa ra đường, những tin truyền miệng không rõ ràng: một người làm cảnh sát trong xóm chết tại ngã tư Yên Đổ - Trương Minh Giảng, một người nói người ta chạy từ những Phú Thọ, Bà Queo vào Sài Gòn. Một bà nói:

– Họ đông quá trời, họ ùa vào nhà tôi đòi nấu cơm cho ăn, giọng nói nghe không được.

Một thanh niên nói:

– Họ đi ngang qua cửa hỏi đường vào khám Chí Hòa phần lớn họ đi chân không, có mang ở tay hoặc ở cổ một miếng vải đỏ...

Một người ở Cổng xe lửa số 10 chạy xuống nói:

– Giữa đêm có ba người gõ cửa vào nhà, bắt trong nhà ở im, nấu cơm cho ăn...

Lệnh cấm đốt pháo được loan truyền, nhưng sau đó một nhà chường như còn tiếc bánh pháo còn lại mang đốt, tiếng nổ khiến mọi người giật mình chửi lớn... Những lời bàn tán, những dự đoán... Nhưng tất cả đều không biết gì, máy thu thanh tại tất cả mọi nhà đều mở thường trực, tiếng hát có những mấp lại,

những tin tức về những vùng đang đánh nhau: trường nữ quân nhân, Ngã tư Xa lộ – hàng Xanh, Việt cộng bị thương chạy ra khu chợ Bến Thành bị bắt, tại khắp các thị trấn đều có cuộc tấn công, đài phát thanh Hà Nội loan báo về sự thừa thắng... Tôi cố gắng phác họa trong đầu về cuộc tấn công với hai mặt chính: một từ phía Quang Trung, Bà Quẹo xâm nhập xuống. Ngã tư Bảy Hiền, Phú Thọ; một từ mạn Thủ Đức xâm nhập vào Xa lộ, vào Phú Nhuận, Đakao... Tôi cũng chỉ nghĩ tới một số những toán cảm tử, vào để chết, xâm nhập nhân dịp hưu chiến, lợi dụng giới nghiêm bị hủy bỏ, chắc họ đã vào từ đêm giao thừa giữa lúc Sài Gòn ngập tiếng pháo... Chúng ta có dự liệu những trường hợp này không, chúng ta có nghĩ tới những người không lúc nào ngủ, lúc nào cũng cầm chắc súng trong tay không??

Buổi sáng tan dần, buổi trưa nắng lên nhàn nhạt, nền trời nhiều mây thấp u ám, nhiều máy bay lượn trên bầu trời, máy thu thanh vẫn những đĩa nhạc cũ chạy rè rè thỉnh thoảng một vài lời nói về tin tức, nhắc nhở, thông điệp thứ hai đầu năm của tổng thống, buổi trưa trôi qua, buổi chiều âm u thêm, những chiếc máy bay chúc xuống mạn Gò Vấp, Bà Quẹo, những tiếng nổ lớn vang động, đêm xuống, hỏa châu sáng cả một vùng trời, cột khói bốc cao mạn Xa lộ, một vài tiếng nổ lẻ tẻ... Đài phát thanh liên tiếp những nguồn tin không rõ ràng, đêm trôi qua nặng nhọc... Những bản tin trên các đài phát thanh nói về những trận đánh ở Nha Trang, Qui Nhơn, Kontum, Đà Nẵng, Huế bị tràn ngập và đang chiến đấu gay go. Tôi nghĩ tới những người bạn mới chia tay nhau hôm ba mươi tết, người bạn hỏi tôi: chúng ta phải làm gì?

Tôi nói tôi không bao giờ chấp nhận cộng sản, người bạn đưa cho tôi một lời kêu gọi in ronéo với tiếng Việt và tiếng Anh, đó là lời kêu gọi các phe tham chiến kéo dài hũu chiến vô hạn định, tiến tới hòa đàm, dưới đó ký tên những giáo sư khoa bảng, một số có những tiếng tăm nào đó, một số đã từng được ưu đãi và thưởng tự nhận như những phần tử tiến bộ trong giới giáo sư khoa bảng. Người bạn hỏi:

– Nghĩ sao?

Tôi cười nói ai có việc của người đó, nhưng đừng mặc cảm, tôi lựa chọn sự minh bạch, đừng ai quên bài học liên hiệp trước đây của cha chú mình, tôi không bao giờ tin cộng sản có nhân đạo, họ chỉ có cứu cánh, chỉ có một sự thật, chúng ta có nhiều sự thật, chúng ta yếu trên một phương diện, nào đó, yếu vì nắm giữ nhiều sự thật nhưng đó là mỗi

hy vọng để chúng ta thoát ra, sống sót và phục hưng.

* * *

Sáng mồng ba, những tin tức vẫn mù mờ. Tôi ra đường đi ngược lên phố, mọi con đường vào trung tâm đều bị phong tỏa, hai bên đường cờ treo trong dịp tết vẫn phấp phới, trời âm u không có nắng, những người mang theo bị, va-li đi hót hải trên đường phố, những chiếc xe nhà binh, binh sĩ cầm súng ngang chạy qua vun vút, những xe cứu thương còi réo hối hả, người tá tỵ lại những góc đường, cửa nhà hỏi thăm tin tức.

– Ông bà ở đâu tới?

– Dạ trên Phú Nhuận.

– Tôi ở trên Cây Thị. Nghe nói chúng vào trong bệnh viện Cộng hòa lấy hết máu, thuốc men và bắt đi những bác sĩ và y tá trực...

Gặp một người bạn đi tìm tin tức của người vợ chưa cưới, anh nói:

– Nhà phía trong đường Ngô Tùng Châu, Gia Định, bây giờ chỉ có người chạy ra, không ai được vào nghe nói bọn nó đang kéo vào đó sau khi bị dồn từ khu Tổng tham mưu sang. Có người còn nói chúng đang đào hầm ở trong khu đó nữa, có lẽ chúng tìm đường chạy về phía Gò Vấp cũng như cánh quân ở khu Hàng Xanh, Cầu Sơn đang chạy về phía Thủ Đức. Tôi không biết gia đình cô ấy chạy đi đâu hay vẫn còn mắc kẹt trong đó, đi hỏi thăm những người quen nhưng vẫn không được tin gì.

Trông anh bạn phờ phạc lo âu. Tôi nói sau đây mấy ngày chắc một số người phải chịu tang những người thân, một cái tết người ta sẽ không quên được.

Buổi chiều một ông bạn của cha tôi ghé lại chơi, ông đi chúc tết, ông nói:

– Ở nhà buồn quá không có ai tới chơi, mà mình cũng không dám đi đâu, loanh quanh mãi tôi đi liêu, ra ngõ thì gặp một người bị chết ở đó, người ta nói đừng đi nhưng tôi cứ đi.

Ông mừng tuổi cho mấy đứa nhỏ, ông ăn mặc cẩn thận như ngày tết mà sao trông lạc lõng, đó cũng là hình ảnh tôi gặp ngoài đường, nhiều người vẫn như tiếc rẻ về bộ đồ tết của mình chưa được dùng đến, ông nói vùng Ngã bảy người

ta chạy lên nhiều quá, bọn họ giữ cả một khu lớn tù. Ngã bảy xuống tận Phú Thọ, bọn nó chết đầy trên đường Nguyễn Tri Phương, nhiều nhà bị đốt... Những nhân viên chính phủ không chạy kịp bị bắt và bị giết, chúng dùng từng đoàn trẻ con làm bia đỡ đạn để di chuyển, bởi vậy nhiều đàn bà và trẻ con chết một cách oan uổng... Thằng con tôi đi xuống mạn Nguyễn Văn Thoại về nói trông những xác chết cháy còn lại một chút, những xác chết không toàn thây ở dọc đường... Ngồi nói chuyện một lúc ông nói:

– Bây giờ nghĩ tới đường về tôi thấy lo.

Nhà ông ở mãi dưới Phan Thanh Giản.

Mới chiều xuống những con đường đã vắng ngắt, người ta rút vào trong nhà

đóng kín cửa. Tôi ngồi im nghe hết đài phát thanh này tới đài phát thanh khác. Trận chiến vẫn tiếp diễn nặng tại nhiều nơi như Huế, Đà Lạt, Bến Tre....

* * *

Bây giờ Huế ra sao trong cơn lửa đạn này. Tôi nghĩ tới những người bạn, đêm nào Sơn hát một bài còn dở dang, Nhân danh ai anh bắn vào người đồng loại... bài hát viết cho một người đã bị bắn vào bụng, người đó là Ngô Vương Toại, trong buổi Sơn hát cho các sinh viên nghe tại Đại học Văn khoa Sài Gòn. Bây giờ Sơn ra sao? Căn nhà vườn cây xanh trong thành nội, vợ chồng Cường, đứa con nhỏ, cô bé Trang ra sao? Quân có còn cơn say không bao giờ dứt, tài thiện xạ của anh có được dùng đến? Những

cô gái Huế mái tóc dài, đôi mắt đen lánh quyền rũ sớm mai thức dậy có còn ngồi trước bàn phấn? Bể bàng soi sắc gương tư Mã. Ai điểm trang mà em phấn son... Kha có còn nhớ lời tôi vặn hỏi: tôi mong cho tới khi Kha có một đứa con, đứa con đó một tuổi mà vẫn không thay đổi, khi đó tôi sẽ chờ đợi thêm hai mươi năm để... Những cậu con trai mang mốt Sài Gòn về đi bát trên con đường Trần Hưng Đạo bây giờ làm gì... Những khoang thuyền trống bây giờ chờ đợi ai? ... Kha có còn nhớ tôi nói về một bài thơ của Nguyễn Văn Phụng, những hình ảnh không thể quên, những điều phải nhớ như: tình yêu thì bị gặm mòn như đôi guốc mộc, em kéo trên con đường...; và phi lý vô cùng, phi lý không chịu nổi, khi những bạn bè thân tôi vì chủ nghĩa. Nhưng tôi không bao giờ đồng ý hay chịu được những điều khác, quê hương ta thì nghèo, điều đó

đúng, nhưng nhất định không bao giờ người dân ngu dốt, người ngoại quốc có thể nhằm để nói như thế, dân ta không ngu, mà dân ta không được học. Nhưng Phụng đã nhận thấy đúng, đúng một cách chua chát khi nghĩ và viết

Này các anh,

*khi các anh bàn với tôi về quê hương
đất nước*

bàn với tôi về vai trò trí thức

*tôi thấy các anh đang ngồi uống cà
phê trong thành phố*

*tôi thấy các anh đèo xe Honda đến
lớp học*

*tôi thấy các anh hút thuốc lá Mỹ khi
ăn*

*những chiếc bánh Tàu-Chợ Lớn thứ
chính cống*

Này các anh,
khi các anh nói với tôi về chiến tranh
bàn với tôi về bốn phạm
tôi thấy các anh mặc veston thắt cravate
và yêu cầu tôi đọc thơ giữa đám đông
leo lên một ngôi nhà ba tầng làm
trường học
đổ thơ ra trên những bánh ngọt
đổ thơ ra trên những ly cà phê thủy
tinh
tôi đã thấy các anh xưng tụng những
bài thơ phản chiến nhất
với những đứa con gái đánh phấn và
để móng tay dài
với những đứa con gái thích dự bal và
yêu nhạc kích động¹

1 Trích 10 NĂM GIÁO DỤC ĐẠI HỌC HUẾ – ĐẶC SAN 1968.

Mười ba năm xa cách trở lại Huế, tôi thấy thành phố vẫn như xưa, có chăng một vài thay đổi nhỏ trên những khu thương mại, và tôi nhớ những điều khi xưa viết về Huế. Sao lại chọn đất này để làm vua? Tôi muốn một ông vua nào đó của nhà Nguyễn thức dậy nơi những lăng tẩm nguy nga cổ kính trả lời cho mình: sao lại chọn đất này để làm vua? Vẫn những con đường năm xưa, những ngôi nhà năm xưa, khác chẳng nhiều con đường đã được mang những tên mới như Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Huệ, Mai Thúc Loan, Tăng Bạt Hổ, Đoàn Thị Điểm thay cho những Hộ Thành, Âm Hồn, Đông Ba, Mã Khái, Hiền Nhơn... Không còn muốn cho Huế sống với lịch sử của nó sao? Hãy để cho những thị trấn, những làng mạc giữ lại lịch sử của mình, chính lịch sử nó làm nên tinh thần yêu nước. Những danh nhân chẳng bao giờ muốn

mình xóa đi những gì mà người dân sống đã quen thuộc với nó... Tôi nghĩ thế. Bây giờ Huế ra sao? Những cành mai vàng, những chậu cúc, thược dược, những bông hải đường vẫn trở bông đón chào một mùa xuân không đến với người?

* * *

Buổi sáng, những cơn thiếp ngủ chập chờn trong đêm khiến người mệt mỏi, tôi vòng lên phía Tân Sơn Nhất, đường vắng tanh, chỉ có những binh sĩ vác súng đứng nơi dọc đường hoặc di chuyển, loáng thoáng một vài người qua lại. Những hàng rào kẽm gai giăng ngang đường, gần các cơ sở, bót cảnh sát, nơi những ngõ vào Sài Gòn, nơi những đầu cầu từng đám người tụ lại vì không được qua, nhiều những phát súng chỉ thiên

bắn lên khiến những người tụ lại tản ra. Những xe cứu thương, xe tuần tiểu chạy không ngừng. Những lời nói qua lại về những cuộc lùng kiếm, bắn nhau tại vùng Ngã năm Bình Hòa, Phú Nhuận, Nguyễn Tri Phương, sư Vạn Hạnh, Chuông bò, Ngã bảy. Buổi trưa những cột khói cao trên bầu trời xám. Mặt trời úa đỏ. Cháy ở Cầu Sơn, Hàng Xanh, Ngã bảy. Những khuôn mặt hốc hác trên đường phố...

* * *

Đài phát thanh liên tiếp những thông cáo, kêu gọi và những bản nhạc đủ loại lộn xộn. Theo những lời khuyên tôi không trở về nhà, ngủ trên một chiếc bàn. Tin cho thấy trận chiến đã lắng xuống, cộng quân hoặc tìm cách bám sát vào những khu đông dân chúng, luồn

sâu vào trung tâm, tìm cách lẫn ra ngoài hoặc đầu hàng, trái sáng thả đầy trên nền trời cùng những chiếc máy bay đủ loại, tiếng súng nổ ngoài Xa lộ, khu Cầu Sơn, những con phố vắng hoe không một bóng người. Tin Huế vẫn hoàn toàn đen tối: hai bên vẫn đánh, những cánh quân tìm cách bám lấy những cứ điểm then chốt nơi hai đầu những cây cầu, trong khu thành nội. Những hòng súng nào đang hờm ở Tây Lộc, Kim Long, An Cựu, Bến Ngự... Tới Huế trong những ngày cuối năm, Huế không phải nơi tôi muốn dừng chân lâu, tôi muốn đến một vài nơi khác như Quảng Trị, La Ràng, Bến Hải,... nhưng tôi không tới được những nơi dự định đó, cuộc chiến đang diễn ra ác liệt ở Đông Hà, Khe Sanh... Dự đám tang ông thân một người bạn cũ, người bạn mắt đỏ hoe, giọng nghẹn ngào:

– Về tới nơi thì ba em đã mê đi rồi, không nói được nữa, nhưng khi tới bên ông biết, mở mắt nhìn, miệng mấp máy và ôm lấy đầu... chừng như ba em chờ các con trở về...

Nhưng chỉ có người con gái có mặt bên người cha khi hấp hối, người còn trai đi trình diện nhập ngũ không trở về kịp, cùng những đứa cháu. Cuộc chiến ở nhiều khuôn mặt tỉnh vẻ đau đớn nhiều hơn, một người cha, người mẹ chết không có một người con ở bên vuốt mắt, chúng đang học ở xa, đang chiến đấu ở mặt trận, ở một tiền đồn nào. Người bạn nói về cái chết của một giáo sư có nhiều con, ông chết ngồi trên ghế một mình... Phần mộ nằm trên một sườn núi cao ngó ra phía cửa biển Thuận An, những viên đá xám tím, đám tang đi trên một con đường gập ghềnh bánh xe tăng, trên

sườn đồi không lâu còn là chiến trường, một người kêu đám trẻ không được lên cao, trên đó một đồn binh, một trái mìn nào đó còn quanh đây, chiếc quan tài mệt nhọc trên tay những phu đám leo lên theo những con đường mòn nhỏ một cách khó khăn. Chiếc quan tài trong lòng huyết, những nắm đất ném xuống, giọng hò nện buồn buồn vang lên trong không khí tịch mịch: còn vài ba bữa nữa, sao đã vội ra đi, bỏ lại con thơ vợ đại, sao không ở lại vui cùng các bạn thân quen, bây giờ chia tay đôi ngã, cách biệt nghìn trùng... Những tiếng khóc nghẹn ngào.... Sao không vui cho người đã chết, quên đi cuộc sống này, chết yên lành và được nằm xuống một nắm mộ riêng? Bao nhiêu người chết phơi thây trong những khu rừng hoang vu, bao nhiêu người chết tan xác trong lửa đạn... Bây giờ chiến tranh đã ở Sài Gòn, Huế,

những thị trấn, chiến tranh một cách thực sự, nhưng không có nghĩa trước đó chiến tranh không có mặt ở Huế. Chiến tranh có mặt ở Huế với tiếng súng vọng vào mỗi đêm, là những bao cát chất trên những cỗ ngựa láng bóng trong những ngôi nhà cổ kính, là những thùng dầu hôi cất giấu trong những hóc tối cùng với những gạo Mỹ. Và trên đường phố đông đặc những người lam lũ không sinh trưởng ở Huế và những khuôn mặt bảnh bao làm lạ với Huế, bên đó là những người hành khất chen nhau nơi các quán ăn. Tôi đã rùng mình khi thấy một bàn tay đen bần từ phía sau đưa tới cầm lấy miếng thịt chân giò trong tô bún tôi vừa để xuống bàn. Tôi lánh mình ra bên, một đứa nhỏ và một bà già... Chiến tranh vẽ ra trên khuôn mặt Huế những nét đó, những nét xưa kia không có, có thể ngày nay còn nhiều khía cạnh khác...

Nhưng rồi sau biến cố này Huế có thay đổi gì không? chắc, là không trên những con đường, những căn nhà, những nếp sống như lảng tâm cô thành, nhưng chắc sẽ có những biến đổi nơi hành động, những bàn tay lật đi lật lại, những đổi trắng thay đen, những dao động, những lựa chọn? Phải thế không? Người ta sẽ không sống được như gỗ đá. Chắc Sơn hiểu, điều tôi đã nói; vì sao mình lại viết? Dù nhiều khi cũng trông thấy những bất lực ngay trong những hành động. Nhưng không bao giờ tôi chấp nhận một thái độ hư vô, tôi cố gắng trong những phạm vi nào mà tôi có thể cố gắng được, cố gắng từ những cái nhỏ nhất, trong công việc, trong đời sống, bởi tôi nghĩ những cái không đáng gì (hay rất thiết thân) đó đang là những mầm mống chính nếu như chúng ta còn muốn thoát ra, muốn mưu đồ, gây dựng

lại một cái gì, tôi nói với các anh về một phục hưng phẩm cách, một làm lại, mà đầu tiên khởi từ trong mỗi chúng ta. Chỉ có thể bắt đầu từ đó...

* * *

Những tin tức mơ hồ, những lời truyền miệng không rõ ràng khiến tôi lo âu hơn, tôi muốn trở về nhà, hôm nay là mồng bốn tết, công chức vẫn được lệnh ở lại nhà, giờ giới nghiêm vẫn như cũ nhưng người ta vẫn tìm cách ra đường được tới mức có thể đi, những tiếng súng vẫn nổ ở khu Gò Vấp, Gia Định, Hàng Xanh, và mạn dưới là Ngã bảy, Sư Vạn Hạnh, Minh Mạng, Phú Thọ, Phú Lâm... Người ta nói về những toán cộng quân tìm cách chạy theo những toán người tị nạn, trước đó chúng đã xé nhiều sổ gia

đình, căn cước của dân chúng, chúng đột nhập nhà thương Nhi đồng, một vài toán nhỏ xâm nhập khu Bàn Cờ tuyên truyền, với những lời nhắc đi nhắc lại giống nhau khoảng mười dòng được học thuộc, đó là những cán bộ khoảng mười bốn, mười lăm tuổi gồm cả phụ nữ. Tin về một vài cán bộ tại Bàn Cờ, Cầu ông Lãnh bị dân chúng bắt sống đánh chết. Buổi trưa nắng đực, những ngọn khói cao phía Ngã bảy, Gò Vấp khiến nóng ruột lo âu, nhà mình, nhà những người thân có thoát ngọn lửa hung tàn không. Nhiều vùng ngoại ô vẫn hoàn toàn mất liên lạc. Buổi chiều tôi trở về nhà theo đường Đakao, nơi cầu Bông từng đoàn người từ phía Gia Định chạy sang, nơi cửa một tiệm bánh mì người ta bu quanh tranh nhau mua. Một vài cửa tiệm hủ tiếu mở cửa, giá cắt cổ với tô hủ tiếu lỏng bỏng những nước trong

veo. Đường Trần Quang khái bị cô lập nơi bót cảnh sát, trên các cửa rạp chớp bóng vẫn còn những quảng cáo cho các phim đầu năm với những dòng chữ chúc tết. Tôi quay trở lại đường Hiền Vương, rẽ xuống Hai bà Trưng, cầu Kiệu bị chặn lại, tôi rẽ Yên Đổ, không có lối sang, tôi rẽ Công Lý trở về Trương Minh Giảng, những con đường vắng hoe, những chuyến xe tuần tiểu, xe cứu thương và xe nhặt xác chạy trên những con đường không người, trên lề đường nơi nào cũng còn vương đầy xác pháo hồng, cùng đó những đồng rác cao nghệu hôi thối, trước những cửa nhà, bên những đồng rác nhiều khóm hoa cúc vàng, thược dược héo rũ. Đó là những tặng vật của ngày tết để lại trên đường phố hoang vu. Thất lạc, chết chóc, nhà cháy, đói... những người từ ngoại ô trở vào hỏi nơi

tạm trú và trạm tiếp tế. Một người đàn ông đứng tnồi nói tới cảnh trở về khu nhà mình ở gần Cầu Sơn: thúì quá, cách xa tôi đã thấy thúì, không về được, người vật chết trong những căn nhà đổ, cháy... Một người nói, ở Phú Nhuận dọc theo đường rầy xác chết ngổn ngang, đường rầy bật tung... Một người nói, ở dưới nghĩa trang Đô Thành người ta đào những hố lớn lấp nhiều người xuống bằng xe ủi đất. Xóm tôi ở đêm trước chúng về tuyên truyền dân chúng khua thùng sắt tây, bắn bị thương một tên, chúng rút chạy xuống phía lạch bỏ lại hai chiếc xuống, nhiều con ngõ được rào bịt lại. Nhiều nhà đông nghịt vì những người ở những vùng lửa đạn chạy về tá túc. Những bà nội trợ kiểm điểm lại, gạo, dầu, nước mắm...

Trong hơn hai mươi năm trời nay lúc

nào người dân Việt cũng sống trong thắc thỏm, lo âu, sửa soạn... những biến cố dồn dập trong một tình cảnh kinh hoàng, ngột thở cho nên chừng như ai cũng phòng bị, sống như trong những truyện trinh thám ngột thở có lẽ vì vậy những người Việt không còn thích đọc truyện trinh thám nữa vì đã sống hơn cả trinh thám; tình tiền, máu, nước mắt, đàn bà những cái đó làm thành những chất liệu trinh thám. Ngoài những cái đó người Việt còn phải sống với những chất liệu khác nữa: tham vọng, quyền lực, những chất liệu cao độ ngột thở, chết chóc... Trong lúc tôi cũng như bao nhiêu người khác với những lo âu chồng chất, nhìn đứa trẻ tha thủi hất chân trong những đồng xác pháo tìm kiếm, chắc nó muốn tìm những chiếc pháo xẹt, tôi thấy như mình đã mất đi một cái gì, những đứa

trẻ ấy rồi đây nó có quên đi được nó đã lớn lên trong một tình cảnh như thế nào không? Và đến khi nó lớn cuộc chiến này đã hết chưa? Tôi mong cho tới lúc nó lớn sẽ còn đi tìm những chiếc pháo như hiện nay thay vì phải chơi với súng đạn, nghe những tiếng nổ chát chúa...

Nước Việt ta rồi đây phải xây dựng như thế nào? Sơn nhắc tôi ở Huế khi về hãy viết về quê hương ngày mai đó: nhà ở, vườn cây, lối đi, y phục trong một nước Việt tương lai phải như thế nào? Một đền thờ Việt Nam phải sao? Có phải chúng ta muốn mang đến một hy vọng trong tình cảnh đen tối hiện tại? Có phải chúng ta tự tìm cách an ủi chúng ta không? Còn thực tại này thì sao? Đó là điều tôi muốn được hỏi những người anh em. Cho tới khi tôi viết những dòng này vẫn còn những người đang chết, súng vẫn nổ...

K. thân mến, khi tôi viết cho anh những dòng này thì trên tờ lịch ghi ngày mồng mười Tết, chúng ta chia tay vừa đúng 11 ngày, sáng sớm tinh mơ, sương muối lạnh buốt, trời chạng vạng ở Huế chúng ta đã uống những cà phê sữa trong sân ga chia tay nhau, mới đây mà tưởng như đã xa lắm, có lẽ vì chúng ta cũng như mọi người đã phải sống những giờ phút dài nhất trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, bao nhiêu biến cố đã xảy ra, bao nhiêu người đã chết, bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu viên đạn đã nổ thay cho những tiếng pháo đầu xuân, và tôi đang cố hình dung, tự hỏi: Huế bây giờ ra sao, các bạn hữu mình ra sao?

Những trận chiến đã diễn ra trên đường Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, cầu Trường Tiền, cửa Thượng Tú, Đông Ba..., những nơi mà mấy ngày trước chúng ta

đã từng đi dạo, từng ngồi uống cà phê nói những chuyện nghiêm trọng và nhiều chuyện tâm phào khác? Trận chiến cũng đã tới con đường Hòa Bình có căn nhà êm ấm của gia đình Cường, lan tới quán cà phê Cô Dung, quán cà phê Mợ Tôn, quán bún bò mà nhiều người biết tiếng dưới hầm nhà xệc? Những gói thuốc nỏ đã làm sập cầu Trường Tiền những nhịp cong trắng soi mình xuống dòng Hương giang, làm gục cầu Bạch Hổ trên đó có con đường sắt xuyên Việt? Tôi cố nhớ, cố hình dung xem với trận chiến đang diễn ra đó đã làm khuôn mặt Huế hôm nay như thế nào nhưng quả thật tôi không thể hình dung ra được. Có điều chắc chắn trong vòng mười ngày qua lửa đạn đã trở lại Huế...

K. còn nhớ không, trong những ngày cuối năm ngán ngủi, ngồi giữa những

bạn bè tôi đã nói với anh tất cả những gì tôi nghĩ, một cách thiết tha. Tôi cũng xác nhận với K. rằng: tôi không chấp nhận cộng sản, tôi cũng không có một ảo tưởng gì về nó. Tôi phải nói trước như vậy với K. để sau đó chúng ta có thể nói với nhau một cách rõ ràng. Điều này K. cũng xác nhận với tôi. Con người cộng sản cho đến nay đã trở thành một con người lạc hậu, nó không còn là giai đoạn của những Gorki, Lỗ Tấn... của những ngày khởi đầu cách mạng, chúng ta cũng xác nhận kinh nghiệm mà cách mạng vô sản đã mang đến cho chúng ta. Chúng ta bằng năng lực và sáng suốt của tuổi trẻ đã nhìn thấy những khuyết điểm, những tệ trạng ở phần đất và xã hội chúng ta đang sống, chính trong môi trường đó chúng ta tin rằng chúng ta có thể làm được một cái gì. Có thể tôi là một người

lạc quan, như K. đã thấy, nhất là khi tôi nói với K.: những người quốc gia ở miền Nam, chúng ta là hy vọng của thế giới này, chúng ta đang phải chịu những thử thách, hy sinh lớn lao nhất, chúng ta kinh nghiệm qua cả hai con đường hư hỏng, chúng ta, mỗi người đều cầm nắm nhiều sự thật trong tay, chính điều đó khiến chúng ta yếu, những cũng chính điều đó khiến chúng ta giữ được chúng ta không lao vào vực thẳm để sau đó có thể phục hưng, sống lại... những anh em miền Bắc của chúng ta cùng những người cộng sản khác tại miền Nam chỉ có trong tay một sự thật, chỉ nhìn thấy một con đường, bởi vậy lúc này họ khỏe hơn chúng ta, nhưng chính con đường độc nhất đó, sự thật độc nhất đó đang đưa họ tới vực thẳm vì đó là sức khỏe của cuồng tín... Tôi thành thật tin như vậy. Anh đã đọc

cho tôi nghe những bài thơ phản chiến, tôi cùng K. đã nghe những bài hát phản chiến, tôi và K. đã cùng đọc những lời kêu gọi của những giáo sư khoa bảng về việc kéo dài hưu chiến vô hạn định... Chúng ta đã nói về cảnh huống dân tộc ta trong cuộc chiến tàn khốc này. Tôi cũng đã nói với K. hãy giữ những ý kiến riêng của mình nếu tin đó là đúng, nhưng không được nguy biện, không bao giờ đòi người khác phải chấp nhận ý kiến của mình... Những điều đó liên hệ với nhau nói lên một sự thật. Nhưng để được sống chúng ta buộc phải chấp nhận, như K. đã chấp nhận bốn năm hơn trong quân ngũ, chấp nhận cuộc chiến, chiến đấu và phấn đấu trong bao dung, với con tim và khối óc của một người.

K. thân mến, cuộc chiến đã không chỉ diễn ra trong những đồng ruộng

núi đồi, cuộc chiến đã diễn ra ngay trên những đường phố quen thuộc, sự thật nói lên đây là một cuộc chiến không có trận tuyến, bao nhiêu bế tắc, bao nhiêu mâu thuẫn, bao nhiêu quyền lợi, bao nhiêu tranh chấp đang dồn chứa trên quê hương này. Sức chúng ta có hạn, trong tầm sức có được chúng ta làm việc. Nếu mỗi chúng ta đều như thế chúng ta sẽ làm thành một sức mạnh lớn. Điều đó chắc K. đồng ý với tôi. Tôi mong mỗi cho tới khi những dòng chữ này đến được với K. cuộc chiến đã đến những giai đoạn khác, K. vẫn không thay đổi, K. vẫn còn là những người sống sót cùng với những bạn hữu khác. Chúng ta phải sống, sống cho tới lúc chúng ta có thể vừa làm việc, vừa có giờ nghỉ ngơi dẫn người vợ hiền, đàn con nhỏ đi dạo trên những bến sông và nhìn thấy cuộc chiến này như một dĩ

vãng không bao giờ muốn nhắc lại, đó là niềm mong ước của tôi và chắc cũng là niềm mong ước của K. và những người Việt khác...

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

(2-68)

VỀ THĂM BẠN CÒN Ở THỦ ĐỨC

tặng Thành Tôn

Cao Thoại Châu

đó không phải những điều cần giấu
như bọc hành trang bị khám lúc lên
đường
bởi các anh chưa ra mặt trận
nên còn nhiều ảo tưởng về chiến tranh
tôi còn nhớ hôm vào trại nhập ngũ

đôi dép màn và bộ đồ civil
mẫu bánh mì phát cho buổi sáng
(mẫu bánh mì nhỏ như trái trứng)
trong lòng tay gân guốc nổi xanh xao

(sau lưng đó là người yêu chúng ta
là dĩ vãng tương lai và thành phố
là mộng ước và buồn phiền
là cuộc đời chúng ta ra khỏi)

với thân thể buồn phiền và với tuổi
nghe dường như đã nửa kiếp người
tôi đã lớn và dĩ nhiên không thể
không kiếm tiền, chỉ biết rong chơi

tôi lên đường hay tôi xuống đường
mười lăm tuổi ước mơ cách mạng
hai mươi tuổi khởi đầu rong chơi
tuổi ba mươi bắt đầu vào lính

cây pilot của người tình gửi tặng
kỷ niệm lần đầu hai đứa hôn nhau
và bộ đồ người tình vẫn mặc
cũng thành món quà để tiễn đưa nhau

đó tài sản của một người vào lính
(một tên hề có đôi mắt buồn

suốt một đời sống trong ngõ hẻm
ngõ hẻm sai-gòn ngõ hẻm quê hương)

tôi muốn nói cũng những người lính trẻ
những áo quần mũ vớ và giày
những bánh mì và những trái chuối
mà các anh đang ăn mỗi ngày
là món nợ các anh đang vay
món nợ lớn hơn điều tưởng tượng

tôi muốn nói cùng những người lính trẻ
cây súng các anh cầm trên tay
(đồ trang sức làm các anh thêm đẹp)

chân các anh giẫm trên mặt đất
đầu các anh đang đội mặt trời
(kể như đó là một điều hạnh phúc)
các anh bây giờ thật hiên ngang
(có thể ví như pho tượng
hay những hình người vẽ phấn tô son)

tôi gọi các anh là anh hùng
các anh bây giờ đã trưởng thành
các anh biết buồn và biết cô đơn
biết tìm quên trong những lá thư tình
biết mọi người cần một tổ quốc
mỗi người cần một tương lai

các anh biết, các anh biết thật nhiều
ngoài một điều đặt tên cái chết
cái chết nằm kề bên cạnh chúng ta.

CAO THOẠI CHÂU

VƯƠNG MẮC

Tạ Tỵ

EĂN CỨ A1 ĐƯỢC QUÂY CHẶT BỞI NHỮNG vòng thép gai từng từng, lớp lớp. Một vùng rộng lớn nằm im lìm dưới vòm mây đặc sệt đến tận cuối trời. Từng cụm cây đại mộc thấp lờm chờm xen lẫn vào màu cỏ già nhấp nhô theo màn lưới ngụy trang của những ổ đại pháo luôn luôn hướng nòng về bên kia giới tuyến. Con đường đất đỏ dẫn vào căn cứ bụi mù bởi đoàn xe tiếp

tế thực phẩm, nhiên liệu và đạn dược. Đó, hình ảnh tiếp diễn mỗi ngày tôi phải chứng kiến đến trở thành nhàm chán ở địa đầu máu lửa. Chiếc áo giáp nặng nề bó chặt lấy ngang thân, mới được cấp phát mấy tháng, từ màu xanh đã thành vàng úa, nhem nhuốc đầy dầu, đất. Mấy trái lựu đạn M.26 đeo lưng lảng ở ngực áo làm bút rút. Tôi đưa tay nắm vào một trái. Vỏ trái lựu nhẵn thui lạnh lạnh gây cảm giác tê ớn. Tôi xốc lại khẩu súng Colt cho ăn khít với hắp đùi rồi đi về phía ô tác chiến số 3.

Thời tiết mấy bữa nay rét ngọt. Mặt trời chỉ ló dạng vào buổi trưa xong khuất chìm vào nơi mô chẳng biết. Phong cảnh Gio Linh xám ngoét. Dù đứng ở góc độ nào, tầm mắt cũng chỉ thấy từng ấy sự vật, ngần ấy hình ảnh. Tôi có thể nhìn qua lùm cây đàng xa kia, thị trấn Đông Hà,

một thị trấn nhỏ bé, rất nhỏ, với vài con phố buồn hiu với những mái nhà thấp nép mình vào nhau e ngại. Các thị trấn đó, lần thứ nhất tôi đặt chân đến sau một giờ bay trong mưa gió và viên phi công phải lượn rất lâu sát mặt biển để tìm cách hạ cánh an toàn. Khi mọi người có mặt cảm thấy bánh tàu đã chạm vào phi đạo, đều trút tiếng thở dài nhẹ nhõm. Riêng tôi, không. Tôi thần nhiên như khi nhận lệnh khẩn đi Quân đoàn I rồi Sư đoàn I và sau cùng trình diện tại Trung đoàn 2 để từ đây đi Căn cứ A1. Chẳng phải tôi can đảm gì hơn ai, nhưng tôi đã tự nhủ, từ khi mới bước vào quân trường rằng, đảng nào cũng một lần, dù ở nơi này hay nơi khác. Niềm kiêu hãnh của tuổi trẻ, ôi! tuổi trẻ nhuộm độc bởi thành phố làm thui chột hoài vọng, tê bại sức sống. Tôi dờn bỏ đam mê thành phố với niềm đau xót khôn nguôi, với chia lìa đứt ruột.

Tôi ôm chặt Yến vào lòng trong đêm già từ thành phố. Yến đã cho tôi hết những gì tôi ước muốn. Dưới đốm lửa đục mờ của ngọn đèn đêm, tôi nhìn Yến, nhìn rất lâu để ghi lại từng đường cong mềm mại, từng hình thể chắc nịch nổi cao hay lõm xuống do ánh sáng tạo nên. Tôi không thể nhớ hết chúng tôi đã nói gì với nhau đêm ấy. Tôi như người mê muội. Tôi mê muội thật vì đáng lẽ, không nên hành động với Yến như vậy, bởi biết chắc tự thâm tâm, chẳng bao giờ Yến sẽ là vợ tôi. Lý do rất đơn giản rồi đây tương lai không còn thuộc về tôi nữa, mà đích thực, do kẻ khác sử dụng và quyết định. Tất cả những hành động nào tôi có, đều ở ngoài tôi. Do đó, tôi không muốn và không thể để một ai liên hệ, dù cho kẻ đó là những người thương mến nhất. Đã biết bao lần tôi gục mặt trên tấm bản đồ hành quân để tưởng nhớ vãn vợ, để suy nghĩ về những

địa danh chưa hề được biết. Những khu đó nằm chằng chịt dưới làn bút chì xanh đỏ, mà tôi biết đó là những mục tiêu mà Vũ người bạn pháo binh có nhiệm vụ phải gửi đến trăm ngàn viên trái phá mỗi đêm ngày. Tôi không bi quan hóa cuộc đời trong hoàn cảnh chẳng phải của riêng tôi. Nhưng đó chính là sự dẫn thân của cá nhân vào tập thể. Tôi thường nói với Vũ như vậy. Hắc cười khè khè. Mẹ kiếp tao đếch cần nghĩ ngợi gì hết, nó bắn qua, mình bắn lại, đứa nào bắn dờ đứa ấy chết, thế thôi! Tôi giận dữ.

– Nói như mi, chẳng có suy luận mẹ gì cả! Tụi pháo binh sướng bỏ cha, ngồi một nơi an toàn nã đạn cho sướng, tụi tao đi gần chết mà thấy không?

– Ủa, sao mày không học pháo binh, bộ mày dốt toàn hả?

Nói xong, Vũ lấy mũi giày hất vào đồng vỏ đạn đồng, mỗi cái to bằng bấp chân kêu rồn reng.

Chúng tôi sống ở đây kẻ trước người sau đều mang tâm trạng của những tên lính thú ngoài biên ải. Đêm đêm nằm trong hầm đất mơ chuyện viễn vông.

Có ngày địch pháo kích rộ rã, cả doanh trại vắng hoe, tôi ngồi trong hầm canh nhìn khói lửa tung mù khắp phía. Tiếng đạn gửi đến, gửi đi làm choáng váng mặt mày. Tôi hét to trong máy truyền tin để ra lệnh cho toàn quân phòng thủ. Tiếng nói của tôi bị tiếng dội của đại bác làm lạc mất âm thanh. Một vài ổ tác chiến trúng đạn. Những mảnh ván bay tan tác giữa đám bụi vàng ệch. Tôi vòng tay ôm lấy ngực. Mắt hướng về phía đó, tôi đọc thầm tên từng người, từng người. Viên y tá với túi cứu thương khom người chạy

dưới mưa lửa, khẩu súng các-bin choàng qua cổ đeo tròn teng, lúc lắc, chiếc áo giáp không gài khóa xõa xuống như hai chiếc cánh gà. Cứ như thế đó, những con người trấn giữ địa đầu phải chấp nhận mọi sự rủi may, phải cắn chặt vào mặt đất để tìm thấy nghĩa sống. Một hiện tượng, tôi ghi nhận ở căn cứ A1, này từ phút giây thứ nhất là nét mặt khắc khổ đến giá băng ở mỗi con người có đấy. Không khí chiến tranh khóa lấp từng giờ phút, dính chặt vào mỗi thân phận cơ hồ không cách nào gỡ bỏ. Khuôn mặt tôi cũng biến đổi dần theo mỗi buổi soi gương.

Tiếng máy xe rồ gầm gừ, ằng ặc phá tan sự im vắng của buổi sáng của mùa đông giới tuyến. Từng đoàn người chạy lăng xăng tấp nập. Đoàn xe GMC đầy cát đậu dài theo con lộ duy nhất bằng từ phía đông qua phía tây. Dọc theo những ụ đất

dùng làm điểm tựa tác chiến, một toán lính hì hục khênh từng hòm đạn về phía giàn đại bác 105 ly. Những nòng súng hạ thấp xuống. Vũ dang chân chỉ trở đó đây rồi ghé mắt nhìn vào mỗi hòng súng. Tôi nghe tiếng chửi thề vang vọng lại. Bốn, năm chiếc áo giáp quay lưng về hướng mặt trời đứng im như khúc gỗ. Vũ giơ cao chiếc gậy nhỏ đập vào khối thép rồi lăm lăm đi lại phía tôi. Trong khi đó những bóng người chao động. Chiếc que sắt dài thông với nui giẻ ở nơi đầu, thụt ra thụt vô tới tấp ở mỗi khẩu đại pháo.

– Cái chi rứa, mi nổi sùng dữ vậy?

– Tụi nó làm biếng tổ cha. Nòng súng dơ như chó, không chịu thông. Bị khám bắt tử ăn củ lại kêu oan! Mẹ kiếp!

– Thôi mà cha, bắn suốt đêm lau nổi gì?

Vũ cau mặt:

– Mày không thấy sao, bữa nọ một trái nổ ngay trước mặt đó, không mất con nào là phúc tổ rồi! Tao muốn bắn cho ngon, trái nào gửi đi, địch nhận đúng trái đó tao mới vừa bụng, chứ đâu như tụi bây bắn ào, bắn lướt cho uống đạn!

Tôi hơi nóng mặt:

– Nè, đừng có quá đà nghe!

Thấy tôi giận, Vũ cười khằng khặc:

– Giỡn chơi mà bồ! Thôi, chiều nay nếu êm, tao với mày “dù” về Đông Hà làm bận một cái. Thèm quá trời rồi, chịu hết nổi!

Nếp sinh hoạt của Căn cứ A1 cứ tiếp diễn theo cường độ của đại bác với những cuộc đột kích, truy kích. Chỉ huy

trưởng căn cứ là vị trung tá có trên hai mươi tuổi lính, 45 tuổi đời. Da mặt ông sạm đen cương nghị. Thoạt trông, ông giống như bức tượng đồng đúc vụng. Buổi trình diện, ông ngắm tôi rất kỹ rồi lạnh nhạt:

– Chuẩn úy tới đây, tốt lắm! Công tác đầu tiên, đi thử lửa.

Ông ta hất đầu nói với đại úy đang ôm tập hồ sơ dày cộm đứng gần đó:

– Cho anh đó, đưa về C.4.

Ông đại úy dạ rồi quay sang tôi:

– Chuẩn úy đứng ngoài chờ chút!

Tôi chào, quay người ra khỏi lều theo đúng động tác quân trường. Ánh nắng cuối thu nhàn nhạt trải rộng trước mắt làm nổi bật từng hình thể mà chưa lần

nào tôi được thấy ngay cả trong sách vở quân sự. Từng ụ cát nối tiếp nhau vượt khỏi mặt đất độ sáu tấc có nhiều ô cửa nhỏ thấp thoáng bóng người. Sân trại vắng tanh. Điểm nhô cao độc nhất của căn cứ là chiếc cọc ăng-ten đang rung rung ngất ngưỡng ngay sát căn lều bộ chỉ huy. Người lính gác trang bị áo giáp móc đầy lựu đạn ở hai bên ngực với những sạc-dơ AR.15 giắt kín ngang bụng trông nặng nề nhưng thực oai dũng. Màn lưới ngụy trang đại pháo màu sắc loang lổ lẫn vào cỏ, đất đắp cao ba mặt. Tôi cảm thấy tơ vơ lạ lùng, tự nhiên run sợ. Tôi thực không ngờ phải đối diện với thực tại quá tàn nhẫn như vậy. Câu nói, tôi vẫn nhớ thâm “đằng nào cũng một lần” giờ phút này không còn hiệu nghiệm. Tôi móc túi lấy thuốc ra hút để trấn an. Hơi thuốc cay xé đầu lưỡi.

– Chuẩn úy theo tôi!

Cúi xuống cho tay cầm túi hành trang tôi hồi hả theo vị đại úy bằng nhanh qua mấy chiếc giao thông hào. Tôi liếc nhìn xuống thấy những mảnh ponchos trải rải rác cùng nhiều hòm đạn đã mở sẵn. Vị đại úy đưa tôi xuống căn lều khá rộng, xung quanh ghép bằng những phiến gỗ thông cỡ lớn. Chiếc túi điện thoại treo lủng lẳng trên chiếc xà ngang vì không để ý nên xuýt tôi va mặt phải. Trong hầm ngoài chiếc bàn làm việc, mấy chiếc ghế gỗ, phần còn lại chỉ toàn ghế bố.

Sau 15 phút, tôi bước ra khỏi căn hầm với nhiệm vụ rõ rệt và được biết chính ông đại úy đó là vị chỉ huy trực tiếp của tôi. Tên ông là Sâm. Trông ông phúc hậu, có vẻ dễ dãi. Tôi hơi yên bụng.

Ngay buổi chiều tôi dẫn trung đội C.4 đi phục kích. Đại úy Sâm chỉ cho tôi thấy địa điểm trên bản đồ cách căn cứ khoảng 5 cây số và những yếu tố cần thiết. Đây là cánh rừng thưa với địa hình thiên nhiên thuận lợi cho các cuộc xuất phát đột kích hay pháo kích. Tôi thầm nghĩ, tại sao không dùng phi cơ hay đại pháo cây nát nó lên có phải đỡ vất vả linh không? Sự suy luận giản dị của tôi về quân sự quả thật thơ ngây. Càng sống lâu ở căn cứ A1 tôi càng thấy sách vở quân trường chẳng giúp cho tôi mấy tí.

Đêm xuất quân đầu tiên trong đời một chiến sĩ, nhất là vận mạng ba chục con người tùy thuộc vào lòng dũng cảm và sự khôn ngoan của mình, thật quả, đối với với tôi nó vô cùng nặng nhọc. Tôi nắm chặt khẩu súng trong tay mắt đảo nhìn bóng tối chập chùng vây lút

bốn phía. Hình thể nào đối với tôi lúc này cũng là đe dọa, bất trắc. Vì chưa quen đường nên tôi phải bước theo chân trung sĩ Kha tiểu đội trưởng, tiểu đội 2. Tôi toan cho lệnh dừng quân để bấm đèn xem bản đồ thì trung sĩ Kha quay lại nói khẽ:

– Chuẩn úy có nhìn thấy cái cây khô phía mé trái đó không?

Tôi nhìn theo ngón tay của Kha:

– Ờ, ờ có thấy, chỗ ấy là địa điểm mình tới đó sao?

– Dạ chưa. Chỗ ấy cách đây hơn tuần tụi tôi bị nó kích đó, mình bỏ mất 3 “con” và thiếu úy Sơn, tội nghiệp thiếu úy Sơn tốt lắm. Ông ta mới ở Sư đoàn ra được mấy tháng. Thế chuẩn úy ở đâu ra?

– Thủ Đức!

– Chắc chuẩn úy chưa đánh trận nào?

– Trận giả thì có, thật chưa. Nè tinh thần anh em ở đây ra sao?

– Vậ vậ, có giặc là đánh, thân lính chiến mà chuẩn úy!

Có tiếng đạn rít ngang trời chúng tôi nằm sát xuống đất hòm súng sang hai bên. Kha lăm bầm:

– Đù cha nó lại pháo kích.

Những tiếng nổ lớn vang dội, vang dội. Tôi quay đầu nhìn về căn cứ A1. Từng đốm lửa lóe lên liên tiếp. Tôi biết các nòng đại bác của căn cứ đang phản pháo. Kha hỏi tôi:

– Mình nằm đây hay đi nữa, chuẩn úy?

– Còn bao xa?

– Độ non cây nữa!

Không hiểu sao tôi hùng dũng ra lệnh tiến. Trung đội lại lặng lẽ lần bước dưới tiếng xé không khí của đạn đại bác như đoàn quân ma.

Cả đêm hôm đó không tên địch nào đến với chúng tôi. Nằm nép mình vào gò đất tôi ngửa mặt nhìn trời. Vùng trời đen thui nặng trĩu. Gió đêm giới tuyến như cắt từng mảnh thịt. Chiếc áo giáp chỉ có công dụng chống mảnh đạn hoặc đạn thường, chứ nó đâu có làm cho lòng ấm được! Bàn tay tôi buốt giá, nhưng thép súng còn lạnh hơn. Tôi gối đầu lên chiếc mũ sắt mắt nhắm lại. Tôi móc túi lấy chiếc khăn tay ủ vào mặt cho đỡ rét. Mùi dầu thơm phảng phất làm nhớ Yến vô cùng. Tôi nhớ đã dùng chiếc khăn này

để lau những giọt lệ cho Yến đêm nào. Yến đã cắn nát một góc khăn để ngăn tủi hờn. Nước bọt và nước mắt của người yêu thấm đọng lại ở đây đang phủ lên da thịt tôi nỗi buồn cách trở. Chắc Yến không thể nào đoán được giờ này tôi đang ở đâu, làm gì? Tội nghiệp! Thật tội nghiệp cho những sự thực khốn nạn chẳng ai đoán biết.

Tiếng đại pháo nổ từng chập, từng chập. Tôi để tai vào máy truyền tin, bấm nút gọi về căn cứ xin lệnh. Giọng nói của đại úy Sâm khô cứng.

– Nằm nguyên đấy, hết!

Tôi bỏ máy xuống bên cạnh rồi nghĩ vẩn vơ, nếu mỗi đêm đi kích thế này, chẳng chết vì “đụng” cũng chết vì mệt và hồi hộp.

Nếp sống của căn cứ mấy bữa nay sôi động hẳn lên. Từng súc gỗ thông lớn được trục thẳng vận đến giữa lòng căn cứ cùng với toán công binh Mỹ, Những chiếc GMC đẩy cát tới tấp đổ xuống. Ông trung tá tay cầm chiếc gậy chỉ huy quát tháo om sòm. Chiếc xe ủi đất màu vàng chói do anh lính Mỹ cỡi trần hùng hục lái gầm gừ từ sáng sớm tới chiều tối. Sinh hoạt chỉ tạm ngưng khi có pháo kích. Chúng tôi đều bận tối mắt tối mũi không còn thì giờ đấu nhảm về chuyện đàn bà. Từng đồng vỏ đạn đại bác chất cao như núi được các chiến sĩ di chuyển tới những miệng hầm đã thiết trí xong. Nhiều chiếc áo giáp máng vào mũi súng hoặc để trên “ca-pô” xe. Bãi cỏ đại trước căn lều bộ chỉ huy được lót bằng những tấm vải sắt thường dùng cho sân bay tạm thời. Ở một góc sân, các anh lính khéo tay, sùng đạo đang ra công làm chiếc hang đá

nhân tạo. Một toán khác cố ghép những tấm vĩ sắt làm thành chiếc cổng cao ngất ngều. Tấm bằng vải trắng tinh có hàng chữ Mừng Chúa Ra Đời giăng ngang hai đầu trụ. Ở phía dưới treo cái đèn ngói sao xanh biếc viền kim tuyến đỏ. Vị sĩ quan ban 5 chạy lăng xăng, tíu tít để đôn đốc và giải quyết yêu cầu. Đây là nhiệm vụ của anh ta. Nhiều lúc nhìn anh, tôi thấy thương hại. Mới có mấy bữa mà da mặt đã xanh teo chẳng còn bụ bẫm như bữa trước. Hai túi áo giáp căng phồng không phải chứa lựu đạn như thường ngày mà đựng toàn các vị Thánh bằng bột với dây ngân nhũ. Mỗi lần gặp tôi, anh lắc đầu:

– Một bỏ cha, mỗi năm tổ chức độ vài lần chắc tịch quả cậu ơi! Tiền ít thịt muốn nhiều, cái gì cũng cần, cái gì cũng khẩn, giết ai ra!

Tôi cười sè sè:

– Ông ơi! có văn nghệ ướat át không đó?

Nét mặt anh tươi tắn:

– Hy vọng, hy vọng. Đánh công điện xin rồi.

– Mấy thuở xin được, mình ở xa quá mà, đường đi cách núi ngăn sông đó, biết không?

Chưa kịp nghe hết câu anh đã chạy đến phía có tiếng gọi đằng xa.

Vùng trời hỏa tuyến không một giọt nắng. Sắc mây màu ngả nước chạy dài theo lùm cây phía xa hiu quạnh. Gió thổi căm căm. Tôi khoanh tay trước ngực đứng trên lũy cát nhìn về phương bắc. Cả một vùng đặt sệt im vắng bao trùm cảnh vật. Tiếng đại liên ùng ục vang vọng như tiếng kêu tức tối. Toán lính công binh

Mỹ, quần áo dính đầy đất đỏ, đứng dang chân phanh ngực đầy lông hoe vàng nốc bia hộp. Da họ đỏ tía như da gà chọi. Họ sống riêng một khu nhỏ, ngăn cách với chúng tôi bằng vòng kẽm gai. Nhiệm vụ của họ là giúp cản cứ trong công tác kiến tạo loạt “băng-ke” mới với vật liệu gửi từ Mỹ qua để đủ sức chịu đựng những cuộc pháo kích hạng nặng. Cản cứ đã đổi thay bộ mặt. Những chiếc “băng-ke” thật rộng, thật an toàn thay thế cho những chiếc hầm đất được sử dụng có tính cách nhất thời. Riêng tôi vẫn tiếc chiếc hầm nhỏ mà tôi cùng Vũ đã ở chung mấy tháng nay. Qua “băng-ke” mới chắc chắn sẽ nằm với nhiều người khác, câu chuyện tâm sự tay đôi khó mà nói lớn.

Lá quốc kỳ bay phấp phới ở bên trên trụ cổng. Tiếng máy điện chạy rè rè từ căn hầm vọng ra buồn nản. Công cuộc chuẩn

bị cho đêm Giáng sinh đã gần xong. Vị chỉ huy trưởng sắc mặt rần đanh đứng trước cái bàn thờ tam cấp làm bằng vĩ sắt phủ vải trắng tinh. Đèn nến và ảnh Chúa được trưng bày tươm tất. Tôi nhìn đồng hồ mười lăm giờ đúng, ngày hai mươi bốn. Chỉ còn ba tiếng nữa đến giờ hưu chiến, theo sự thỏa hiệp giữa ta và địch trên toàn quốc. Trên nguyên tắc như vậy nhưng thực tế, sự phòng thủ căn cứ A1 vẫn duy trì tới mức tối đa. Các giàn đại pháo do Vũ chỉ huy vẫn ở vị trí sẵn sàng nhả đạn bất cứ lúc nào vào các tọa độ định sẵn. Các vòng kẽm gai thả dây hơn trước. Bãi mìn được nới rộng thêm. Sự chuẩn bị hai mươi bốn giờ hòa bình còn vất vả hơn khi cuộc chiến đang tiếp diễn.

Khi phát đại bác sau cùng Vũ gửi sang đất địch trước giờ hưu chiến, cũng vừa lúc ấy tiếng điện thoại reo lên cạnh tôi.

– A lô, thưa chuẩn úy có xe đoàn Văn nghệ đến, cho vô không, hay chờ lệnh?

– Cho vô?

Đút ống nghe vào túi vải tôi chạy lên nóc “băng-ke” nhìn ra phía ngoài. Những vỏ đạn đại pháo xếp trên nóc “băng-ke” có tác dụng cản trở sự đào sâu của đạn địch, khua rộn rã dưới gót giày trận. Bữa nay, tôi có nhiệm vụ giữ an ninh cho buổi lễ. Trung đội của tôi sẵn sàng tác chiến nếu bất trắc xảy ra. Tôi cho tay kéo khóa áo giáp để tránh lạnh. Càng về chiều gió thổi càng buốt. Đường chân trời chỉ còn ửng lên chút ánh vàng mong manh đút nổi. Đã nhiều lần tôi đứng cô đơn nhìn hoàng hôn chết dần giữa vùng hỏa tuyến mà chưa một lần buồn hơn. Con đường mòn dẫn ra quốc lộ 1 với vài nếp tranh nhỏ thấp tựa vào nhau như trốn tránh bơ vơ. Bóng người chiến binh có phận

sự canh phòng đứng im sững. Bên bãi cỏ gần đấy, mấy đứa trẻ chơi trò cút bắt. Tiếng cười đùa vang lên ngân ngui. Hình ảnh ấy cắm sâu vào trí não tôi với từng mũi nhọn.

Chiếc GMC nặng nề lăn chậm chậm vào căn cứ. Màu sắc xanh đỏ với từng cụm tóc đen lành bay dạt dào theo gió làm ấm lòng chút ít. Vị sĩ quan ban 5 đang đứng dưới cột cờ kiểm điểm cố gắng của mình sau mấy ngày vất vả. Tiếng còi xe làm anh quay ra. Nụ cười sáng ngời nở trên khuôn mặt. Chiếc xe ngừng lại ở vọng canh theo lệnh người lính gác. Anh ta đi vòng quanh rồi ngửa mặt lên cười toe toét xong mới cho lệnh xe quẹo về mé trái.

Từng người, từng người lần lượt nhảy xuống với đồ nghề lĩnh kỉnh. Một cô ý chừng nhát không dám nhảy, được

anh bạn đồng hành đón bằng hai tay ôm ngang thân. Tôi trách thầm, tại sao mình không học làm văn nghệ? Vị sĩ quan ban 5 hướng dẫn đoàn người đi về chiếc “băng-ke” mới tinh chưa sử dụng, ở trong đó, có đầy đủ ghế bố mừng, mền. Toán lính Mỹ đang sửa soạn cho bữa ăn chiều ở gần đó thấy bóng con gái gọi nhau ới ới. Những đốm mắt xanh lơ ử dột vì chiều Giáng sinh tha hương, bỗng vụt sáng. Mọi hoạt động của họ đều ngưng đọng, có chú đưa tay về đoàn người chào kiểu thân thuộc, có chú líu ríu lời chúc tụng nồng nhiệt. Mấy cô trông dễ thương nhưng dạn dĩ cũng giơ tay lên cao “He-lô” âm ỉ. Tôi cúi đầu suy gẫm lấy làm cảm phục các bà mẹ Việt Nam!

Bữa cơm đoàn kết chiều Giáng sinh có ngon hơn ngày thường. Nhưng trong thâm tâm mọi người đều chờ đợi món

ăn hiếm có ở giữa trời máu lửa. Vũ vừa nhai vừa nhìn sang bàn có mấy cô ca sĩ để phê bình nhảm. Các sĩ quan có tiếng đạo đức vì ít khi vắng tục lúc này cũng cười xòa góp chuyện thích thú. Trái với lệ thường, tối nay ánh sáng của những ngọn néon tỏa màu êm dịu làm tươi mát một khoảng căn cứ. Từ đó nhìn ra, tôi chẳng thấy gì ngoài ngọn đèn ngôi sao le lói và chiếc hang đá có nhiều đốm lửa vàng khè nhấp nháy liên hồi làm lóng lảnh hàng dây ngân tuyến tượng trưng mùa tuyết giá.

Tiếng ca vút lên cao chơi vơi theo cung bậc bập bùng giữ nhịp. Mảnh áo dài mang tâm sự của thành phố làm vui mắt người lính chiến địa đầu. Không gian bát ngát nổi trôi, Tôi đứng nép mình vào khoảng tối nhìn vào. Ôi! Tiếng hát, tiếng hát của người con gái hậu phương

sao thê thiết làm vậy? Tôi ngược lên cao. Vòm trời mịt mội. Tiếng hát lãnh đặng trôi vào không gian. Những chiếc mũ sắt, những khẩu súng, những băng đạn như muốn thở dài. Mấy chú lính Mỹ sặc sụa hơi rượu đi lang thang ngất ngểu. Một chú rẽ về phía tôi đơn đã với lời chúc Giáng sinh, xong ngậy người nhìn về phía bụi trình diễn thì thảo:

– Con gái Việt Nam đẹp quá!

Tôi mỉm cười trong tối:

– Sang Việt Nam lâu chưa?

– Ba tháng.

– Biết Sài Gòn chưa?

– Chưa, đổ bộ Cam Ranh rồi tới đây ngay.

Mặt chú lính Mỹ trẻ măng ngậy ngô

nhìn chăm chặp vào cô ca sĩ vừa rời micro đi ra phía sân. Chú lính Mỹ bỏ tôi đi đến chỗ cô gái rồi móc túi quần lấy lon nước màu vàng ửng đưa tặng. Cô mỉm cười cúi đầu tỏ dấu cảm ơn. Chú lính Mỹ hồn nhiên ghé sát mặt vào mái tóc lú lo. Dưới ánh đèn mờ ảo trông cô xinh tẹt. Chẳng biết cô ta có hiểu tiếng Mỹ không, tôi chỉ thấy cô né tránh rồi chạy ù lại chỗ tôi cầu cứu:

– Ông ơi! Thằng cha này kỳ quá à!

– Sao?

– Nó nói gì đầu lằng xẹt, hơi rượu làm buồn nôn thấy mô!

Chú lính Mỹ không chịu buông tha cũng sẵn đến cuống quít hỏi tôi xem có gì khác biệt giữa người Mỹ và người Việt? Tại sao cô gái lại chạy trốn? Tôi giải thích

sự khác biệt và khuyên chú ta nên lịch sự đối với con gái nhưng hẳn làm bộ ngơ ngơ không hiểu. Tôi đành phải dắt cô ca sĩ vào gần chỗ trình diễn, nơi tập trung nhiều ánh sáng nhất.

Khi hai bàn tay buông nhau, chính tôi cũng cảm thấy như vừa đánh mất chút gì. Ôi bàn tay tròn trịa với những móng nhọn như có sức nóng ghê gớm làm toàn thân tôi bùng bùng nhóm lửa:

– Sao cậu hay quá vậy?

Vũ đập mạnh vào vai tôi cười nhỏ nhoẻn:

– Ô, bắt buộc!

Nói xong, tôi lẩn nhanh vào đám đông rồi lững thững men theo lối mòn đi về hầm ngủ.

Tất cả sinh động của căn cứ giờ này được thu hẹp vào một góc. Tôi ngồi ngay cửa hầm nhìn về góc đó. Tiếng nhạc khi trầm trầm khi rộn rã thoát vào rộng lớn. Tôi biết, nếu đứng lại, tôi sẽ được thưởng ngoạn đôi trò hấp dẫn với các nường con gái ngồn ngộn mà tôi đã thấy qua bộ đồ may quá chật hồi chiều. Tôi biết, sẽ phát điên lên khi ngó thấy thịt da đàn bà uốn lượn nhịp nhàng được che đậy sơ sài bằng mấy mảnh vải nhỏ. Điều ấy, ít ra cũng làm nguôi ngoai phần nào nỗi khát khao của những lính chiến nơi ải đầu trường kỳ gian khổ. Tôi cũng biết chính tôi cùng sự yếu đuối của bản ngã có thể hành hạ và dẫn dắt tôi vào đau đớn bất ngờ. Tôi nhớ Yến qua năm ngón tay của cô ca sĩ. Không một chữ viết cho nhau từ đêm giã biệt.

Tôi búi cái gì có trước mặt, cái đó là trách nhiệm, súng đạn và tình đồng đội. Một vài thể xác đàn bà lạ mặt đã đi qua tôi từ khi xa Yến cũng chẳng đem lại nguồn vui thuở trước. Chiếc khăn tay thấm nước mắt và nước bọt của Yến đã phai hương mùa cũ. Tôi ngồi đây nhìn lên vòm cao, nhìn xuống mặt cỏ. Trời đêm bao la ghê sợ quá. Mặt cỏ khô cằn gai nhọn. Tôi chẳng biết cách đây gần hai ngàn năm Chúa ra đời ở dưới vòm trời nào có mang nhiều chứng tích bi thương như không gian có mặt? Tôi vẫn tin có một cái gì thiêng liêng lắm, cao xa lắm mà đôi tay ngắn ngủi của con người không sao vươn tới! Tôi cũng tin vào từng thân phận đã an bài với lời phán xét cuối cùng.

* * *

Trời vào khuya sương muối xuống
dầy đặc. Ánh đèn chập chờn mờ lung
mỗi lúc như khuất chìm vào hư ảnh. Hơi
đàn kéo lê qua lớp phấn sương dày mỏng
ứ nghẹn. Tôi ngả người vào bao cát xếp
thành hàng ngay cửa hầm. Bên trong tối
thảm. Những con chuột đói đang cạy
chiếc gà-mên trống rỗng. Tôi bấm đèn
soi vào. Tiếng động im bật.

TẠ TỰ

TRƯỚC KHI THÊM TUỔI

Vũ Đình

còn một đêm này
đêm dài như nước mắt
đêm buồn như nụ cười
đêm vui như tiếng khóc
sớm mai thêm một tuổi
trên râu trên tóc
trên mặt mũi tay chân
trên vết thương trên lớp da non trên từng
vết sẹo

còn một giờ này
giờ ngồi đốt thuốc
giờ ăn giờ ngủ
giờ nằm đọc báo
giờ uống cà phê đen
giờ đi thăm bạn bè
họ hàng anh em
cha mẹ
những người đã đi và đã chết
sớm mai thêm một tuổi
trong bàn tay cầm súng
trong ánh mắt đen trong dòng lệ xót
trong tiếng thở dài

trong trái tim khô trong đường máu đặc

còn một phút này

phút điên trên thi hài

(k.d. bỏ 1 trang)

Cùng lúc với số báo này xin mời bạn đọc
đón mua khắp nơi

NGƯỜI VỀ ĐẦU NON truyện dài VÕ
HỒNG (Sách Phổ-thông 1/68)

NGỰA TÍA truyện dài Y UYÊN Giao
Điểm xuất bản

CON CHIM TRỐN TUYẾT truyện Paul
GALLICO bản dịch Trần Phong Giao &
Hoàng Ưng, Giao Điểm xuất bản

sẽ phát hành mùa Xuân Mậu Thân

VỖ MỘNG truyện dài André GIDE bản
dịch Bửu Ý (Sách Phổ thông 2/68)

MỘT VỤ XỬ ÁN TRONG VÙNG TÊ
truyện dài Nguyễn MẠNH CÔN (Sách
Phổ thông 3/68)

CÁNH TAY CỦA ĐẤT

Phan Lạc Tiếp

MHỮNG CHIẾC TIỂU GIÁP
ĐÃ MỞ DÂY ĐI trước. Phía
bãi ủi các quân vận đỉnh cũng đã bắt đầu
lên cửa, rút ra. Trời hãy còn tối, Trung sĩ
1 Trung, thuyền trưởng, đứng ở giữa sân
trước, dõi mắt về phía cầu tàu, rồi lấy tay
làm loa:

– Tính, Tính, lệ lên “bố”.

Tính ôm áo lạnh và mấy thứ lật vặt

đang tắt tả chạy xuống. Tính vừa nhảy xuống tàu, trung sĩ Trung đã hô lớn:

– Cởi dây!

Ánh đèn pin trong tay Trung bấm nháy nháy về phía tả, rồi ánh đèn quay vòng vòng. Con tàu hướng mũi ra lòng sông và tăng tốc độ. Tàu đã vào vị trí, Trung mới lững thững nhảy lên lô cốt chính và gặp Tính đang ngồi tại đây. Trung nghẹo đầu nhìn Tính rồi nói:

– Sao “bố”. Gớm còn hơn sĩ quan nữa. Đợi mày đến phát bực. Đi đâu cũng mang ba cuốn sách theo. Tao không hiểu có gì trong ấy nữa.

Ngưng một lát rồi Trung lại tiếp:

– Mà sao đây. Đồ nghề xong chưa?

Từ nãy Tính vẫn nhìn Trung mỉm cười. Nghe hỏi vậy, Tính đáp:

– Thì có bao giờ đàn em để trung sĩ phải la đầu. Yên chí mà.

Trung vẫn hỏi lại:

– Mà có thông nòng cần thận chưa?

– Đã bảo yên chí mà. Tôi đã để sẵn biểu xích, đạn khói dưới hầm 81, đã dành cả buổi chiều hôm qua cho “chú 10” rồi. Nếu có kẹt đạn cứ mang tôi ra mà bắn.

– Rồi, tao tin mày.

Tính ngựa mặt nhìn ngoài ra phía Trung, rồi cười, nói:

– Phen này mà ngon, trung sĩ nhớ giữ lời hứa nghe.

– Được rồi. Chỉ chiều nay thôi. Tao mà gặp được bà già tao, tao nói một tiếng là xong.

Ngưng một lát rồi Trung lại tiếp:

–... nhưng nhờ con Tư nó không chịu mày thì sao đây, à...

Từ phòng lái, tiếng anh Đang vọng ra góp chuyện:

– Hạ sĩ Tính, xạ thủ số một của giang đoàn, lại là quân nhân gương mẫu, cộng ba anh dũng bội tinh, mà ai không chịu.

Mọi người cười rộ.

– Rồi, tao cũng gắng liều với mày, Trung nói lớn rồi cười ha ha.

* * *

Trời đã gần sáng hẳn. Trên đầu những chiếc oanh tạc cơ thi nhau chúm

đầu xuống bắn phá. Từ trên đỉnh trời, một chiếc L-19 cú lơ lửng lượn qua lượn lại. Đoàn tàu vẫn tiến đều. Tuy chưa có lệnh gì mới, nhưng cả hai hệ thống truyền tin đã mở. Ống phóng thanh nổ lóc bóc nhè nhẹ. Trung ngồi trong phòng lái, đôi mắt mở sáng trắng dưới lớp mũ sắt. Phía trước, khẩu 40 ly do Tính làm pháo trưởng đã đập kín nắp sắt. Nòng súng là theo mặt nước. Trung nhìn sang bên phải và hồi hộp lạ thường. Đúng rồi, đây là ngã ba sông, con lạch này sẽ dẫn vào khu rừng Lá. Phía um tùm kia là miệt Cây-đa-nước-lạnh. Bỗng từ trong máy phát ra tiếng nói của thiếu úy Đăng:

– 61, 61, Anh dẫn “mấy đứa em” của anh tiến sâu vào lạch. Ấn ngũ từ đầu “bãi vàng” cho đến cửa sông. Nhận rõ trả lời.

– Nhận rõ.

Trung vừa đáp vừa đổi ống nghe ra lệnh cho bốn chiếc tiểu giáp theo mình.

* * *

Trời đã bắt đầu sáng rõ. Nhưng sương còn giăng giăng lưng chừng rừng dừa. Máy bay đã ngưng bắn phá. Trung biết chắc là quân đang đổ lên từ “bãi đỏ”, “bãi vàng”. Tiếng súng tay lấp đớp vọng lại thưa thớt. Thỉnh thoảng mới có tiếng nổ nhỏ như M-79 hay lựu đạn gì đó. Trung vẫn theo dõi ở máy 10. Anh cũng mừng là không phải đụng lớn. Vì dầu gì đây cũng là quê hương anh. Trong khu rừng dừa xanh trùng điệp kia có má anh, em anh và bà con lối xóm. Nếu chẳng may vì cuộc hành quân này mà những người thân của anh bị lạc đạn thì anh ân hận biết bao nhiêu.

Cho tới gần chiều, cuộc tiến quân hầu như không gặp trở ngại nào. Tất cả đều im lặng, ngoài tiếng máy bay “bà già” lúc nào cũng lơ lửng trên không. Trung đứng trên bậc thang của đài quan sát, lấy ống nhòm nhìn vào phía trong. Cánh quân thứ nhất hình như đã vào sát khu rừng dừa. Anh chắc trên đoạn kinh bên kia khu rừng Lá tui thẳng Đức cũng đang linh binh án ngữ như anh. Ở đó, trong đám lá cây xanh, anh nhìn thấy một vài đồng rơm và căn lều nhỏ. Lối đó dẫn qua nhà ông hương Tú, qua một cây cầu bắc trên con lạch Cùg, đi một đôi nữa là tới nhà anh. Anh cứ đứng nhìn như thế và miên man suy nghĩ. Nếu anh không đăng lính, không biết giờ này anh làm gì. Kể cũng thật mau. Thoáng đã gần mười năm. Những lần tàu ra khơi nhìn chân trời thẳng tắp, Trung thấy ngời lên đầy lòng một nỗi vui vừa nôn nao vừa

kiêu hãnh. Nhưng từ khi nếm trải mùi đời, Phi cũng có, Mỹ cũng có, nhất là từ khi đã có vợ con, đường chân trời thẳng tắp ấy không còn gợi trong lòng Trung niềm háo hức nữa. Mà Trung thấy nhớ quê, thương vợ, nhớ mấy đứa nhỏ ở nhà, muốn đưa vợ cùng bảy con về thăm má, thăm làng xóm. Nghĩ tới đó, Trung bỗng nhếch mép cười. Nhưng từ khi lấy vợ, có được đứa con đầu lòng, anh đã phải đổi ra ngoài đảo. Bằng đi tới hai năm. Cây cọc mãi bây giờ mới được đổi về gần quê, thì quê đã không còn an ninh nữa. Tội nó về làm lộn xộn hết trơn. Lâu lắm rồi, anh có nhận được thư của má anh, bảo hãy cố về chơi thăm má, nhưng anh không về được. Phần vì đi lại phiền phức, phần vì tốn kém quá, về mà không có gì cho má và các em kể cũng buồn. Nhưng lần ấy anh có gửi về cho má anh tấm ảnh cả gia đình anh, không biết má

có nhận được không, mà không thấy thư từ gì nữa. Anh cứ buồn mãi là không biết thằng Thử ở nhà học hành ra. sao. Mà dạo này nó lớn bộn rồi à. Con Tư còn mười bảy, nữa là thằng Thử. Nhớ lần về quê kỳ trước, nó bắt đầu võ tiếng, nói cú ồ ề như vịt đực, cổ đầy lang võ da. Rất khoái đi lính, nó lấy cái kết của anh đội vô rồi đi lằng quăng trong nhà, hết hỏi má lại hỏi con Tư “cũng bảnh dữ đả”. Má thì nói:

– Thôi, anh mày đi lính rồi, hàng năm chưa về một lần, tao còn mình mày đó, tính đi hết sao chớ.

Chóng thật! Chắc bây giờ nó cũng cao bằng mình chứ ít gì. Trung lấy tay vuốt mặt, rồi nhảy xuống ngồi thông chân xuống hông tàu, bỏ mũ sắt xuống, thừ ra. Dưới sàn thằng Nụ đã dọn cơm xong, nhếch mép ngược lên nháy nháy

đuôi mắt ra hiệu cho tụi trên này xuống ăn. Trung bảo:

– Mấy thằng bay ăn trước đi. Một nửa ở trong ổ súng. Tao ăn sau.

Nụ vốn là đứa hay cười. Mỗi lần dọn cơm nó đều ra hiệu bằng mắt như thế là Trung hiểu nó đã dành cho Trung trái ớt thật cay. Nhưng lần này thấy Trung hình như nổi quạo, nó mất hứng, cúi xuống cùng mấy người kia, lăm lũi ăn.

Ở phía trước, Tính đã chui ra khỏi tháp súng, ngồi nhìn mông về phía rừng dừa.

Chiều xuống dần. Một vài con cò bay lãnh đãng ở phía xa bên kia bờ kinh. Trung càng nhìn vào khu rừng dừa càng như thấy lòng mình tối lại theo bóng chiều đổ xuống. Anh ngồi xuống, bưng

tô cơm lên và vội vàng. Bỗng từ trong rừng dừa đạn nổ như pháo ran. Trung cúi lom khom dương ống nhòm theo dõi, thấy những làn đạn bắn ra đỏ lòm. Quân mình từ ngoài đồng trống tiến vào, vừa chạm vừa vấp. Cứ mỗi lần quân ngoài tiến lên, trong lại nổ ra dữ dội. Trung giật lấy ống nghe xem có gì lạ không. Anh không thấy thẩm quyền nói gì hết, ngoài những tiếng nói léo xéo trên hệ thống liên lạc với bộ binh, đại khái như: “đã tiến chiếm mục tiêu 21, 22... yêu cầu cho tải thương...”

Trung biết trong có đựng độ, nhưng chưa có gì là quyết liệt, họ chưa cần tới mình. Anh nhìn lại phía đầu rạch, mấy chiếc tiểu giáp chúi mũi vào bờ, ẩn mình trong lá, chỉ hở ra một phần lái mà thôi. Trời gần tối thì phía trong đựng mạnh. Phi cơ bắt đầu xuất hiện. Bộ binh lùi về

phía tuyến xuất phát. Những đợt bắn phá đầu tiên của phi cơ phát hiện những đốm lửa bốc sáng khu rừng dừa phía trong. Tiếng nổ rền đất. Trung thấy ngực mình như có ai ép và xô đẩy, tim anh đập mạnh. Anh liên lạc với thẩm quyền và được biết:

– À..., anh cứ nằm yên, và sẵn sàng.

Trời tối hẳn và phi cơ đã ngưng bắn phá. Phía trong những đám cháy bốc lên đỏ rực. Những mảnh ruộng nước trống trơn phản chiếu ánh lửa bập bùng. Anh không biết bộ binh đã rút đi đâu hết. Giữa lúc ấy, anh lại nhận được lệnh:

– 61, 61..., anh nằm yên và sẵn sàng.

Lệnh vừa dứt thì pháo binh câu vào khu rừng tới tấp. Và trên những mặt ruộng trống đó anh đã bắt đầu thấy xuất

hiện những người lúi húi chạy ra. Pháo bình càng nổ dữ thì tụi trong ấy càng chạy ra nhiều, họ chạy giạt về phía rừng lá. Khi thấy mặt ruộng đã khá đông bóng đen, anh được lệnh khai hỏa.

Những khẩu 20 ly kê sát mặt ruộng nhả đạn, đường lửa đạn chéo nhau. Một vài viên đạn chạm nước bay bổng lên trời rồi tắt ngấm ở trên cao. Nhiều thân người té ngựa, ngã dập xuống ruộng nước. Toán người bị động chạy giạt trở lại, chúi đầu vào cuối con kinh. Anh được lệnh dùng 10 ly cày nát khu rừng lá.

Con tàu lúi ra một đoạn, rồi chĩa súng về phía rừng Lá. Vừa tiến vừa bắn. Quả tình, Tính bắn rất chì, bình tĩnh và cẩn thận không tắc một viên nào. Nhưng chưa tiến được quá hai trăm thước thì từ trong bờ ngang hữu hạm, một luồng đạn

thật gần quạt lên thật thấp. Trung ngã sắp xuống. Sau đó tiếng nổ lớn bùng lên. Trung chỉ còn nhìn thấy khẩu 40 ly quẹo đi trong ánh lửa xanh lè và không còn thấy Tính đâu hết. Trung còn tỉnh, biết là mình bị thương, nhưng chưa biết đạn vào đâu. Trung muốn ngồi dậy, nhưng không được. Một bên chân như không còn cảm giác gì, nó nặng nề vương vীu. Giữa lúc ấy Trung thấy như có nhiều người từ trên bờ trèo lên tàu và la hét ồn ào. Tiếng súng vẫn nổ ác liệt. Trung lịm đi.

* * *

Khi tỉnh dậy, Trung chỉ còn thấy mình nằm trên nóc chiếc tiểu giáp, sắp cập vào bờ. Tiếng nói xôn xao. Đèn pha quét sáng chói mắt. Trung mở mắt nhìn

lên trời. Những vì sao trong vắt Trung nhớ đến Tính và anh từ từ ngồi dậy. Có tiếng ai như tiếng thiếu úy Khiết ở đằng sau:

– A, Trung tỉnh rồi. Nằm xuống đi.

Gió thổi như nhiều ngón tay đan vào tóc, Trung thấy mát và dễ chịu vô cùng. Trung lắc đầu, co nhẹ chiếc chân bằng bó khe khẽ nhấc lên. Trung biết là mình không bị năng, cất tiếng gọi:

– Tính đâu.

Không ai trả lời. Trung quay lại phía sau:

– Thiếu úy, thằng Tính nó đâu rồi?

– Cậu tỉnh chưa?

– Rồi. Tôi muốn biết Tính nó ra sao?

– Thôi nằm xuống đã.

Con tàu bớt máy lên đèn ở ngoài sông, đợi cho mấy chiếc trong cặp xong sẽ vào cặp sau. Trung nhìn lên bờ. Chiếc tiền phong đỉnh của Trung đang cặp tại đò. Người ta đang khiêng từng chiếc giường bố lên bờ. Trung không biết nhân viên của mình còn mất những ai.

Con tàu chở Trung lượn vào phía trong cặp sát dọc vào cầu tàu. Mọi người vẫn tấp nập chuyển những người bị thương lên bến. Trung muốn đứng lên, muốn xem những ai bị chết, bị thương. Trung trở mình, thấy vương vương. À, còn con dao găm đây, Trung liếm môi, thấy môi mình cứng lại và khát nước quá, Trung kêu:

– Ê, cho tao ngụm nước đi.

Mấy người trên chiếc tiểu đình nói:

– Rồi, rồi, để tôi chuyển ông lên bờ đã.

Và họ xúm lại đỡ Trung lên. Trung bảo:

– Cho tao một tí nước thôi, một tí thôi.

– Ủ, một tí thì được.

Đặt môi vào cái ca lạnh trong chỉ có một hớp nước nhỏ. Dòng nước như không chảy vào tới cuống họng đã bốc hết hơi. Nhưng Trung thấy khoan khoái dễ chịu hơn nhiều. Trung nói:

– Làm ơn đưa tao lại cầu tàu đi.

– Làm gì?...

– Thì cứ đưa tao lại đi. Tao muốn nhìn con tàu của tao...

Trung được đặt ngồi trên trụ xi măng có những sợi chèo buộc tàu quần quanh. Trung nhìn lại con tàu của mình. Tháp súng 40 ly cháy xám. Trên sàn tàu tấp nập những người đang hô hoán:

– Bên dưới nâng cao lên. Cao nữa lên...

– Rồi.

– Hãy để tạm trên cầu tàu đã.

Trung nhìn theo. Hai khuôn giường bố vừa được chuyển lên bờ, đặt nằm song song phía đối diện với Trung, trên đó thi thể người chết được quấn tròn trong tấm mền dạ. Trung muốn đứng dậy, đi sang xem đứa nào. Trung đặt chân xuống đất, một cảm giác đau buốt chạy từ chiếc chân bị thương dọc lên nửa thân bên trái. Trung nghiêng răng, hai tay chống về

phía sau, nước sông mắt ứa ra từ mũi.
 Dịu cơn đau, Trung hỏi:

- Có phải thằng Tính nằm đó không?
- Ủ, tao chắc nó chú đứa nào nữa.
- Sao.
- Vì nó nát bầy trong hầm 40.

Trung căn môi và nghĩ đến Tính...
 Tính tắt tả chạy từ cầu tàu xuống, ôm
 theo áo lạnh và mấy cuốn sách... phen
 này ngon, anh nhớ giữ lời hứa nghe...
 Trung bải hoải chân tay. Cái thằng siêng
 năng và dễ thương vậy mà bây giờ nằm
 kia. Mớ tóc lết bết đen thẫm thò ra ở đầu
 mền, cái mớ tóc tổn không biết bao nhiêu
 dầu thơm mỗi chiều thứ bảy. Vậy mà nó
 nằm đó rồi. Con Tư, mình mới nói chơi
 chơi vậy mà cũng trở nên người cao số.
 Trung thấy buồn nản hơn bao giờ. Còn

má Trung, thằng Thú và những bà con lối xóm, chắc sao mà thoát khỏi hòn tên mũi đạn...

Lúc này khoảng cầu trước mặt Trung đã xếp lớp những chiếc giường bố. Cả những người bị thương cũng nằm tạm đây. Thằng nào mặc áo blouson đang ng-hiêng đầu về phía Trung. À, thằng Nụ. Đầu nó bằng trắng như người để tang, Trung gọi:

– Nụ, Nụ à.

Nụ mở đôi mắt trắng bệch nhìn Trung. Lần đầu tiên Trung thấy đôi mắt nó buồn như thế. Trung đếm lại những người nằm đây. Cả thảy là năm mạng, thêm Trung là sáu. Không biết tổng kết toàn thể trận đánh ra sao, nhưng riêng tàu của Trung như thế kể là nặng. Đòi lính của Trung cũng đã nhiều lần đụng

độ, Trung không ngờ mình lại đổ máu chính trên con lạch của quê mình. Trung nhớ lại lúc mình ngã sấp xuống sàn tàu, đạn đi mạnh quá, có lẽ bị tụi nó quạt bằng tiểu liên. Đường đạn thật gần. Trung nhớ còn nhìn thấy đường lửa phát ra từ cụm dứa nước. Chà, cái thằng nào nấp đó kể cũng lì. Và hình như tụi nó tràn cả lên tàu nữa. Láo thật!

Giữa lúc ấy mọi người hô hoán:

– À còn cái chú này nữa. Dính theo khẩu 57. Tác giả đây. Thằng này quạt vô khẩu 40 của Tính đây...

Nghe thấy thế, Trung muốn đứng phắt dậy xem sao. Nhưng cùng lúc đó, người ta khiêng tới phía Trung một chiếc băng-ca.

Trung nhìn rõ nét mặt của tên V.C. bị thương, ánh mắt ấy vừa kinh hãi vừa bàng hoàng và như muốn kêu lên. Toàn thân bỗng mềm sũng mồ hôi toát ra, Trung hét lên, tiếng kêu bàng hoàng, như trong cơn mê sáng:

– Mày, mày hả Thú...

Mọi người xúm lại đỡ Trung và thấy chân anh bật máu rùng rùng, thấm đẫm mấy lần băng. Và tên V.C. sau giây phút kinh hoàng, toàn thân co thắt lại rồi ruỗi ra dần dần, đôi mắt thất thần, lạc đi nhưng vẫn mở trừng trừng trắng dã.

* * *

Trung chống nạng bước những bước ngắn dọc theo hành lang. Những dãy giường trống trơn. Một số bệnh nhân chưa khỏi nhưng cũng đã xin về. Phía dưới đường trẻ con đốt pháo lẹt đẹt. Trung tựa mình vào lan can, qua ngọn là mẹ, nhìn mông về phía đầu vòm. Con nước lớn mênh mông dùng đục. Đò máy qua lại tới tấp. Trung còn nhìn thấy rõ cả những chậu kiểng đỏ tươi để ở các đầu ghe. Tết nhất có khác. Lâu lắm Trung mới lại nhìn thấy cảnh tấp nập như vậy tại quê hương. Trung nắn bóp đùi mình. Thịt lớp teo đi, lớp da non đang hiện ra những màng vẩy khô. Trung tựa nạng vào tường, đứng bằng hai chân, tuy còn yếu nhưng chắc là khá rồi.

Trung trở lại phòng mình. Nhìn tấm lịch có in cảnh chợ hoa tại Sài Gòn, Trung thấy nôn nao buồn. Phải về, nhất

định phải về, Trung nghĩ thế. Trung ngồi xuống mép giường, thu xếp lại vài thứ lặt vặt rồi giở ví ra xem. Tấm hình của gia đình Trung hiện ra sau lớp mi-ca. Tấm hình đã ngả màu vàng. Tấm hình này Trung có gửi về cho má đây. Từ đây về trong không bao xa mà Trung không về được. Không biết má có biết Trung bị thương ở ngay đầu con rạch Cùng hiện điều trị tại đây không. Trung vẫn Hy vọng một buổi nào đó mà bất ngờ tìm tới, mẹ con sẽ tủi tủi mừng mừng. Trung sẽ kể cho má nghe nỗi đau sót của Trung. Trung sẽ hỏi thăm về bà con lối xóm xa gần, về chuyện con Tư, thằng Thứ...

Thằng Thứ, ừ thằng Thứ, không biết phải nó không...

Gió bên ngoài thổi ập cánh cửa, căn phòng tối hẳn lại. Trung nằm dài trên giường. Nếu là nó thì sao nó không la

lên. Thật là quẫn. Thằng ấy sắp chết mà còn là nổi gì...

Trung đi xuống phòng y tá trưởng, năn nỉ cho xem sổ khai tử của bệnh viện. Chẳng có ai tên Thứ cả. Ngay cả sổ khai tử của thương binh V.C., cũng không có ai tên Thứ. Duy chỉ có một người nguyên quán cùng xã với Trung tên là Việt Hùng, khai là đại đội phó, sinh năm 1947, chết ngày 19 tháng 12 năm... Phải rồi, mình bị thương tối ngày 18. Nhưng đứa nào đây, đứa nào lại mang cái tên lạ hoắc vậy cả. Hồi nhỏ khi Trung còn ở dưới đồng, mấy xấp nhỏ khoảng tuổi thằng Thứ có đứa nào mang tên Việt Hùng đâu. Nhưng cứ nhìn khuôn mặt, từ cái mũi quằm quặm, cái miệng dầy, môi dưới hơi thười ra, vầng trán lồi lồi như hai trái bưởi, thì chắc thằng này phải là thằng Thứ. Nhất định phải là thằng Thứ.

Trung đi thăm mộ của Tính của Nụ rồi trở ra. Bên kia là khu dành cho thương binh V.C. bị chết. Trung đi sang khu đó. Thấp thoáng đã có những nén hương cắm trên những nấm mộ. Cỏ mọc um tùm. Khu này mả mới, lác đác một vài nấm mộ có ghim mảnh gỗ đề tên và sinh quán người chết. Trung đi mãi, những nấm đất nối đuôi nhau. Một tấm gỗ ngã sập xuống. Trung phải cực nhọc lắm mới cúi xuống nhặt lên xem được. Nét chữ ghi đã mờ vì bùn đất. Trung lấy móng tay cạo bùn dọc theo nét chữ trên tấm gỗ:

Nguyễn Việt Hùng tức Nguyễn Viết
Thứ sinh năm 1947 chết ngày 19 tháng
12 năm 19...

Trung bàng hoàng cầm mảnh gỗ trong tay, nước mắt chan hòa, lão đảo muốn ngã. Trung ngồi xuống lối đi trên đầu mộ. Nhìn lại mảnh gỗ thâm, ẩm mốc trong tay. Một làn gió bốc lên từ mặt sông thổi vào lưng anh lạnh giá. Trung thấy toàn thân mình nổi gai. Nhìn lớp bùn khô nứt trên mặt mộ, cỏ từ hai bên đang bò lên, Trung đập mạnh mảnh gỗ trên nắm đất khô nứt ấy rồi bật kêu lên:

– Thứ, Thứ...

Tiếng kêu như nổ ra từ cõi sâu thẳm của lòng anh, tan vào tiếng gió, phả vào hàng dừa vọng lại mơ hồ từng hồi: Thứ Thứ... Thứ Thứ...

Trung nghẹn ngào tức tưởi, nước mắt trào ra đầy mặt. Qua màng lệ, Trung nhìn thấy đôi mắt bàng hoàng kinh hãi của Thứ lẫn với khuôn mặt trẻ thơ của

nó khi bắt đầu vỡ da mới lớn... Trung lắc đầu buồn bã. Trung không ngờ cuộc đời lại éo le như vậy.

Nhớ lại trận đánh diễn ra, Trung còn nhìn thấy ụ súng của Tính chìm ngập trong khói lửa xanh lè, khuôn mặt Tính chải chuốt dịu dàng, vẻ tinh nghịch trên đuôi mắt của Nụ, làn đạn quạt ác liệt từ gốc cụm dừa nước và Thú... Tất cả cứ mờ ảo, lẫn lộn hiện ra dưới mắt Trung...

PHAN LẠC TIẾP

ĐÓN ĐỌC

TRỞ VỀ TỪ CÔI CHẾT

của NGUYỄN VŨ

CHỌN LỌC xuất bản Bìa HIẾU ĐỆ –

Giá 80\$

LỜI CHÚC ĐẦU NĂM MẬU THÂN

Thái Tú Hạp

ngày đầu năm anh chúc gì em bây giờ
chúc một năm nhiều súng đạn
chúc một năm nhiều thêm thù hận đau
thương
năm mới chạy giặc lắm than
nước mắt bà mẹ già nua nhỏ trên xác con
đạn còn ghim trong buồng phổi
em bé thơ chết cứng miệng còn ngậm vú
mẹ

và bà mẹ nó cũng đã chết vì mảnh lựu
đạn

tự bao giờ

khi anh nhìn tận mắt những anh em bè
bạn đồng bào ta cháy

đen như củi khô trong ngôi nhà yêu dấu
họ bằng B 40 đó

chết trước bàn thờ tổ tiên phong pháo

vừa mới nổ cười vui

vừa mới sáng mồng một tết

ngày đầu một năm dân mình thường
quan niệm

ngày hạnh phúc nhất cho một tuổi đời

mẹ ngày xưa thường dạy anh

phải nói những lời chúc tụng hiền lành

phải nhìn nhau bằng đôi mắt từ bi
phải nở nụ cười thật phúc đức
và nên bố thí những cử chỉ nhân từ
để cầu cho một năm đầy hoan hỷ
để thằng con trai kháu khỉnh
buôn bán phát tài an khang vạn lợi
nhưng bây giờ anh làm sao nói được
những lời chúc cho một năm
sự thực đau lòng
khi kẻ thù ta vào thành phố
và viên đạn đã xuyên vào trái tim
bắn vỡ từng yêu dấu bắn vỡ từng giây
phút thiêng liêng
bắn vỡ từng niềm tin từng truyền thống
dân tộc

nước mắt đầy cho một năm
anh kể làm sao xiết hết
thôi đi em đừng nhắc chuyện chiến tra-
nh
làm nghèo đói cơ cực
làm khổ đau chia cách
làm chết chóc thê thảm dân mình
những người Việt Nam hiền lành chất
phác
chỉ xin được một năm thái bình
với mẹ cha với ruộng vườn chân thật
với bà con tốt nhất đến nói chuyện làm
ăn gió thuận mưa hòa,
mùa lúa tháng ba nở vàng hạt trĩu kể
chuyện trầu cau phấn nội hương đồng

rủ nhau đi lượm từng mảnh bom về làm
cuốc xẻng

đời ngủ ngon một giấc an lành có phải
thế không em

mộng của ta bình thường như bánh
chưng bánh ổ

như giếng mật đầu làng hoa bưởi đầu
thôn

như khói thổi cơm trên mái lá quê nghèo

như dòng sông mang tình yêu về biển cả

nhưng bây giờ đầu năm anh chúc em gì
đây

nhìn ra nỗi yêu thương tràn ngập

thôi xin quên
và hãy cố gắng nguôi phai
một năm thù hận
đã trôi tan trong khói lửa.

THÁI TÚ HẠP

MỘT MÙA XUÂN ĐẦY MÁU

Nguyễn Mạnh Côn

NHẬT KÝ – KÝ SỰ

Tết Mậu Thân, mồng Hai, buổi trưa

Thế là một sự thật đã biến thành giấc mộng. Tôi nói hoài mà tự mình không tin, rằng có một ngày nào đó, Sài Gòn sẽ bị tấn công. Đến bây giờ cuộc tấn công xảy ra, tôi bàng khuâng không nói được gì, kể cả khoe mình tính đúng.

Sài Gòn bị tấn công, không lạ chút nào. Hôm qua Chú Văn, từ Ban mê Thuật về, cho biết tin Việt Cộng đánh mạnh tới Ba mươi. Tôi gật gù, định nói không có gì đáng kể. Nhưng bất chợt nhớ ra, trong thâm tâm bỗng vùng lên một sự phản kháng mãnh liệt, đầy tin tưởng: – Vô lý! Họ không thể nào tấn công vào một thị trấn có thường dân cư ngụ, ngay giữa đêm Giao thừa. Hơn nữa, họ đã công bố quyết định đơn phương ngưng bắn trong bảy ngày. Họ có thể lừa lọc về quân sự, về chính trị; họ có thể phản bội những lời hứa mà dân chúng không chú ý, không nhớ lâu, không kiểm soát được, ví dụ hứa tự do, dân chủ. Nhưng không đời nào họ dám để dân chúng thấy rõ họ không tôn trọng chữ tín.

Tôi vẫn phục họ giỏi. Từ lâu rồi, tôi thấy dân chúng cứ bị lừa dối, mà cứ tin

tưởng. Tôi nghĩ mãi mới hiểu. Phải rồi, dân chúng thích độc lập lắm, thích dân chủ lắm, nhưng nào có mấy ai để ý xem độc lập và dân chủ là gì, như thế nào? Nhưng dân chúng không bao giờ quên những lời hứa nhỏ, liên hệ đến một người, một nhà, hay một làng là cùng. Hồi tôi còn ở với họ, có lần nơi tôi ở bị quân Pháp đốt cháy hết nhà cửa, giết sạch cả trâu bò. Đồng chí cán bộ từ trên xuống, hứa giúp đỡ. Hứa bao nhiêu cây tre, có đủ bấy nhiêu cây, tre già, khô, thẳng, dùng làm nhà thật tốt. Hứa bao nhiêu ký gạo có đủ bấy nhiêu ký, gạo ngon, giã kỹ, thật sạch sẽ. Đồng bào rất bằng lòng, không ai nhắc mới trước đó một tháng, chính đồng chí ấy về hô hào góp gạo nuôi quân, đã cam kết bộ đội được tiếp tế đầy đủ, sẽ không để cho giặc đặt chân lên đất Vĩnh Yên.

Rồi sau này vào Nam, nghe nói Việt Cộng hứa giết ai sẽ giết người đó cho kỳ được. Tôi không khoái sự giết chóc, nhưng cũng công nhận sự giữ lời hứa của họ có tác dụng tâm lý rất có lợi có lợi cho họ, tất nhiên!

Tôi đã nghĩ ngay rằng sự tin cậy mà họ tạo được trong dân chúng sẽ cho phép họ toan tính đến nhiều việc quan trọng, hoặc, có lý hơn, đến một việc động trời có tính chất quyết định nào đó.

À, thì ra thế! Họ gìn giữ hơn hai mươi năm để hôm nay làm việc động trời và quyết định này đây. Từ sáng đến giờ, nghe tin trong nước, ngoài nước, và tin đài Hà Nội, tôi đã biết đây là một cuộc đại tấn công toàn thể. Đồng bào ngơ ngác không dám tin – Việt Cộng mở mặt trận vào giữa đêm Giao thừa, giữa đêm Nguyên đán. Chắc chắn ai nấy đều có

phần hạm hui. Nhưng nếu họ thắng, sẽ chẳng có ai dám hỏi lại họ về lời hứa bảy ngày ngừng bắn. Những ai thấy mình có bốn phận phù thịnh, sẽ lý luận rằng chỉ có dưới quyền lãnh đạo anh minh, hào hùng, của Hồ Chủ tịch người ta mới có thể chuẩn bị tinh thần dân chúng trong hai mươi năm để dùng trong một giờ.

Như thế, tôi quên cả vị trí của mình, tiếp tục xác nhận rằng họ quả nhiên giỏi thật!

* * *

Mùng Ba Tết, buổi tối

Tôi vừa xuống phố về, mặc dù lệnh giới nghiêm suốt ngày, mặc dù tôi không có giấy tờ gì khác tấm thẻ căn cước có ghi thêm loại máu: A-Rh positif.

Tôi vừa xuống phố về. Đường đông người đi lại, hai bên hè chật người đứng nhìn. Các hiệu buôn đóng cửa. Không khí đúng là không khí ngày Tết. Tôi đạp xe đến giữa cầu Kiệu thì dừng lại, nhập vào bọn những người họp thành tốp như đứng hóng gió mát từ dưới sông đưa lên. Tôi hỏi thăm. Nhiều tiếng cười vui vẻ, có phần nào ngạo nghễ, trả lời. Ôi chao! Bọn này còn lạ gì! Giới nghiêm mấy lần rồi. Đảo chính mấy lần rồi. Các cha đùa dai mỗi ngày một tinh vi hơn.

Tôi ngơ ngác tiến thêm mấy bước. Ô, Việt Cộng tấn công thật mà. Mắt tôi trông thấy họ đi mấy chục xe cam nhông mười tám bánh, biển vàng, số TN. Như thế đã rõ chưa? Hay cần phải nói thêm? Đài Hà Nội hôm qua...

Tôi giật mình và thấy se sắt trong lòng. Thôi, từ biệt đồng bào, tôi đi thẳng

xuống đường Hai Bà Trưng. Một sự kiện rất lạ:: người đi đường vắng hẵn, bắt đầu từ chợ Tân Định. Đi quá đến ngã ba Tự Đức, tôi bị chặn ngay trước mặt bởi một chiến xa lớn, có nhiệm vụ bảo vệ tư dinh của Đại sứ Mỹ. Tôi thông thả đạp xe tới, tay đặt vào thắng, sẵn sàng. Nhưng tôi đi qua, rồi tới ngã tư Phan Đình Phùng, rẽ tay trái, đi ngược chiều Đinh Tiên Hoàng, xuyên một cư xá, qua xóm nhà Nguyễn Đình Toàn để lộn vào đài.

Ngôi nhà quen thuộc với tôi có ngót mười năm không còn mái ngói, không còn cửa sổ. Khói đen trào ra từ những khung hình chữ nhật trống mênh mông. Chiếc xe cứu hỏa đậu phía đầu nhà bên kia. Nhiều vết đạn dưới bậc cửa trước kia là phòng Tổng Giám đốc. Gạch, ngói, mảnh thủy tinh, đầu đạn rải rác trên mặt đường.

Đến ngã tư Nguyễn Bình Khiêm, tôi đi vòng bên ngoài chiếc xe lớn màu đỏ, rồi lấn bừa lên những vụn vỡ, đập tuốt vào hành lang, giữa những chiếc xe bị hấn nát hay bị cháy đen thui. Đến bảy giờ mới có một người lính cầm ngang cây súng trường ra hiệu cho tôi đứng lại.

Thì ra anh Huy Quang được bình yên, đã cùng anh em dọn sang làm việc tạm ở ngay ngôi nhà bên cạnh. Tôi thật mừng, một quả tạ bằng chì được cất ra khỏi dạ dày. Tôi thở ra, dài tưởng không bao giờ hết. Nhưng sự nhẹ nhõm bất thành linh làm cho cả người tôi mất thăng bằng. Hai tay tôi tự nhiên lạnh toát mồ hôi, buông đổ chiếc xe đạp nằm lên đồng than tròn của một cái lốp xe hơi cháy thành than.

Người lính ngạc nhiên hỏi tôi làm sao. Tôi lắc lắc đầu, không trả lời. Giá có thể cười được, tôi sẽ nói tôi chỉ mừng

đấy thôi. Nhưng chắc chắn người lính ấy không tin. Mừng gì! Sợ thì có! Mà có lẽ tôi sợ thật. Vì từ hôm qua, tôi bị ám ảnh bởi một sự sút mẻ thế nào cũng xảy ra trong số anh em, bạn hữu tôi trong đài. Cho nên bây giờ được yên tâm rồi tôi mới kinh hoàng trước – sự tàn phá ngay chung quanh tôi.

Tất cả đều đổ vỡ, chín phần mười đồ vật cháy thành than. Tất cả máy móc bị tiêu hủy. Một số chuyên viên kỹ thuật, túc trực ngay từ tối mồng Một, vừa may mắn vừa nhanh nhẹn thoát tay bọn đặc công hồi nửa đêm, đã bắt đầu làm việc từ trưa mồng Hai. Những bộ phận rời, được cứu thoát ngọn lửa, đã được họ ráp thành một thứ máy phát thanh hạ tần kỳ dị. Căn phòng tắm, ngay trên đầu cầu thang của ngôi nhà mới, được căng vải, che bạt, biến thành phòng vi âm độc đáo

của đài, nơi đọc tin trực tiếp lên làn sóng điện thượng tần.

Và một số khá đông các bạn biên tập viên đã bắt đầu làm việc ngay từ bấy giờ. Mỗi người phải tự lo liệu lấy phương tiện để hoạt động. Tất cả đều thức trắng đêm hôm qua. Không ai kêu đói, nhưng tất cả đều khát nước. Có điều lạ là không ai tỏ vẻ gì xúc động nhiều lắm. Không ai nói to, kể chuyện này chuyện khác như tôi chờ đợi. Rất có thể họ đã bị công việc đuổi theo ngay từ đầu, và chưa có phút nào nghĩ để nghĩ ra mà sợ như tôi.

Rất có thể đúng như vậy. Một chiếc Dauphine trắng được chuẩn bị sẵn bên đường. Nhiều anh em chồng chất lên nhau, lặng lẽ. Xe chạy tới một địa điểm nào đó, để họ được cấp phương tiện đi xa hơn, đến một nơi nào đó, mà họ tiếp tục làm việc suốt ngày đêm. Chung quanh họ

không có phố xá, không có hàng quán. Họ sẽ được tiếp tế bánh mì, để chiêu bằng nước lã. Hầu hết những người bạn tôi đó đều là đồng nghiệp viết văn của tôi. Vào những ngày bình thường, họ là những người đòi nhiều điều kiện hơn cả để làm việc. Nhưng hôm nay họ đã trở thành chiến sĩ, dù có ý muốn ấy hay không.

Sự cố gắng của mọi người thật lớn lao vô hạn. Nhưng hình như ai nấy đều thắc mắc vì một bản tin loan báo anh Hùng, tài xế của đài, làm nội tuyến cho Việt Cộng. Nguồn tin được phối kiểm, không rõ xuất xứ từ đâu. Rất có thể vì quân đội, sau khi chiếm lại đài, thấy một số nhân viên bị kẹt trong đài thì tưởng họ là nội tuyến. Một số nhân viên kỹ thuật biết cách ẩn náu, không bị Việt Cộng tìm thấy, mà sau đó cũng bị giữ ít giờ.

Còn anh Hững, anh đã chết, không tự bào chữa được. Nhưng một bạn trẻ quả quyết với tôi rằng khi bọn Việt Cộng nổ súng, tràn vào đài, tuyệt nhiên không có ai ra đón. Vả lại, nếu được trong đài giúp đỡ, tất nhiên chúng phải tìm thấy ngay nhóm chuyên viên mà chắc chắn chúng đang cần đến. Tôi tin cậy hoàn toàn nơi anh bạn trẻ vì giữa chúng tôi có tình liên hệ rất thân: cách đây mười sáu năm, thân phụ anh chống Việt Cộng, bị bắt và giam với tôi, và sau khi về làng, ông lại cùng với tôi tiếp tục chống Việt Cộng, khiến cả vùng Vĩnh Tường biến thành khu vực thuần túy quốc gia, cho đến khi ông thất cơ, bị chúng phục binh bắn tử thương. Câu chuyện về anh Hững không làm chúng tôi đau nhưng làm chúng tôi buồn. Cũng như việc đài bị chiếm, bị phá, mặc dầu chúng tôi không có nhiệm vụ bảo vệ đài về phương diện quân sự.

Nhiệm vụ của các chuyên viên, trong khi chuẩn bị kháng địch, là làm thế nào cho địch có chiếm được đài cũng không thể xử dụng được làn sóng điện hàng ngày phát thanh tiếng nói quốc gia. Nhiệm vụ đó đã được thể hiện đầy đủ. Tôi biết một cách chắc chắn rằng Việt Cộng có thể chiếm đài, rồi lấy vợ đẻ con, ăn ngủ dầm dề ở đó cả mười năm, cũng không cất lên được tiếng nói của chúng.

Tin điện gửi về cho biết đài Đà Lạt cũng bị chiếm trong sáu giờ đồng hồ, mà địch cũng không làm được gì. Tôi hốt nhiên bật cười khi nhớ đến Hoàng Anh Tuấn, con người nghệ sĩ đến đầu ngón tay. Tuấn thích làm thơ, không thích chính trị, nhưng sau khi nhận làm quản đốc đài Đà Lạt, Tuấn đã nâng đài của anh lên hạng có tinh thần vững chãi nhất, và có nhiều sáng kiến địa phương

hơn cả. Đến bây giờ, Tuấn đã trở thành một chiến sĩ chống Cộng có thành tích.
– Tuấn ơi, đánh nhau đấy có vui không?

Đúng lý ra, hầu hết các đài phát thanh đáng được tuyên dương công trạng. Nhưng dù sao đi nữa, Việt Cộng đã tràn được vào hầu hết các đài. Vào được, ra không được. Những vũng máu loang lổ trên nền gạch gột rửa danh dự chung của chúng tôi. Về lý. Nhưng giá Việt Cộng không vào được vẫn hơn. Vấn đề danh dự ở đây không còn là vấn đề riêng của đài. Đồng bào biết và nghe phát thanh như nghe tiếng nói chung của Nhà Nước. Thành thử đài bị chiếm rồi được lấy lại nhanh chóng, và quân địch không dùng được máy móc trong đài, nhưng đồng bào vẫn có cảm tưởng bàng hoàng, rầu rĩ, y như bản thân mỗi người đã bị một vết thương, tuy được chữa khỏi mà trong

lòng còn mang nhiều dư vị. Nhất là vì ai nấy đều hiểu rằng nếu Sở Kỹ thuật của đài không chuẩn bị chu đáo, Việt Cộng đã dùng làn sóng điện quen thuộc để vận động đồng bào tập hợp, biểu tình, tuần hành, và khởi nghĩa lật đổ chánh phủ, giải tán quốc hội. Hậu quả của sự kiện này, nếu xảy ra, sẽ lớn lao một cách kinh khủng.

Nếu lại đặt vấn đề chiến thuật của tổng công kích thì rõ ràng Việt Cộng đã đặt công tác chiếm đài và xử dụng làn sóng vào hàng công tác chính yếu, quyết định. Thế mà họ để cho công tác ấy thất bại giữa đường vì chiếm được đài mới là đi được đoạn nửa đường phía trước. Hình như cổ nhân có câu “việc làm xong 99 phần trăm mới là xong một nửa”. Việt Cộng tỏ ra yếu kém, sơ hở một cách không ngờ. Sáng hôm nay tôi nghe nói họ

có nhiều đơn vị cấp trung đoàn chờ sẵn chung quanh thủ đô, và nhiều đơn vị cấp sư đoàn chờ sẵn bên kia sông Bến Hải. Không hiểu vì sao các đơn vị đó không lâm trận ngay lúc đầu, để lợi dụng cái ưu thế tuyệt đối của một trận công kích bất ngờ. Nhiều người có những ý nghĩ khác nhau về việc này.

Riêng phần tôi, có lẽ vì tôi được vinh hạnh là nhân viên của Cục Vô tuyến Truyền thanh, nên tôi có ý nghĩ hết sức chủ quan là tất cả các đơn vị đó đã chờ đợi một hiệu lệnh sẽ được ban ra trên làn sóng điện của đài Sài-gòn, mà rồi hiệu lệnh không tới, nên các chỉ huy của Việt Cộng đã án binh bất động.

Tôi biết có nhiều người không đồng ý với tôi, vì họ cho rằng sau khi chờ đợi hồi lâu không thấy, những cấp bộ chỉ huy cấp tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn có

thể có những quyết định nào đó mà họ cho là đúng đắn. Họ sẽ tiến quân, hoặc rút quân, chứ không đời nào chịu ở yên đến sáng, để đến nỗi bị lộ hình tích và bị tấn công như từ hôm qua đến bây giờ.

Tôi xác nhận sự suy nghĩ như thế là hợp lý. Nhưng, theo tôi, nó không đúng – không còn đúng – với các đơn vị Việt Cộng nữa. Vì lực lượng cộng sản năm 68 không còn là lực lượng kháng chiến năm 46–59. Sự khác biệt tuy trừu tượng nhưng chắc không sai. Từ 1946 đến 1950, lực lượng kháng chiến còn ô hợp, về vũ khí cũng như về nhân sự. Mỗi người lính có thể mang một kiểu súng, mỗi kiểu súng một loại đạn, thành ra có người có đủ đạn, có người có thừa, nhưng có người chỉ có năm, mười viên. Về nhân sự thì có cấp chỉ huy vốn đi bán bánh mì, có người là sinh viên, có người xuất thân trộm

cướp. Nên kỷ luật ban đầu thật lỏng lẻo, và khi lâm trận, người ta trông cậy vào sự khôn ngoan, tháo vát của bản thân hơn vào tài năng, kinh nghiệm của cấp chỉ huy. Đến như vậy thì còn nói gì đến kế hoạch của trung ương mà một mệnh lệnh hỏa tốc, do liên lạc viên đi bộ trao tay, có khi phải mất ba ngày mới vượt được năm mươi cây số, đến với người nhận. Vào trường hợp này, bất cứ đơn vị trưởng nào cũng lo liệu lấy mọi kế hoạch tấn công, phòng thủ, với điều kiện độc nhất là tôn trọng đường lối chiến lược chung của bộ Tổng Tư lệnh. Ví dụ trong giai đoạn Một thì một mục từ chối chiến đấu, luôn luôn áp dụng khẩu hiệu “rút lui để bảo toàn chủ lực”. Đến khi giai đoạn Hai, giai đoạn cầm cự, bị đốt cháy, để tiến sang Chuẩn bị Tổng phản công, thì các đơn vị trưởng đã được phép chấp nhận đương đầu với địch, mỗi khi nắm

vững các điều kiện chiến thắng: quân số đông gấp nhiều lần quân số địch, biết rõ địa hình, được dân chúng hỗ trợ, và nắm được yếu tố bất ngờ.

Bốn điều kiện chiến thắng trên đây muôn đời không thay đổi. Hiện lúc này, chắc chắn Việt Cộng vẫn phải thu thập đủ bốn điều kiện ấy mới có thể mở cuộc tấn công, trừ phi có những yếu tố mới, bắt buộc chúng phải đánh, khi chưa nắm được điều kiện quyết thắng. Nhưng tôi đã đi ra ngoài đề.

Tôi đang nói đến tính chất ô hợp của quân đội kháng chiến. Ô hợp về vũ khí, về quá khứ của nhân sự. Nhưng chính tính chất ô hợp này, và sự lỏng lẻo, chậm chạp, của hệ thống truyền tin, khiến cho mỗi đơn vị muốn tồn tại phải có một tinh thần độc lập rất cao, và mỗi cá nhân

muốn tồn tại phải có một ý chí anh hùng rất mạnh.

Đó là những điều kiện không thể tồn tại được trong một quân đội lớn và hiện đại hóa. Tôi không nói, chắc mọi người cũng thừa biết điều kiện sinh tử của một đạo quân chính quy có tới mấy trăm ngàn binh sĩ trở lên, là kỷ luật. Quân đội càng lớn, mặt trận càng rộng, kỷ luật càng cần phải chặt chẽ. Quân đội nào cũng thế cả.

Duy quân đội cộng sản còn cần có một kỷ luật chặt chẽ hơn nhiều. Vì, trước hết, Cộng sản đang theo đuổi một cuộc chiến tranh không phải là kháng chiến. Quân đội cộng sản đã trở thành một thứ quân đội viễn chinh. Đã thế, quân nhân không do tình nguyện một cách hoàn toàn tự do, mà bị ép buộc, hoặc bằng luật pháp, hoặc bằng chính trị. Đối với những

người dân, mà bản tính tự nhiên là muốn được sống một cách yên ổn, cộng sản cần phải có một kỷ luật tinh thần, bên trên kỷ luật quân sự. Đối với các quân nhân có nhiệm vụ chiến đấu tại miền Nam, cộng sản không những cần mỗi đơn vị phải thi hành kế hoạch của thượng cấp một cách triệt để, mà cả đến binh sĩ – trong đó có các cấp chỉ huy – phải nhắm mắt tuân lệnh cấp trên một cách máy móc. Mỗi khi làm trận, cộng sản nghiên cứu sa bàn thật tỉ mỉ, rồi thiết lập kế hoạch thật chu đáo – một kế hoạch công đồn có thể dài đến mười trang đánh máy! – mà các cán bộ phụ trách đơn vị phải học thuộc lòng. Nhờ kế hoạch chu đáo như thế nên, thường thường, người ta thấy quân đội Việt Cộng tiến thoái rất nhịp nhàng trong cơn lửa đạn.

Nhưng cái huy chương nào cũng có cái mặt trái của nó. Ngay từ cách đây mười sáu năm, vào cuối năm 1951, nhân dịp chiến dịch Lê Hồng Phong được phát động ở Vĩnh Yên, người ta đã thấy chế độ “kỷ luật sắt” được áp dụng, khiến cho một tiểu đoàn quân kháng chiến bị tiêu diệt bởi bom napalm, khi loại bom này được sử dụng lần đầu tiên ở Việt Nam và, do đó, không được tiên liệu trong kế hoạch². Cũng như thế trong trận Xóm Phèo (Hòa Bình), và cũng như thế trong trận Plei-meì mới cách đây hơn một năm. Cả một trung đoàn địch rút sang Cam Bốt, đường rút qua rừng có hàng trăm, nhưng “cắm nang” đã định sẵn rằng nếu cần rút, thì rút qua ngã Chu-Prong. Cắm nang bị tiết lộ, máy bay B.52 đã ném bom tiêu diệt cả một tiểu đoàn

2 L.T.S. Nếu muốn biết rõ chi tiết về trận đánh này, các bạn đọc có thể xem bài – Chính sách cắm nang của các cố vấn, cùng một tác giả, đăng trong số 16 nguyệt san Chỉ Đạo.

rồi, nhưng các tiểu đoàn sau không chịu rẽ sang ngã khác, nhất định cứ rút qua địa ngục, cho đến khi bị tiêu diệt kỳ hết mới thôi.

Đó là nói về kỷ luật tác chiến, còn kỷ luật tinh thần đối với cá nhân mỗi chiến binh cộng sản cũng có những nguy hại của nó. Khác hẳn các chiến sĩ kháng chiến, ở Điện biên phủ chẳng hạn, mà mỗi người là một anh hùng, một anh hùng đầy tinh khôn và sáng kiến, mỗi chiến binh cộng sản đã trở thành một răng cửa vô danh trong một guồng máy một thứ dụng cụ-người. Cộng sản đã tiêu diệt cái khí thế dũng lược nhưng hào hoa, với một tí nào bướng bỉnh ngang tàng, bằng một thứ phản ứng theo điều kiện. Tại những chiến trường mà họ chọn lựa, Cộng sản tương đối dễ dàng làm cho cán binh của họ tin chắc, như đinh đóng cột,

rằng quân đội cộng sản tài giỏi, quân đội quốc gia yếu kém v.v... Khi tung một nghìn người ra đánh một trăm người, có thể nói cấp chỉ huy nào cũng có thể làm cho đơn vị của họ có tinh thần quyết tử.

Nhưng các điều kiện đã khác hẳn, nếu không phải là trái hẳn, khi cộng sản xua quân tấn công vào thủ đô và hơn ba mươi tỉnh nhỏ. Tôi chưa được biết rõ những gì xảy ra ở nơi khác, nhưng riêng ở Sài Gòn, và căn cứ vào mấy trận đánh Đài Phát thanh, dinh Độc lập, bộ Tư lệnh Hải quân và trường bay Tân sơn Nhứt, thì trong bốn điều kiện tất thắng, cộng sản thiếu hẳn mất hai: quân số không tràn ngập, địa hình không được nắm vững. Như vậy, trên nguyên tắc chỉ đạo chiến tranh, cộng sản đã không nắm chắc phần thắng mà vẫn mở cuộc tấn công.

Hai điều kiện còn lại cũng không được khai thác đúng mức. Động cơ chính, để vận động dân chúng tham dự vào phe họ là đài phát thanh thì chúng không sử dụng được đài. Điều kiện tốt nhất, đồng thời có tầm quan trọng sinh tử đối với chúng, là lợi dụng lời tuyên bố ngưng hãn bảy ngày (về phần họ không có sự tuyên bố bãi bỏ lệnh hưu chiến), lợi dụng yếu tố bất ngờ hoàn toàn về phía quốc gia, điều kiện này cũng không được khai thác đúng mức. Vì, theo tôi biết một cách rõ ràng, ngoài số quân công kích (đặc công và xung kích) vào một số cơ sở, cộng sản còn có nhiều đơn vị không rõ quân số ở cuối đường Võ di Nguy – Phú nhuận, cách nhà tôi không xa –, ở cuối đường Nguyễn Huệ (Gia Định), ở khu vận động trường Cộng Hòa, ở khu phố Sư Vạn Hạnh. Số quân đó ở suốt từ

hôm qua đến tận bây giờ mà không hoạt động gì.

Tôi đồng ý tôi có thể bị chặn đánh và làm cho cả trung đội bị tiêu diệt, nhưng tôi đã nói đó chính là cái tinh thần ngang tàng, hào hoa, và vô kỷ luật, và anh hùng-cá nhân, của những người kháng chiến.

Và ngược lại bởi vì họ ở yên mà mỗi phút ở yên là một phút giảm bớt hiệu lực của yếu tố bất ngờ – nên tôi mới dám nói những người cộng sản đang lâm vào một hoàn cảnh mà kế hoạch của họ không tiên liệu.

Cũng chính vì họ ở yên nên tôi dám quả quyết với anh Huy Quang rằng thế nào cộng sản cũng thất bại, mặc dù số quân chờ sẵn bên ngoài còn bao nhiêu

cứ tạm cho là còn một trăm ngàn đi! – chúng vẫn nhất định phải thất bại. Bởi một lẽ giản dị là lý luận, khi nào đủ yếu tố và yếu tố đủ minh bạch, lý luận đã cất tiếng nói, thì tiếng nói ấy không thể nào sai được. Không lợi dụng được yếu tố bất ngờ, không khai thác được phong trào dân chúng, không nắm vững địa hình, quân số không tràn ngập trong giây phút đầu tiên... không thể nào tưởng tượng được rằng cộng sản quên, mà phải kết luận chắc nịch rằng họ đã cố gắng hết mình mà không được!

Ngày 3 tháng 2, 1968

Trong bốn ngày hôm nay có lẽ tôi đã sống một thời gian dài bằng cả cuộc đời tôi từ trước đến năm nay, tôi chỉ còn một năm nữa là trải qua một nửa thế kỷ. Tôi

đã ngạc nhiên, thương xót, kinh sợ, kính phục như hơn bất cứ trong hoàn cảnh nào khác.

Ngạc nhiên về khả năng tác chiến tồi tệ của bộ đội cộng sản. Tôi thiết tưởng có thể nói không có bộ đội nào trên thế giới được võ trang một cách hùng hậu hơn: mỗi tiểu đội mười người, có tới hai phóng hỏa tiễn và tám súng K hay AK; nghĩa là có hai trọng pháo có sức công phá cực mạnh, và tám liên thanh để bảo vệ hai trọng pháo ấy. Và hơn nữa, các loại vũ khí đều nhẹ, ngắn, dễ sử dụng. Thật là những vũ khí lý tưởng cho một cuộc chiến đấu trong thành phố.

Thế mà, với hỏa lực mạnh đến như vậy, binh sĩ cộng sản đã để cho quân đội VNCH tiêu diệt gọn từng đơn vị một. Con số tử thương của chúng vượt xa mọi sự tính toán, chờ đợi, tưởng tượng

hay hy vọng của tôi. Nhiều bản tin, do tôi đích thân phối kiểm, cho biết trong số binh sĩ cộng sản có nhiều thiếu niên mười lăm, mười sáu tuổi, hết sức thiếu thốn kinh nghiệm tác chiến, hết sức thiếu thốn tinh thần tháo vát khi lạc khỏi đội ngũ. Xét như vậy, tôi đã đi đến kết luận rằng các đơn vị đánh vào thủ đô tất nhiên phải được chọn giữa những đơn vị thiện chiến hơn chỉ có một số nào đó chiến binh đứng tuổi và từng trải, có cả nhiệm vụ vừa chiến đấu vừa huấn luyện và kìm giữ một số nào đó tân binh nghĩa vụ quân sự.

Kết luận này của tôi lại xác nhận giả thiết tôi đã nêu trong một đoạn trên là tình thế chưa cho phép – tình thế chưa chín mùi, theo lối nói của cộng sản – nhưng có những yếu tố đặc biệt bắt buộc họ phải mở cuộc tổng công kích. Những

yếu tố đó là gì, tôi chưa thể biết được, nhưng tôi nghĩ rất có thể những cuộc hành quân lớn của quân đội VNCH và Đồng minh, cùng những cuộc ném bom liên tiếp xuống hai miền Nam, Bắc, đã có những tác dụng mạnh hơn nhiều người chờ đợi. Tôi nhớ trong vòng một năm nay, có nhiều lần các cấp chỉ huy trung ương trong chính phủ miền Nam tuyên bố “ta sắp thắng, địch sắp thua”. Tôi vẫn tưởng đó là những lời tuyên bố nhằm mục đích nâng cao tinh thần quân, dân ta. Nhưng bây giờ nghĩ lại, tôi mới tỉnh ngộ rất có thể các cấp bộ chỉ huy ấy đã được báo cáo rõ rệt về địch tình, và biết trước cộng sản không thể chịu đựng lâu hơn những thiệt hại quá nặng nề.

Nếu sự nhận định của tôi là đúng thì quả thật cộng sản đã bị bắt buộc phải lợi dụng ngày Tết Nguyên đán, như cơ hội

mỗi năm chỉ là một lần, để mở cuộc tấn công toàn diện. Vào trường hợp này, các lãnh tụ cộng sản quả thật đã mắc hõm cuộc tuyên truyền của chính họ – như một nhân vật nào đó đã nói trên đài BBC – và sở dĩ họ dám liều mở một chiến dịch mà họ không nắm vững phần quyết thắng về quân sự, ấy là vì họ đã tin chắc vào cảm tình sâu xa, và sự tiếp đón nồng nhiệt, mà đồng bào ta, trong thủ đô cũng như ở các tỉnh lỵ, sẽ dành cho bộ đội của họ.

Tin tưởng của các lãnh tụ cộng sản đã bị chứng minh là hoàn toàn sai lầm. Lẽ tất nhiên tôi không ngại thơ đến độ tin tưởng ngược lại rằng toàn thể đồng bào miền Nam đã hoàn toàn có ý thức chống Cộng. Nhưng tôi nghĩ công cuộc tuyên truyền của các chính phủ liên tiếp trong Nam, và sự vận động thành tâm

của những người văn, nghệ sĩ tự do, đã thâu lượm được một kết quả không nhỏ. Một số nào đó đồng bào trí thức, tiểu tư sản, đã thấu đáo được sự thật là bất cứ một con người bình thường nào cũng không thể sống với cộng sản mà có được hạnh phúc. Thái độ của số đồng bào này có ảnh hưởng quan trọng đến tâm lý của số đồng bào có mức sống thấp hơn. Đó là một lẽ.

Nhưng còn một lẽ khác rất nặng đồng cân là, không khác gì các lãnh tụ của chúng, bộ đội cộng sản đã trở thành nạn nhân của một guồng máy tuyên truyền xảo diệu: từ hai chục năm nay, nói cho đúng là từ năm 1951, Cộng sản cố gắng làm cho toàn thể đồng bào ta tin tưởng rằng quân đội của họ là một quân đội không những bách chiến bách thắng, mà còn say mê chiến đấu, coi chiến tra-

nh không phải như một bốn phận chống ngoại xâm, mà như một lý tưởng cao cả, một nghệ thuật tuyệt vời. Đồng bào ta, do đó, đi đến một nhận định rất tự nhiên rằng những người cộng sản, và quân đội của họ, đều là những phần tử hiếu chiến, đa sát, lấy sự đổ máu làm vinh dự, và vui thích, và coi sự căm thù và tàn sát đối phương như một bản tính tự nhiên của chung nhân loại.

Đó là nguyên nhân chính khiến cho đồng bào ta, khi thấy bộ đội cộng sản, là tìm đường lẩn tránh, không kịp nghe những lời đường mật ngọt ngào của chúng. Sự kinh sợ của đồng bào khác hẳn sự tính toán và đề phòng chiến cuộc lan tới địa phương. Và chính sự kinh sợ ấy, kèm theo một thái độ bất hợp tác rõ rệt, đã khiến cho một số đơn vị cộng sản bỏ rơi tất cả mọi điều giáo lệnh nhằm

mục đích mua chuộc lòng dân, và phát sinh phần khích khi bị tấn công, đến độ tưới dầu xăng lên nhà của đồng bào mà đốt.

Tôi bình sinh chưa phải mục kích cảnh tượng nào vừa đau xót, vừa kinh hoàng như mấy đám cháy hôm kia, hôm qua, ở khu vực đông dân cư nằm giữa hai trung tâm Sài Gòn, Chợ Lớn. Tôi đã trông thấy tận mắt một người lính “nón đồng” bị bắn ngã từ cây thang chữa lửa của ông ta – tôi viết « ông » vì đó là một người khá đúng tuổi xuống vỉa hè nóng bỏng. Tôi cắn môi ứa máu, không biết phải nghĩ gì, phải nói gì.

(Kỳ sau đăng tiếp)

NGUYỄN MẠNH CÔN

**NỖI ĐAU THƯƠNG CỦA
NGƯỜI THIẾU PHỤ TRẺ**

Nguyễn Lệ Tuấn

vợ anh ngồi khóc

đôi môi còn nhớ đến chiếc hôn

đôi mắt còn nhớ đến nụ cười

khung cửa màu xanh còn nhớ đến những
chiếc

lá rơi

rất buồn thảm khi bóng chiều đã xế

khi tiếng nói chỉ là kỷ niệm

trong bàn tay đứa bé tìm cha

trong bàn tay người vợ tìm chồng

trong bàn tay người mẹ tìm con

“sao anh không ẵm con dỗ cho nó ăn

“sao anh không tắm rửa con và ru nó ngủ

“sao anh không dẫn con đi chơi và kể lể
nó nghe?”

mỗi sáng

anh ngủ dậy thật trưa và huýt sáo trong
sân

mỗi chiều

anh nấu với hạt cơm và lau chùi nòng
súng

theo anh em trở lại đầu cầu
mỗi đêm, anh thường canh gác
và anh thường nghĩ vẩn vơ tâm sự
bao giờ cũng thế
mỗi sáng, mỗi chiều và mỗi tối

vợ anh ngồi khóc
đứa bé khóc theo mẹ nơi góc nhà
trên bàn thờ cây nhang chưa đốt
mà khói vẫn nghi ngút
áo tang chưa mặc
mà nước mắt chảy lưng tròng
bao giờ cũng thế

mỗi sáng, mỗi chiều và mỗi tối...

chỉ còn là kỷ niệm.

NGUYỄN LÊ TUÂN

NHẬT KÝ HÀNH QUÂN

Trần Hoài Thư

NGÀY N-1

1200 H. Vừa lên đỉnh đồi, chưa kịp thở lại nghe người trung sĩ báo tin cắm trại. Lại hành quân. Lại ba-lô. Lại súng đạn. Vừa đi, vừa chửi thề. Hôm qua, mới đi ruồng mấy làng, chạy trốn chết. Bây giờ lại đi. Đỉnh đồi vào những ngày hôm nay, đã hứng nhiều gió. Nhất là buổi tối, gió lạnh vô cùng. Gió rít qua khe cửa;

gió đập vào mái tôn, tạo nên một âm thanh u oán như những tiếng ma Hời ở những ngọn tháp Chàm bên cạnh. Buổi trưa, bầu trời vẫn vũ, buổi chiều, lại có một trận mưa. Như trưa hôm nay, bầu trời chỉ là một màu xám trắng. Nhìn lên bầu trời, bỗng nhớ đến quê hương, nhớ cái lạnh dịu dàng và những hạt bắp rang âm ỉm.

Gặp người sĩ quan bạn, anh ta bảo: Hành quân kỳ này chắc mệt lắm. Mục tiêu là một ngôi làng nằm ven con suối. Chỗ đó, lần trước, Đại Hàn vào bị đụng, tổn thất cũng nhiều. Anh bảo: Hôm nay, S. trực, tập hợp đại đội lúc 1 giờ 30 trưa, kiểm soát đạn dược. Mình gặt đầu. Vào phòng, có ý kiến một giấc ngủ trưa vội vàng, nhưng lại bâng khuâng. Bao giờ cũng vậy, cứ mỗi lần lên đường là mỗi lần suy nghĩ vẩn vơ. Nhớ cha, nhớ mẹ,

nhớ cháu và nhớ một người con gái. Quỳnh. Phải viết cho nàng một lá thư. Đã sáu năm câm nín rồi. Biết sẽ không khi nào hai đứa sống chung nhau vì lẽ thành kiến gia đình. Ông bố cũng viết thư nói vậy, và giục cưới vợ, để ông có một đứa cháu. Ông khuyên đừng chờ đợi làm gì nữa để càng khổ thân. Ba làm sao hiểu được tim của con. Thôi đừng nghĩ ngợi nữa. Để tránh những nỗi ưu tư, trở dậy, sửa soạn mấy bộ áo quần, và lấy bản đồ nghiên cứu mục tiêu. Tìm gì trên đó nhỉ? Một ngôi làng, một con suối, một con đường mòn. Cứ dắt quân đến đó, rồi nghe lệnh. Đại bàng bảo xung phong thì xung phong, bảo rút lui thì rút lui. Bảo tiến thì tiến. Bảo lùi thì lùi. Đời nhà binh thì như vậy. Trông mong đất nước hòa bình, rồi về, rồi sống an nhàn cho khỏe thân.

Mấy người trung sĩ tổ trưởng vào phòng hỏi thăm tin tức. Một thằng uống rượu say, vào nói Batman xuất hiện. Ta là Batman. Nói lại kéo mình đi nhậu. Bao giờ cũng vậy. Mỗi lần đi, là mỗi lần bọn nó say. Tại sao mình không say? Tại sao mình không tìm quên lãng trong chất men nồng cháy đó. Tại sao mình không bỏ đi những nỗi bâng khuâng như một đám mây mù nặng trĩu. Ở ngoài sân, lính đã lên nhiều. Tiếng hét la từ câu lạc bộ vẳng đến. Tiếng hỏi thăm từ mấy cửa miệng xôn xao như một đàn ong. Ngọn đôi bỗng trở nên náo loạn. Hai ngọn tháp vẫn buồn rầu nhìn về bờ biển, như mắt người mẹ trông mong đàn con từ xa vẳng. Cũng như mình, đang đứng ở đây, nhìn về bãi biển. Chiều chủ nhật, Quỳnh ở đó với bạn bè, với niềm vui của tuổi con gái. Mình ở đây, chốc nữa, lại đi, chẳng biết thế nào.

1800 H: Trung đội đã qua sông bằng thuyền máy. Nước chảy thật mạnh. Mình buộc lại khăn choàng màu đen, màu dành cho thám kích. Gió buổi chiều thổi thật lạnh. Con sông nước màu bùn đục, chảy về nơi nào hay chảy về quê hương, mang theo những ưu tư của kẻ cầm súng ngồi trên thuyền. Bầu trời thật nặng. Có lẽ đến tối sẽ có mưa. Mình hút điếu thuốc, điếu thuốc cuối cùng, để cả đêm sẽ không hút nữa.

Lên bờ gặp một thằng bạn cùng khóa. Nó hỏi có biết tin Lâm Chương hay không? Mình nói, mình vừa nhận được thư của hắn. Hiện hắn đang hành quân ở Vàm Cỏ Đông. Hắn than khổ quá trời. Hai đứa nhìn về con sông. Mình bỗng bùi ngùi. Hôm kia, về trường sư phạm, mượn được quyển báo Bộ binh Thủ Đức. Dở ra, lại thấy một tin phân ưu về một

người bạn làm thơ quen trong trường, tử trận ở Quảng Ngãi Muốn khóc. Thời buổi này sợ không có nước mắt để mà khóc. Nhiều người nói mình bi quan. Đến bây giờ mình chẳng biết bi quan hay không. Trời đã vào hoàng hôn. Mưa đã bắt đầu đổ. Có lệnh dừng quân ăn cơm, chờ 12 giờ đêm khởi hành.

Bây giờ mới chợt nghĩ ra, là mình chưa cột dây vào kính cận. Đi đánh giặc, mất kính này coi như đi đời nhà ma. Lúc đó, chẳng thấy đâu mà mò. Năm độ chớ ít a. Hèn gì, bọn nó cứ đặt danh hiệu là chuẩn úy cận.

Vào nhà gần đó, xin sợi nhợ buộc vào đôi kính, mới thấy vững tâm nhưng sợ trời mưa, nước mưa làm nhòe mặt kính thì cũng chết. Nhớ một lần vào động, con điếm lấy kính giấu. Lúc đó, chẳng làm ăn gì được cả. Chỉ van: anh

van em, đừng giấu kính của anh. Lương anh nghèo lắm, sao mà dư tiền mua nổi. Tiếng thằng hiệu thính viên hét trong ống nói đến nhức óc. Bây giờ thì nhức óc thật sự. Xin thằng y tá trung đội một viên thuốc cảm. Lại nhớ đến Quỳnh. Chẳng biết khi mình ngồi đợi như thế này, đi lo cho mình, ai thấp nhang cầu nguyện giùm mình. Hay là những đứa học trò mình dạy, hay là những thằng bạn bây giờ cao học, hay tốt nghiệp với một văn bằng để kiếm vợ nhất, hay Quỳnh? hay ba mình? Chắc chắn là ông rồi. Ông vừa viết thư, bảo đêm nào cũng thấp nhang để cầu nguyện. Bây giờ ông đau và có lẽ là lá thư cuối của ông gửi cho mình. Muốn xin phép về thăm, nhưng làm sao về được. Mới ra trường chưa được ba tháng, ai mà cho?

NGÀY N

Trung đội mình không may đi đầu. Bây giờ là một giờ sáng. Sau trận mưa, đường đê trơn như mỡ. Vừa đi vừa run. Mục tiêu cách đây ít nhất 5, 6 cây số. Đoàn quân như một đoàn quân ma, mập mờ trong đêm. Bây giờ, mình đã cảm thấy cảm thực sự. Vừa đi vừa nháy mũi. Vừa nháy mũi vừa bịt khăn, sợ tiếng động. May mà mang áo ấm, nếu không có lẽ sẽ nằm giữa đường. Trời lại mưa, đường đê nhỏ bằng hai gang tay, lại trơn, nên vừa đi vừa trượt chân té. Lính cười khúc khích đằng sau, lại chửi thề. Qua một ngôi làng, chó sủa dữ quá. Trời tối như mực, mình chẳng biết hôm nay là ngày mấy. Có lẽ mồng hai. Hôm qua, xuống thành phố, gặp người bạn mời ăn chay, mình mới biết là mồng một. Từ hồi đi lính đến giờ mình có biết ăn chay là

thế nào. Nhớ đến mẹ. Bà ăn chay một tháng tám ngày. Những đĩa rau luộc, những thìa cháo trắng, những chén mè thơm phưng phức, và những đêm bà khóc trước bàn thờ. Quê hương mình là thế đó. Đêm nay, chẳng biết bà có thắp nhang mà khóc trước bàn thờ hay không?

Bầu trời đêm nay không một vì sao. Tiếng đại bàng ra lệnh dừng quân, và gọi mình lên dọn dò gì trên ấy. Một ông đề-lô đang gọi máy C.10 về đơn vị, cho biết những tọa độ phải bắn. Tiếng ông ta đều đều và thật quen thuộc. Đại bàng đang nói chuyện với thằng dẫn đường. Hắn là thanh niên chiến đấu, lúc trước ở làng này, bị đánh, mới trốn về ít bữa. Đại bàng dặn. Đại bàng ra lệnh. Lại đi. Có lẽ bây giờ là 3 giờ sáng.

Mùa này trời mưa nên cánh đồng đã ngập nước. Đứng giữa chẳng biết đường nào mà mò. Chỉ là lau sậy và nước. Vừa đi vừa dò dẫm, vô phúc thì rơi nhâm hố, lúc đó có nước la làng. Vừa đánh răng cầm cặp, vừa đi. Thôi cứ đi ầu, nước ngập tới bụng, có khi tới ngực, có khi tới cổ. Quỳnh ơi, anh đang bơi trong bể nước, đang tắm trong cái khổ của quê hương, của những dòng lệ mẹ cha và của Quỳnh, anh đang tìm một ngọn đèn soi đường. Thằng Căn đó. Nó hướng dẫn anh đó. Mình té, lính té. Thi nhau té, thi nhau cầm tay kéo lên, thi nhau cười khúc khích. Đằng sau, cứ bảo chuẩn úy té, kéo lên bây. Ba-lô đã ướt hết. Mình run run bảo Căn, mây dẫn đường cho khéo, kéo chết đuối. Nó than: bây giờ, nước lụt, làm sao em tìm ra đường. Nó đứng giữa nước, nhìn trời, nhìn đất.

Mình cũng nhìn. Nhìn gì đây nhỉ? Một vì sao Hôm, cũng chẳng có. Trước mặt chỉ là những khóm tre lơ mờ in trong màn đêm. Một trái hỏa châu vụt tỏa ánh sáng giữa màn đêm sâu thẳm. Mình la: cúi xuống! cúi xuống! Mấy thằng lính khom lưng xuống mặt nước. Một vài thằng còn đứng ngẩn người nhìn. Căn bảo, giọng còn run run: thiếu úy đi trước, em đi sau, em chỉ đường cho. Nó sợ rồi. Lính cũng sợ rồi. Mình cũng sợ rồi. Tiếng đại bàng ra lệnh trong máy C.10, giục đi, mình bảo thằng lính tổ tiên sát đi đầu. Nó nhìn xuống mặt nước loang loáng ánh hỏa châu, ngẩn ngừ. Đến nước này, mình chỉ có nước là nhảy xuống trước, liều, rồi ra chi thì ra. Lính cũng lội theo. Căn bây giờ run thật sự. Hắn quên đường rồi. Đại bàng lại giục. Mình bảo hiệu trưởng viên nói trong máy: thằng

hướng dẫn đã quên đường, chờ chỉ thị. Đại bàng ra lệnh theo phương giác 6400 mà đi. Lại lội, lại té, lại run. Lạnh quá rồi. Mục tiêu chẳng biết đến chưa. Qua những chỗ sinh, rút đôi giày mà muốn khóc. Ánh sáng hỏa châu ở đằng xa cứ tiếp tục dọi. Mình nhìn được gương mặt của một thằng lính người Thượng. Nó vừa run, vừa nhìn về phía hỏa châu. Giữa cỗi đêm hun hút này, chỉ nghe tiếng côn trùng và tiếng nước bì bõm. Đoàn quân đứng dài dưới ruộng nước thật âm thầm như bóng ma trôi. Mình thì cầm địa bàn tìm hướng. Hướng cuộc đời mình ở đó, hướng quê hương mình ở đó. Chốc nữa, sáng mai hay một ngày nào đó mình có còn nhận được hướng đó được không. Nước đã làm nhòe cặp kính trắng. Mình phải lau hai ba lần và giữ cho khỏi ướt. Chuẩn úy cận... chuẩn úy cận.... tiếng nói

pha trò của mấy thằng bạn vắng bên tai. Mắt mình bắt đầu cay. Và mình té ngay xuống vực nước, sau khi hụt chân xuống bờ ruộng.

Căn cứ bảo: thiếu úy đi đầu, em đi sau chỉ đường. Còn một cây số nữa. Đại bàng hỏi tới con đường mòn chưa? Căn than nước ngập hết rồi làm sao biết mà tìm. Lại đi ầu, qua cái chùa. Căn bảo, ở đây, lúc trước Đại Hàn với mình bị luôn. Bọn nó núp trong đình chùa, dùng đại liên quạt như mưa. Tiếng lợi bì bõm càng rõ dần. Mình càng sờn tóc gáy. Bọn nó mà biết được, thì có nước chết. Mỗi bước chân lê là mỗi sự sợ hãi. Giờ G chẳng biết khởi sự lúc nào đây. Bây giờ chỉ còn chờ tiếng súng.

Như một sự mâu nhiệm, chẳng có một tiếng súng nào. Hay tại đêm tối. Hay

mấy cậu cảnh giới (gác) ngủ. Hay trời phật phù hộ. Căn vừa run, vừa nói: em sợ quá, thiếu úy. Em sợ quá. Tiếng bì bõm của hơn một trăm người trong ruộng nước vang lên từng nhịp đến nghẹt thở. Lúc này chỉ có nước chạy. Mình la: tại mày dẫn ẩu. Bây giờ trung đội mình đã đến mục tiêu. Con kênh nằm sau bụi tre chẳng chịt. Nước có lẽ sâu lắm. Không thể qua được. Thằng mang trung liên bị té xuống hố-đào-cá nhân ở bờ sông. Hố của mấy cha nội ấy đào. Nó chửi thế thằng phụ xạ thủ người Thượng không chịu lên, mình phải lấy súng dí vào người: bảo mày lên hay không, tao bắn. Nó nói em sợ quá. Nó khóc. Mình bảo: mày tưởng tao không sợ à? Nhưng đến nước này, muốn sống thì phải lên

Bờ sông cao và nhiều hầm. Tre mọc chẳng chịt, ngã nghiêng trên con kênh.

Có lẽ chúng bị đạn và bom tàn phá. Đại bàng hỏi tìm được chỗ qua bên kia làng chưa. Mình bảo chưa. Không thể qua được. Đại bàng bảo nằm chờ hừng sáng hãy tìm cách xung phong vào làng. Mình ngồi trên bờ, nhìn thời gian đi. Trời gần sáng. Bọn lính ngồi run cầm cập. Lạnh quá sức tưởng tượng. Ở bên kia vẫn âm thầm. Nhưng là cõi chết, là nơi mình đang sắp sửa đến ơn chính phủ. Tay mình vân vê ngọn cỏ. Mình bỗng cảm thấy bình tĩnh. Lá cỏ còn đọng sương làm tay mình cảm thấy lạnh. Bên cạnh một hầm lộ miệng đem ngòm. Địa ngục ở đó. Quê hương mình ở đó, thằng y tá bỗng nói với vợ: chẳng lẽ quê nhà mình cứ chịu mãi như thế này. Một thằng khác nhìn cả cánh đồng, ao ước một ngày nào đó về sống ở đây trồng lúa và thả lưới bắt cá. Mình xuyết bảo im, nhưng mình biết trong tim mình đang gào thét.

.

Bỗng có tiếng súng nổ dồn dập bên trái. Đại liên quạt như mưa, đạn lửa bay vào làng, với những vệt đỏ thắm. Thôi rồi, lộ mục tiêu rồi. Công trình đi cả đêm hôm, phờ cả râu, lội mệt ước chừng muốn quy, bây giờ lại đi đời nhà ma. Gọi, C10 hỏi đại bàng. Đại bàng bảo đại đội bạn bắn hai tên du kích xuất hiện ở bờ đê. Đằng sau, những dáng người lụp sụp dưới ruộng, trải dài như đàn kiến. Lính la lên: Bọn chúng bò tới kia, đông lắm thiếu úy. Mình cố điều tiết cho rõ. Kiểu vậy, hai mặt nó đánh thì chỉ có nước chết. Vội hỏi đại bàng. Đại bàng lại cho biết đó là toán yểm trợ. Mình mới yên lòng.

Căn nói nhỏ bên cạnh. Hồi nãy, em dẫn thấy người đi tìm cầu vượt qua sông, gặp một tên. Nó là cảnh giới. Nó hét: Ai? Bọn em chưa kịp phản ứng. Nó nhảy

xuống sông trốn mất. Mình hỏi: Bây giờ tìm được cầu chưa? Nó đáp tìm được rồi, cầu khỉ mà thiếu úy.

Người sĩ quan đề-lô bây giờ gọi to trong máy C10. Trời bắt đầu sáng. Lính mời mình điều thuốc. Vội vồ lấy. Thèm thuốc hơn thèm đàn bà. Những đóm lửa hiện trong buổi sáng mù sương. Những hố bom cày bây mới thấy rõ. Vũng nước đen loang loáng đầy rêu. Tiếng đại bàng ra lệnh qua cầu. Đại liên bắt đầu quạt, M79 cũng bắt đầu nhả. Giọng người sĩ quan đề lô nổi lên: Anh bắn hiệu chỉnh. Đúng. Mục tiêu rồi. Làm cho tôi hai mươi tràng. Tiếng rít của những quả đạn trong không trung như một âm thanh ghê rợn. Hình như nó bay qua đầu. Từng loạt nổ tiếp tục, tiếp tục ... mình bò qua cầu, cầu trời yên ổn...

1200H. NGÀY N.

Hầm nhiều không thể tả. Ở đây, mới thấy được cảnh thương tâm của quê hương. Không còn gì nữa. Nhà ngói chỉ còn nền và hầm trú ẩn. Nhớ lại những lần cùng mẹ trốn dưới hầm trong những ngày kháng chiến. Mẹ ôm mình thật chặt. Nước mắt mẹ thấm cả má. Mẹ vừa ôm vừa đọc kinh. – Bây giờ cũng vậy. Thôi đừng nghĩ nữa, bảo lính bố trí. Hầm nhiều lắm. Một thằng la lên: Còn cơm nóng. Bọn nó vừa đi hồi sáng, thiếu úy. Mình đi vào nhà, nằm lăn trên nền. Chỉ muốn nằm dài trên nền, chỉ muốn nhìn quê hương mà khóc. Chỉ muốn lau những đám bụi dầy đóng trên lư nhang. Một tượng phật bị đạn soi lủng thân thể. Chiến tranh không chừa một ai. vào viết trên vách một câu thơ: Mình đi tìm một viên than.

*Khi con về quê hương chùng đã ngủ,
Giấc ngủ ngàn đời trong tuổi đạn bom
Ru nước mắt, con xin ngừng nhận lỗi
Mẹ Việt Nam, mẹ đã mất hay còn?*

TRẦN HOÀI THƯ

(Ngày đột kích H.L.)

* Đi tìm một tình yêu giữa bao cay đắng hận thù,

* Đi tìm một niềm tin giữa bao chán chường bi thảm,

* Đi tìm một ngọn lửa giữa bao ngội lạnh rời rã...

HÃY ĐỌC

HƯƠNG CỎ MAY

truyện dài của TUẤN HUY

HAI MIỀN xuất bản

Gần 400 trang. In đẹp.

Trình bày trang nhã.

VUỐT MẶT

Hồ Minh Dũng

RA ĐẾN CỔNG NHÀ, KHẢI PHẢI QUAY TRỞ LẠI để nói thêm với Liên một vài điều nữa. Tôi đứng núp mình chờ dưới hành lang của căn phố chắn ngang ra sông. Mưa tạt qua từng hột nặng, gió cũng thổi bay những xác lá còn lại trên đường. Một vài người Mỹ áo quần gọn ghẽ có võ trang đi ra phía bờ sông. Có lần tôi ngồi với Chi ở đó suốt cả buổi không nói gì. Hồi

Khải còn dạy học ở tỉnh, tôi cố ý ở luôn ngoài đơn vị không về phố. Một phần vì sự phiền phức xã giao đối với bà chủ quán tôi thường ghé gởi ba-lô, áo giáp và một vài thứ vũ khí nhẹ trước khi về nhà. Cũng một phần tôi muốn xa Hà, xa sự phung phí tình cảm và sự xích mích lời thôi giữa nàng và bà già. Tôi hối tiếc những việc đã xảy ra. Tối nay Khải đưa tôi đi qua con đường đó, tôi cố bước qua thật vội nhưng bà chủ quán vẫn nhìn ra và đưa tay vẫy. Khi Khải từ giã. Tôi lại đi lang thang hết con đường này đến con đường khác. Mưa đã nhẹ bớt. Mặt đường sũng ướt và im lìm như con rắn sơn đen. Ở vào một dốc cao, mây đã lấp xuống đó. Ánh đèn vàng yếu xoi thủng đêm buồn bã đầy bóng ma chiến trang lãnh đăng. Tôi đi vào một ngõ hẻm quen thuộc. Một vòng hoa còn tươi nằm trên vũng nước. Đến cuối hẻm, tôi đứng lại.

Bóng tối bưng kín gian nhà tôi đến. Có tiếng ho nhỏ bên trong và tiếng khóc. Tôi gõ cửa:

- Em đó Thảo?
- Anh về đó sao?
- Mở cửa, trời lạnh quá.
- Chủ nhật rồi sao anh không về?
- Kẹt đi hành quân.
- Anh thì khi nào mà không đi hành quân.
- Thiệt mà, độ này nước lụt đi ngán lắm.

Thảo cười, đưa tay quạt nước mắt, tôi hỏi:

- Sao em khóc?

– Nhớ nhà quá, anh.

– Anh không nhớ sao. Nhịn vài tháng nó quen đi.

– Em không nhịn nổi nữa. Anh cho em về thăm vài bữa em lên, em hứa lên mà.

Tôi nhìn khuôn mặt nó trắng bệch dưới ánh đèn dầu, thật thương hại:

– Về dưới, Mỹ đi hành quân nó túm cô thì sao?

– Em không sợ, em biết tiếng Mỹ.

– Thật sao?

– Hồi còn ở nhà em còn đi theo xin cho các chú ở cùng xóm bị bắt nữa là khác.

– Sao em biết tiếng Mỹ được, đi bán bar hả?

– Không, em đi theo chị em bán câu lạc bộ ở phi trường mà.

Sau đó, nó tiếp:

– Hôm qua có người lính chết đưa về hẻm này, người lính chết đã ươn thối rình.

Tôi cởi giày lên giường nằm, đốt thuốc hút. Tôi nhớ đến vòng hoa còn tươi nằm trên vũng nước. Thảo hỏi tôi đói không. Tôi nói có ăn cũng tốt, không cũng được. Nó mở cửa đi ra ngoài khi vào nói giới nghiêm không ai dám đi bán. Lúc đó tôi đã trùm chăn kín đầu. Nghĩ đến Khải và Liên. Nghĩ đến những ngày tháng đã qua xuôi, những mũi tên thuốc độc đã cắm nát trái tim mình. Tôi nghĩ đến những liên hệ rã rời của tuổi trẻ. Bà chủ quán, Hà với bà gia. Trong tận cùng đáy cuộc sống phiến toái, tôi

buông thả cuộc đời trên chiếc phao cuối cùng cũng nở đầy gai độc. Thảo ngồi kê cằm vào đầu gối nhìn tôi. Sau đó nó nằm xuống bên tôi, hỏi nhỏ:

– Anh còn tiền không?

– Còn chút ít, em cần?

– Chia cho em vài chục thôi.

– Được, nhưng em đừng về dưới lúc này.

– Em nhớ nhà hết chịu được.

Nói xong nó khóc sụt sùi. Tôi lay lay vai nó:

– Em không yêu anh sao?

– Có lắm, yêu anh em mới ở đây, nhưng em phải về rồi em lên.

– Ba em có về không? Ít lắm lúc mới

đảo chánh ông Diệm ba em có ghé vào nhà cho chúng em tiền rồi đi liền.

– Sao em không liên lạc để khuyên ba về chiêu hồi?

– Ý chết, em là con đâu dám khuyên cha mẹ.

Tôi yên lặng. Hơi ấm của nó xoa vào tôi ngây ngây muốn ngủ. Tôi ôm nó ngủ thiếp đi. Buổi sáng thức dậy thật sớm. Nó đã đi lúc nào. Trên bàn có để lại một miếng giấy đại khái nó xin về vài hôm rồi lên. Tôi mặc áo đi ra tiệm cà phê ngồi.

* * *

Chiếc xe GMC qua ngã tư phải dừng lại, chờ một toán xe Mỹ đổi chiều. Bên kia đường tôi bỗng thấy Hiệu ngồi trong

chiếc xe hồng thập tự vậy:

– Ê, cha nội, đã biết tin gì chưa?

– Chưa.

– Thăng Lữ nằm đây nè.

– Đắm nhau hả?

– Không.

– Bị thương?

– Ủ, đánh nhau bị thương mấy ngày mới tải về được, máu ra gần hết.

Tôi mở cửa:

– Cho xe vào lề tao thăm chút.

– Thôi chạy gấp đã, nó bất tỉnh rồi.

Chiếc xe chạy thật nhanh, tôi thấy cây cờ trắng quay tít trong đám bụi.
Người tài xế hỏi:

– Chuẩn úy về đâu?

– Cho tôi trước tòa án.

Khi xuống đường, tôi bỏ ý định đi xem phiên tòa xử vụ Phán đưa Liên ra tòa ly dị về tội ngoại tình. Tôi đi quanh con đường tắt vào thư viện đô thành, gặp sẵn Ánh ngồi ở đó. Ánh nói:

– Linh cũng còn mê sách sao?

– Đọc sách cũng như đánh giấc, sao lại không mê, lại khỏi làm lòi thoi đến người khác, nhất là đàn bà.

Ánh vỗ tay:

– Được thế thì chúng em hoan hô.

Tôi chợt nhớ Ánh ở cùng xóm với Hà:

– Vụ Hà ra sao rồi?

Nghe đâu Hà và bà gia ghen nhau một ông nào đó.

- Đâm chém nhau hả?
- Dường như vậy.
- Giờ Hà nằm ở đâu?
- Bệnh viện trung ương.

Tôi với lấy một quyển sách, đọc lấy lệ vài câu rồi đứng dậy đi, Ánh đưa tôi xuống thang lầu:

– Sao anh không lấy vợ đi. Sống kham khổ hoài.

– Biết lấy ai bây giờ?

Ánh bấu môi:

– Thời nầy con gái ối thừa như rạ đó anh.

Tôi nói thế mà anh vẫn thấy khan hiếm, rồi đi thẳng đến nhà Luận, mượn ít tiền rồi tạt qua nhà thương. Hà nằm đắp drap trắng, bệnh tình đã giảm bớt nhiều. Hà vẫn vui mừng khi thấy mặt tôi, tôi ngồi xuống chiếc ghế rời đặt sát cạnh giường:

– Em định giết mụ đó sao?

– Phải giết.

– Sao em không tìm cách khác?

– Không có cách nào hữu hiệu hơn.

– Anh không muốn như vậy.

– Em cũng không muốn, nhưng một là em chết hai là bà ta. Chồng em chết em phải được tự do. Từ ngày biết em yêu anh, mụ ta cố gài bẫy đưa em vào ổ bán dâm. Em đâu phải là con ngu, phải không thừa anh?

Tôi nhìn phớt qua những vết cắn nứt trên cổ, một vết ở trên môi dưới đã đóng mủ, Hà cười:

– Họ phải cắt thịt ở mông em để vào đây đó anh.

– Cắn nhau à?

– Ừ, cắn như chó cắn, em cũng biếu cho bà ta mấy mũi giày cao gót thùng lỗ rỗng, máu phun ra như vòi nước công cộng.

Hà liếc nhanh phòng bên rồi cúi xuống nói nhỏ: Bà đó đẻ con không ra, đẩy anh.

– Sao lại đẻ không ra?

– Đứa con bị chết kẹt trong bụng.

– Thế à.

– Anh ngó đó, bác sĩ phải mổ để lôi bào thai thối ra.

– Bị bệnh?

– Không, bị một quả ca-nông rơi ngay trên hăm, hăm sập đè bà ta.

Ngoài trời một vài tia nắng chiếu qua lưới cửa, mùi thuốc khô khan khó chịu. Tôi quay lại khi Hà đã nắm tay tôi:

– Anh thật tệ.

– Sao lại tệ?

– Anh là kẻ ăn–cháo–đá–bát.

Tôi yên lặng để cho nàng nói tiếp:

– Em thù những người đàn ông như anh.

– Anh làm sao?

– Nếu anh yêu chỉ một mình em thì đâu phải như thế này.

Tôi đứng dậy:

– Thôi anh về nhé.

– Anh có đến đây nữa không?

– Mai anh ra đơn vị.

– Đêm nay?

– Không.

Tôi gật đầu chào một vài người nằm cùng phòng. Bà đẻ không ra vẫn nằm ngửa mặt bình thản nhìn lên trần nhà, mấy con thằn lằn đuổi nhau, một con rơi xuống chiếc drap trắng, vội vã chạy trốn. Con đường ra cổng phải đi qua khu dưỡng trí. Một tên tóc bù xù đu lên song cửa sắt, nhe hàm răng vàng khè gọi tôi:

– Ê, cha lính. Có ưa hòa bình không?

Tôi đưa tay lên:

– Ưa lắm.

Tên điên được dịp rú lên:

– OK. tao cũng ưa. Hòa bình tao gặp vợ con tao liền.

Có nhiều đứa điên nữa chen nhau chỗ đứng vào khung cửa để nhìn ra tôi. Có một đứa đàn bà tay bông đùa con đỏ bông cũng nhe răng cười. Tôi hỏi:

– Con đẻ đó sao?

– Đẻ.

– Sao không mặc áo cho nó?

– Không có áo.

– Lâu mau rồi?

- Mới tuần này.
- Chúng bây lấy nhau sao?»

Cả tốp phá lên cười, tôi đạp xe đi một mạch. Qua bưu điện tôi thấy nhớ Lạc, cả năm không nhận được thư. Chiến trường ở Trị Thiên nghe khó thở lắm. Tối hôm đó, có tiếng gõ cửa, tôi hỏi vọng ra: Đến đòi nợ đó sao? Không, tôi đây. Bác Phụng hả. Vâng. Mời vô. Bà chủ quán mặc váy đầm để lộ cặp đùi chạy qua chạy lại như chất nhão. Bà chủ mở đầu bằng một cái hôn tôi thật quen thuộc thành thạo, xong bà ta ngồi phịch xuống ghế: anh cho, điều thuốc. Tôi đưa thuốc, bật quẹt, hỏi:

- Không bán quán sao?
- Đóng cửa rồi.
- Đóng cửa?

- Phải bán rẻ hàng để trả nợ.
- Có nợ sao?
- Đánh bạc.
- Có hút thuốc phiện không?
- Thỉnh thoảng, khi buồn.
- Đàn bà mà quá tay vậy sao?
- Đệ nhất Á châu mà.

Nụ cười của bà chủ quán phá lên cùng với một lượt bà ta run run hai vế chân. Tôi không để ý đến những cử chỉ đó. Nhà tôi thuê ở trên bờ rạch, bây giờ con nước đã lên cao.

* * *

Tôi hất mạnh bà ta ra, sẵn đà ngã quay xuống đất.

- Anh thật tình làm như vậy?
- Tôi không muốn nhìn mặt bà nữa.
- Đồ khốn.
- Biết vậy thì nên rút về đi.
- Tôi không về, nhà này là của tôi.
- Anh lấy tiền tôi anh quên rồi sao?

Tôi hỏi:

- Còn gì nữa không?

Bà chủ quán bỏ đi ra ngoài chậu cây. Con nước lên phía dưới lao xao như nổi buồn bông bênh lớn dậy trong lòng. Bây giờ, có lẽ Thảo đã về tận dưới quê. Nhớ hôm nó nói ở thôn quê bây giờ ai còn sống là như hạt gạo trên sàng. Chú Miên

cũng bị chặt đầu đem cắm ngoài chợ. Dượng Tuấn thì giả điếc suốt ngày ngồi nín trong hầm trốn bom. Khi bà chủ quán đi vào, mùi nước hoa được thơm nồng hơn trước, tiếng bà âu yếm:

– Thôi đừng giận em nữa, đêm nay em còn ở lại đây mà.

Tôi đứng lên, không nói gì, mặc áo xuống chợ. Đêm đã vắng người, tôi đi qua từng vũng sương dày. Tiếng súng vẫn nổ đều đặn ở ngoại ô xa. Tôi nghĩ đến ngày phải trở lại bà chủ quán lấy ba-lô, áo giáp ra mặt trận. Giặc đánh quá lâu, con người đã mệt mỏi không ai muốn nhắc đến. Khi tôi xuống dốc cầu, có tiếng lũ trẻ thì thầm phía dưới. Một đứa chạy theo dí vào tay tôi một vật cứng, miệng nói: thầy mua, rẻ thôi. Cái gì, xì-gà hả? Dạ không, súng sáu. Tôi quay lại: súng hả. Dạ của thằng Mỹ uống rượu say nằm

dưới gầm cầu. Tao không có tiền bây giờ. Ít cũng được thấy. Ít là bao nhiêu. Chừng trăm tí. Trăm tao cũng không có. Thôi đổi cho thầy bao thuốc Salem. Thuốc tao cũng hết. Đứa trẻ buồn bã đi về miệt có tốp xích lô đậu. Tôi tiếp tục đi. Một vài chiếc xe ngựa lẻ tẻ chạy qua, những con ngựa già bịt mắt cấm đầu nhìn xuống. Tôi nghĩ đến đời tôi cũng bịt mắt chạy mãi hoài trên miệng hầm tuyệt vọng.

Tôi lôi bản đồ ra để xem lại những mục tiêu phải thanh toán trong buổi chiều. Xóm của Thảo ở trong mục tiêu C. Có lẽ phải vượt sông bằng ghe hay phải lội nước. Cách đây vài giờ máy bay đã oanh tạc khu vực đó, nhiều ngọn cây cháy đen như những ngón tay phung hủi đưa lên cao. Khi vào được mục tiêu C an toàn. Tôi đang tháo giày vắt bớt nước

trong tất, thì một hạ sĩ hốt hải chạy vào:

- Có hầm, chuẩn úy.
- Có hầm, ở đâu?
- Ở dưới cái am bằng gỗ, trên có thờ cúng hương đèn đàn tràng hoành.

Tôi đứng dậy:

- Có người, có người.
- Cố lên, nhớ bố trí cho cẩn thận, bắt sống càng tốt.

Người hạ sĩ đi rồi, tôi nghe tiếng la nhiều người cùng một lúc:

- Cho nó ăn mìn định hướng bỏ ghét.

Một người lính khác ghé tai vào lỗ thông hơi:

– A! vô miệng cộp rồi. Đầu hàng không đòi lưu đạn xuống.

Tiếng người lính Việt gốc Hoa nổi bật lên:

– Bậy, bắt sống để đánh cho sướng tay. Có tiếng đàn bà nữa, chuẩn úy.

– Coi chừng.

Người lính đó bụm tay làm ống loa, chu miệng thét:

– Lên đầuh. Tha chết cho.

Có tiếng dưới vọng lên:

– Để chúng tôi lên.

– Đội nấp hăm lên mau.

Tất cả đứng tản ra và sẵn sàng khí giới. Một người đàn ông lò đầu lên, theo sau một người nữ. Mặt mày họ lấm bùn

đất. Khỏi miệng hầm cả hai người tự dong tay lên dấu hiệu của sự đầu hàng và để cho binh sĩ còng tay lại bằng sợi dây dù. Tôi hỏi người đàn ông:

– Có gì dưới hầm không?

– Thưa có. Có súng và tiền.

Một người lính chạy vụt tới:

– Chuẩn úy để tôi xuống.

– Ừ, xuống thì xuống. Có tiền nhớ để anh em ăn tiệc nghe.

Trung sĩ trung đội phó hỏi tiếp:

– Có hầm nào ở khu này nữa không.

– Chúng tôi không biết. Đồng bào nuôi ăn, cứ hỏi bỗng bào.

Người đàn ông tóc đã bạc, mắt đỏ hoe nhìn miệng hầm bị phá tung lở lói.

- Ông bao nhiêu tuổi?
- Hơn bốn mươi.
- Đi lâu chưa?
- Hồi mới cưới vợ.

Lúc đó, thằng lính ở dưới hầm đục lên:

– Chẳng có cóc gì cả. Khẩu súng, tài liệu, mấy chai thuốc ghê, ngòi viết Trung cộng và hai quả lựu đạn chày.

Người hạ sĩ đứng chực sẵn ở miệng hầm, hất hàm:

- Còn tiền?
- Hai ngàn đồng, xin gửi nơi chuẩn úy.

Tôi lắc đầu:

– Thôi cho tụi bây chia nhau.

Chia tiền xong, người lính ấy vỗ nhẹ vào tay tôi nói rất nhỏ:

– Có cái hình giống chuẩn úy như đúc, em cất ở trong túi.

– Mà thì cứ nói nhảm.

– Thật mà.

Bỗng tiếng người nữ Việt cộng bỗng khóc to. Người đàn ông nhìn vội rồi quay mặt đi. Một người lính khác ngồi khể khể vào bóng súng hỏi:

– Mà có mang hả?

Người nữ cứ khóc dường như không để ý tới lời nói của người lính:

– Gà đẻ gà cục tác. Cầm mồm không thì ăn đòn.

Người nữ cúi đầu để cho nước mắt rõ trên cát, khi ngừng lên gương mặt nàng sáng rực rỡ sau lớp bùn đục quánh:

– Anh.

Tôi giật mình, chăm chú nhìn người nữ cán bộ, thẳng thốt:

– Thảo. Em là Thảo phải không?

Nàng gật đầu rồi không nói gì nữa. Tôi mở dây trói cho nàng, nàng chỉ người đàn ông:

– Đây là đồng chí Truyện, ba em.

– Ba em thật sao?

– Thật đó.

– Em có mang?

– Đã sáu tháng. Hôm về em có hai tháng rồi.

– Con của anh?

– Không, không phải con của anh, không phải con của ai hết. Con của em, của một tên tù nhân khốn nạn.

Tôi cho gọi trung sĩ trung đội phó lại:

– Anh cho hai người vào nhà bên cạnh nghỉ tạm. Nhớ đừng cho ai tra khảo gì cả. Để đó có tôi.

Đến xế chiều, người liên lạc viên vội vã chạy vào quỳnh lữ:

– Thừa chuẩn úy, cô ấy tự tử rồi.

Tôi hoảng hốt, không biết nghĩ sao thì nghe nói tiếp:

– Cô ấy uống một thứ thuốc riêng. Đã tắt thở, cái mình lạnh như đá.

Tôi đau quặn trong ruột, chạy qua. Thảo nằm tóc rũ xuống thật dài. Người đàn ông trong nhà nắm lại cánh tay nàng uốn cong. Một lúc sau người đàn ông bị bắt quay lại nói với tôi:

- Con tôi gửi lời xin lỗi ông.
- Có nói gì nữa không?
- Không.

Tôi đắp tấm poncho của tôi cho nàng rồi bỏ ra ngoài. Nước mắt đã chảy quanh. Người trung sĩ đi theo:

- Đào lỗ chôn ở đây luôn, chuẩn úy?
- Anh hỏi ý kiến người đàn ông ba nàng.

Người đàn ông liền đáp:

- Tùy các ông định. Tôi không có quyền.

Lúc đó có lệnh tiến chiếm mục tiêu kế tiếp. Thôi phải gấp rút lên đường. Chỉ kịp dặn lão già trong nhà: nhờ cụ đẩy nhé. Nhớ làm dấu cho. Có dịp ghé tạ ơn cụ.

Mưa rơi lấm chấm ở trên cánh đồng. Những giọt mưa bắt đầu từ hôm Thảo đứng dưới mái hiên. Tôi vuốt mặt đi. Gió tiếp tục thổi những bóng nước chạy trên lối mòn.

HỒ MINH DŨNG

TRONG KHÓI LỬA, BẠN ĐỌC GÌ?
GIAO ĐIỂM TRANG TRỌNG GIỚI
THIỆU:

Ngựa tía

truyện dài Y UYÊN phản ánh trung
thực cuộc chiến hiện nay

CON CHIM TRỐN TUYẾT

tân truyện Paul GALLICO bản dịch:
T.P.G. và Hoàng Ưng một mối tình cao
thượng bi đát, nước Anh, thời đệ Nhị
Thế chiến

LÊ BÁ LÃNG NGÀY TRỞ LẠI NHÀ

Tôi trở lại tìm em khi những ngày vui xưa đã mất những mơ ước nhỏ nhoi cũng không còn nhưng đốm lửa hy vọng cuối cùng này đã tắt khi quanh tôi cây thập tự đỏ đầu đã mọc đầy trong những khu vườn tuổi trẻ kết trái tang thương và trên những lối đi của loài chim xanh thưở trước tôi không còn tìm thấy dấu thiên đường đạn bom đã cày vỡ nát lời ca dao cũng vắng bên nôi âm thầm:

tôi đứng ngó mãi tôi

và nỗi lấm than đã vội vã tung cò

HỘP THƯ BẠN ĐỌC



GIỚI THIỆU SÁCH & BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trân trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

* NƯỚC NON BÌNH ĐỊNH, Quách Tấn, Nam Cường xuất bản. Sách dày 520 trang, giá 220 đồng.

Sách địa dư chí viết về tỉnh Bình Định, trình bày đầy đủ những lãnh vực: lịch sử, địa lý, thắng cảnh và cổ tích, dân

số, kinh tế, phong hóa, tôn giáo... Biên soạn công phu, tài liệu xúc tích, bút pháp trau chuốt, Nước non Bình Định là một tập địa dư chí giúp ích rất nhiều cho tất cả những ai muốn tìm hiểu và mến yêu đất nước...

* NGƯỜI HÙNG, Wilhelmine Von Hillern, Nguyễn Khoa Huân dịch, Gió Bốn Phương xuất bản. Sách dày 296 trang, giá 80 đồng.

Nguyên tác Aus Eigener Kraft của nữ văn sĩ Đức W.V.Hillern. Người hùng dịch theo bản tiếng Pháp Le plus fort của bà Jean Carrère, là một tiểu thuyết luận đề.

VĨNH BIỆT CHIẾN TRƯỜNG, Ernest Hemingway, Nguyễn Hương Sắc,

dịch, Gió Bốn Phương xuất bản. Sách dày 490 trang, giá 150\$.

Nguyên tác: Farewell to Arms, một tác phẩm lớn của văn hào Ernest Hemingway – mà bạn đọc của Văn đã có dịp làm quen qua số 41.

* HƯ MẤT, Khang Lang, Tịnh Huyền xuất bản. Sách dày 40 trang, bản đặc biệt, không ghi giá bán.

Thi phẩm thứ ba của Khang Lang gồm hai mươi bài thơ. Phụ lục là một bài điểm sách của Đỗ Tấn, giới thiệu tác giả như một tài năng đang độ triển khai...

* VẬN ĐỘNG, số 2 tháng 1-68. Dày 10 trang khổ lớn, giá 15 đồng.

Tạp chí sáng tác văn nghệ xuất bản hàng tháng, có lập trường: phát khởi một dòng văn học nghệ thuật mới.

* CHUYỂN HIỆN ĐẠO PHẬT VÀO THỜI ĐẠI, Đức Nhuận, Vạn Hạnh xuất bản. Sách dày 180 trang, bản đặc biệt, không ghi giá.

Sách gồm 11 bài tiểu luận, đề cao khả năng dung hóa của đạo Phật với các nền văn minh địa phương, để kết tinh thành một “giáo lý giải thoát, phá chấp, phá mê, thừa nhận khổ đau để làm chủ khổ đau và, do đó, luôn làm chủ cuộc đời...”

* PHÁ NÚI, Lê Tất Điều, Hoàng Đông Phương xuất bản. Sách dày 250 trang, bản đặc biệt, không ghi giá.

Tác phẩm mới nhất của Lê Tất Điều là một truyện dài. Bìa của Trịnh Cung.

* THƠ THƯƠNG YÊU, 24 bài thơ của Bảo Hạnh. Sách in rô-nê-ô, dày 50 trang, không ghi giá bán.

* TRỞ VỀ MÁI NHÀ XƯA, 13 bài thơ của Chính Sơn. Sách in rô-nê-ô, dày 20 trang không ghi giá bán.

* THÔNG ĐIỆP ĐẦU NĂM, Đức Tăng thống Thích Tịnh Khiết, Giáo hội Phật giáo VN Thống nhất ấn hành. Sách in song ngữ Việt Anh, dày 40 trang, không bán.

* TÌNH MẸ, thơ Giác Hạnh, Âu Cơ xuất bản. Sách dày 96 trang, giá 65 đồng. 52 bài thơ của một tu sĩ. Phong Sơn viết tựa. Hiếu Đệ vẽ bìa.

* THE COMPLAINTS OF AN ODALISQUE, Ôn Như Hầu, Vũ Trung Lập dịch, Việt Tiến xuất bản. Sách dày 128 trang, giá 120 đồng.

– Bản dịch Cung oán Ngâm khúc, do ông Văn Hà Vũ Trung Lập dịch sang

thơ Anh. Sách in đối chiếu song ngữ Việt Anh.

* GIAI THOẠI CHỖN AM THIỀN, Phổ-Hòa, Nha Tuyên-úy Phật giáo ấn hành. Sách dày 260 trang, không bán.

Sách gồm khoảng ba mươi mẫu hồi ký “nói lên trọn vẹn cảnh sống chốn thuyền gia” do một cư sĩ trước tác. Ấn phẩm công dành cho anh em quân nhân Phật tử.

* HOA HỒNG TRẮNG ĐÊM GIÁNG SINH, truyện Selma Lagerlof, Hải Nguyên dịch và xuất bản. Sách dày 50 trang, giá 40 đồng.

Một truyện ngắn của Selma Lagerlof, nữ văn sĩ Thụy Điển, giải Nobel về Văn chương năm 1909. Bìa của Đinh Cường. Sách ấn hành tại Huế.

* HƯƠNG CỎ MAY, Tuấn Huy, Hai Miền tái bản. Sách dày 380 trang, giá 130 đồng.

Truyện dài. Sách in lần thứ hai.

* CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG, Herman Hesse, Phùng Khánh và Phùng Thăng dịch. An Tiêm tái bản. Sách dày 190 trang, không ghi giá bán.

Bản dịch Weg nach innen. Bản in lần thứ ba. Tranh bìa của Tsung Ch'i-Hsiang.

THƯ ĐI TIN LẠI

* Ông Phạm Hoàng Thanh, Huế. Rất tiếc: bản thảo Ngày qua đã bị hủy bỏ trước khi nhận được thư 10/1. Lần sau, xin ông nhớ ghi rõ trên bản thảo và nhất

là phải nhớ gửi kèm theo tem thư.

* Cô Trần thị Huệ, Kiến Hòa. Nhạc sĩ Vũ Thành An đã nhập ngũ. Chương trình Nhạc chủ đề hiện do người khác phụ trách. Muốn

[thiếu 2 trang]

Yên Thi. Lộc Vũ (gl). Nguyên Tâm Thảo. Hoàng Ân Sung. Yên Thức. Phan Ngọc Lợi. Phù Sa Lộc. Trúc Vương Thanh. Võ Trọng Cử. Nguyễn Xuân Thuởng. Huỳnh Trường Du (2/gl). Giang Dza Vũ (2/fh). Vũ Duy Trúc. Trầm Kha Di. Nguyễn Văn Đức. Ninh Thế Trường. Mê Hoàng Sam. An Châu Lan. Đỗ Thy Hoàng. Lê Thứ Nghiêm Tuấn. Thụy Du. Nguyễn Ngụ Yên. Hoài Tuyết Trang (3).

Yên Uyên Sa. Nhật (gl). Phan Thảo

Trang. Hoàng Hà Tĩnh. Trần Dza Lữ. Hà Thúc Sinh. (2). Mây Viễn–xứ. Trần Hoài Thư. THDV (fh). MM (gl).

Ban tuyển đọc tác phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của quý bạn và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

* những ai đang khao khát tìm hiểu sự Thật – nghĩa sống – của-cuộc-đời – Đạo Phật chính là chất liệu cho con người tìm hiểu nghĩa sống cuộc đời;

* những người yêu văn học nghệ thuật;

* những Thanh niên, Sinh viên, Học sinh và Phật tử hãy tìm đọc hai tác phẩm sau đây do nhà xuất bản Vạn Hạnh vừa mới phát hành:

* BÚT NỞ HOA ĐÀM thơ VŨ HOÀNG CHƯƠNG tựa của T. T. Đức Nhuận. bìa của Nguyễn Gia Trí.

* CHUYỂN HIỆN ĐẠO PHẬT VÀO THỜI ĐẠI của Thích ĐỨC NHUẬN. bìa của Duy Thanh.

